



**Sacombank**

**VỮNG VÀNG**  
**& Lan tỏa**

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN | **2021**

# NỘI DUNG

- 3 • Lời Ban biên tập
- 4 • Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị

1

## TƯ DUY KHÁC BIỆT

### TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SACOMBANK

- 8 • Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 10 • Thông tin chung
- 12 • Mạng lưới hoạt động
- 14 • Hành trình 30 năm
- 16 • Những điểm sáng nổi bật năm 2021
- 18 • Thành quả và thành tựu nổi bật năm 2021
- 20 • Sơ đồ tổ chức
- 22 • Giới thiệu Thành viên Hội đồng quản trị
- 24 • Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 26 • Giới thiệu Ban Tổng giám đốc
- 30 • Chia sẻ của bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Thành viên HĐQT kiêm TGD Sacombank

2

## KHẲNG ĐỊNH NỘI LỰC

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 34 • Kết quả hoạt động kinh doanh 2021
- 44 • Kết quả hoạt động kinh doanh của các Khối: Cá nhân, Doanh nghiệp, Tín dụng
- 45 • Tình hình tài chính
- 46 • Báo cáo Đề án Tái cơ cấu
- 48 • Kết quả hoạt động và kế hoạch phát triển của các Công ty con, Ngân hàng con
- 50 • Sacombank chiếm lĩnh thị phần bán lẻ nhờ vào chuyển đổi số mạnh mẽ
- 54 • Tiên phong công nghệ thẻ - Mở rộng kết nối ra thế giới
- 58 • Lĩnh vực Bancassurance - Tích lũy nội lực, sẵn sàng vượt sóng
- 62 • Sacombank và hành trình 30 năm đồng hành cùng doanh nghiệp
- 64 • Chiến lược phát triển Khối Doanh nghiệp giai đoạn 2022 - 2025
- 66 • Số hóa hoạt động Quản trị Nguồn nhân lực tại Sacombank
- 68 • Những thành tựu chuyển đổi số nổi bật
- 70 • Báo cáo Quản lý rủi ro

## VỮNG VÀNG TIẾN BƯỚC

### BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 76 • Báo cáo Quản trị doanh nghiệp
- 106 • Báo cáo Ban Kiểm soát

3

## LAN TỎA GIÁ TRỊ

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 112 • Thông điệp về phát triển bền vững
- 113 • Thông tin chung
- 114 • Chiến lược phát triển bền vững
- 117 • Gắn kết SDGs và GRI Standards trong quản trị
- 118 • Quản trị phát triển bền vững
- 122 • Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ gắn với phát triển bền vững
- 126 • Quản trị rủi ro hướng đến phát triển bền vững
- 128 • Gắn kết các bên liên quan
- 129 • Xác định các lĩnh vực trọng yếu
- 130 • Các tiêu chuẩn kinh tế
- 134 • Các tiêu chuẩn môi trường
- 136 • Các tiêu chuẩn xã hội
- 138 • Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
- 140 • An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- 141 • Giáo dục và đào tạo
- 143 • Điểm nhấn văn hóa Sacombank
- 146 • 30 năm hành trình thiện nguyện
- 150 • Hoạt động cộng đồng năm 2021

4

5

## VỮNG VÀNG LAN TỎA

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 156 • Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021
- 168 • Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021

# VỮNG VÀNG & Lan tỏa



*Chúng tôi khởi đầu bằng những khát vọng  
Lớn lên cùng bản lĩnh kiên cường  
Đương đầu với mọi gian nan  
Tiên phong cùng trải nghiệm*

Trong suốt thập kỷ qua, chưa năm nào kinh tế Việt Nam ghi nhận GDP thấp như năm 2021. Tuy nhiên, nếu nhìn ở góc độ tích cực thì sau sự càn quét của đợt dịch Covid-19 lần thứ tư, mức tăng trưởng GDP 2,58% vẫn là một con số dương khả quan, khẳng định ý chí quật cường cũng như sự thích ứng, tiệm cận với nền kinh tế số thế giới của một Việt Nam sau 30 năm đổi mới.

Ra đời cùng lúc với giai đoạn chuyển giao và phát triển song hành với sự đi lên của nền kinh tế, suốt 30 năm qua, Sacombank đã không ngừng kiện toàn mình trong mỗi bước đi để vươn lên trở thành ngân hàng hiện đại, đa năng, uy tín hàng đầu Việt Nam và Khu vực. Đối mặt với những thách thức chưa từng có tiền lệ của năm 2021, khi là một trong những ngành nghề đảm bảo phục vụ xuyên suốt trong thời gian giãn cách do dịch bệnh, Sacombank đã vững vàng áp dụng các thành tựu, tinh hoa công nghệ để linh hoạt thực thi nhiều chính sách, nhằm đảm bảo trọn vẹn quyền lợi cho mỗi cổ đông, đối tác, khách hàng, nhà đầu tư... từ đó vượt qua mọi khó khăn - chạm mốc phục vụ đến 10 triệu khách hàng.

Thành quả nói trên chính là một trong những xúc tác, tạo cảm hứng cho Báo cáo thường niên năm 2021 của Sacombank với Chủ đề “**Vững vàng & Lan tỏa**”. Chủ đề này chính là sự ghi dấu về một năm đầy biến động mà Sacombank đã kiên cường tiếp bước; là sự khẳng định về hành trình 30 năm mà Sacombank đã vững vàng kế thừa, tiếp nối thành công nhiều thế hệ để ngày càng nhân rộng và lan tỏa các giá trị tốt đẹp đến mọi khía cạnh, mục tiêu.

Năm 2022, với dự báo thách thức sẽ nhiều hơn thuận lợi, tuy nhiên, bằng sự đồng lòng và tinh thần trách nhiệm cao, Sacombank tự tin sẽ tiếp tục giữ vững vị thế, giữ trọn tin yêu từ cổ đông, đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và cam kết viết thêm nhiều hơn nữa những con số ấn tượng trong hành trình tái cơ cấu.

**Ban Biên tập Báo cáo thường niên năm 2021**



## THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ SACOMBANK LUÔN CHUẨN BỊ CHO MÌNH MỘT TÂM THỂ CHỦ ĐỘNG, LINH HOẠT, KHÔNG NGỪNG HỌC HỎI, VẬN DỤNG, SÁNG TẠO, TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ THÍCH ỨNG TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI, KHÔNG NGỪNG TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH MỚI. ”



Thân gửi Quý cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Sacombank,

2021 là năm then chốt kết thúc Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021 của Sacombank để chuyển tiếp sang một hành trình mới. Đây cũng là năm đánh dấu những nỗ lực, quyết tâm vượt bậc của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Sacombank khi đạt được mức tăng trưởng và phát triển ổn định, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã đặt ra và triển khai có hiệu quả các giải pháp trọng tâm trên toàn hệ thống; khẳng định uy tín thương hiệu với lịch sử 30 năm mở lối tiên phong, kiên cường tiếp bước và ngày càng vững vàng để lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho xã hội.

Trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế, nhờ vào các chính sách linh hoạt cũng như trên tinh thần đồng hành cùng khách hàng, các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 của Sacombank vẫn có sự tăng trưởng tích cực. Ngân hàng chú trọng tăng vốn bằng nhiều hình thức mà trọng tâm là nguồn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư với nhiều sản phẩm đa dạng, tiện ích theo xu thế công nghệ hiện đại; đồng thời không ngừng thúc đẩy danh mục đầu tư với cơ cấu cho vay khách hàng giữ vai trò chủ đạo, tập trung phát triển cho vay bán lẻ với lãi suất chuyên nghiệp cho từng phân khúc khách hàng ở nhiều lĩnh vực. Song song đó, chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro, đem lại hiệu quả. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, Sacombank tiếp tục đầu tư số hóa nền tảng vận hành và kinh doanh nhằm tối ưu hóa hoạt động cũng như gia tăng trải nghiệm cho khách hàng về một hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ tiện ích, hiện đại.

Sau gần 5 năm tập trung tái cơ cấu, Sacombank đã xử lý dứt điểm phần lớn các vấn đề tồn tại, vượt tiến độ các mục tiêu trọng yếu và đang bứt phá để hoàn thành trước thời hạn của Đề án. Cụ thể, Sacombank đã tái cấu trúc bộ máy hoạt động và nâng cao năng

lực quản trị, điều hành; tái cấu trúc toàn diện mạng lưới theo chiều sâu, tạo đà bứt phá kinh doanh; quyết liệt xử lý nợ xấu, tích cực tái cơ cấu danh mục tài sản; phát triển kinh doanh tạo nguồn lực trích lập dự phòng và phân bổ tổn động tài chính; phục hồi vị thế, gia tăng uy tín thương hiệu, cải thiện xếp hạng tín nhiệm. Có thể nói, đến nay Sacombank đã **CHUYỂN MÌNH** mạnh mẽ và đang **TĂNG TỐC** trở lại đường đua.

Bước sang năm 2022 - năm tiền đề cho chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm tiếp theo của Sacombank, Ngân hàng tiếp tục phát huy hết nội lực, đồng lòng chung sức để hiện thực hóa tầm nhìn trở thành một trong những ngân hàng hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam và vươn tầm Khu vực. Trên hành trình mới này, Sacombank luôn chuẩn bị cho mình một tâm thế chủ động, linh hoạt, không ngừng học hỏi, vận dụng, sáng tạo, tăng cường chuyển đổi số để thích ứng trước những thay đổi, không ngừng tăng trưởng và phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Thay mặt Hội đồng quản trị Ngân hàng, tôi trân trọng gửi lời tri ân chân thành đến hàng vạn cổ đông cùng hàng triệu khách hàng, đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi vượt qua những giai đoạn thăng trầm để xây dựng một Sacombank bản lĩnh, chuẩn mực và đầy trách nhiệm. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022, đảm bảo tái cơ cấu Ngân hàng hiệu quả, tối ưu hóa giá trị cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng, xã hội.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
**Dương Công Minh**

TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19 TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN NỀN KINH TẾ, NHỜ VÀO CÁC CHÍNH SÁCH LINH HOẠT CÙNG NHƯ TINH THẦN ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁCH HÀNG, CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2021 CỦA SACOMBANK VẪN CÓ SỰ TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC.



# Tư duy **KHÁC BIỆT**

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG SACOMBANK



# TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TẦM NHÌN

Trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng hàng đầu Việt Nam.

## SỨ MỆNH

Tối ưu giải pháp tài chính trọn gói, hiện đại và đa tiện ích cho khách hàng.

Tối đa hóa giá trị cho đối tác, nhà đầu tư và cổ đông.

Không ngừng mang đến sự thịnh vượng và giá trị nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên (CBNV).

Đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng xã hội.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên phong mở đường và vượt qua những thách thức để tiếp nối thành công.

Năng động đổi mới để phát triển vững bền.

Tạo dựng sự khác biệt bằng đột phá sáng tạo trong kinh doanh và quản trị điều hành.

Cam kết chất lượng là nguyên tắc ứng xử của mỗi thành viên trong phục vụ khách hàng và quan hệ đối tác.

Luôn đề cao trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

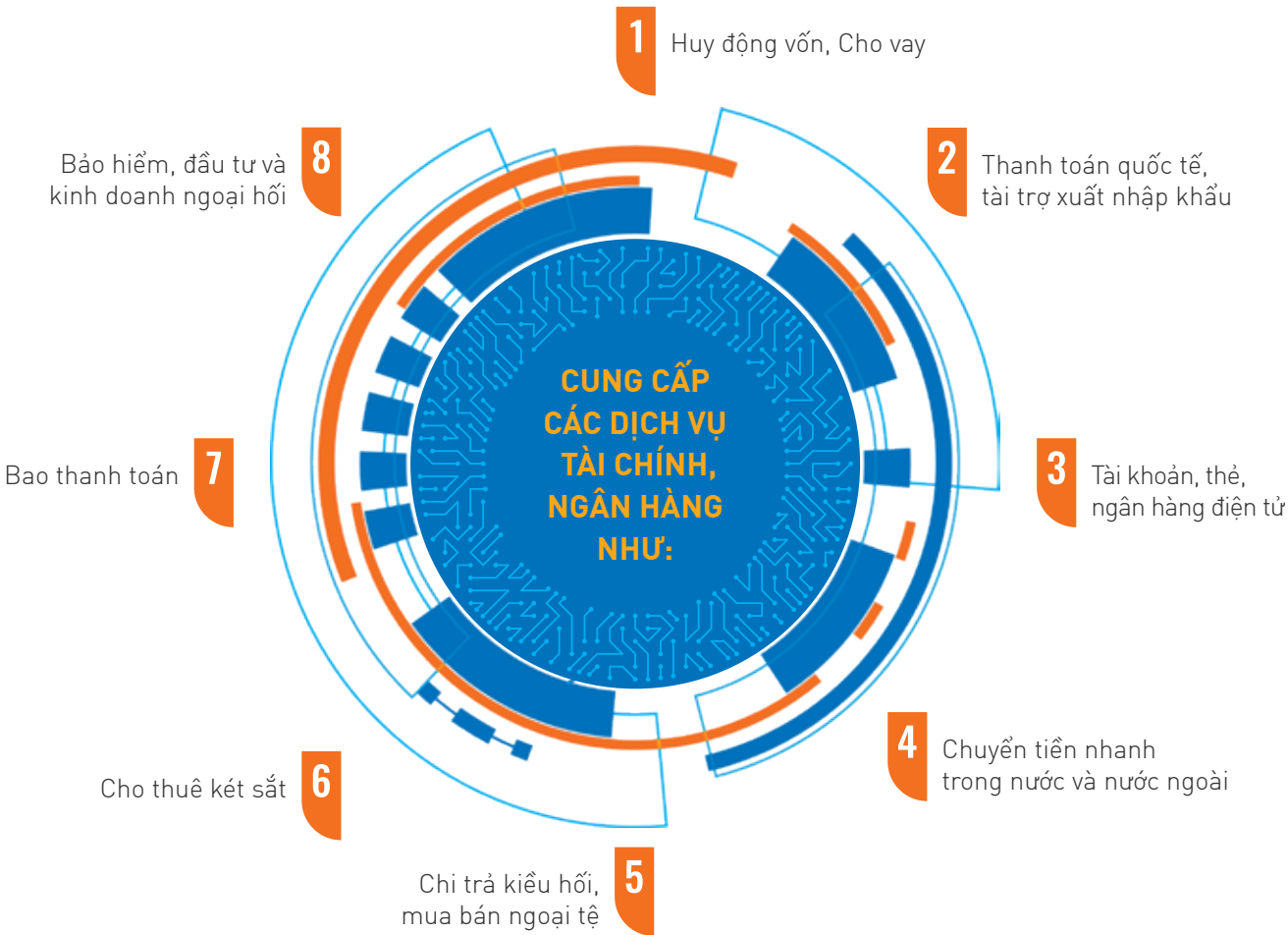


THÔNG TIN CHUNG



Tên tiếng Anh:	Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Tên giao dịch:	Sacombank
Mã chứng khoán:	STB (niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM)
Trụ sở chính:	266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Vốn điều lệ (31/12/2021):	18.852.157.160.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (31/12/2021):	34.261.336.423.533 đồng
SWIFT code:	SGTTVNVX
Điện thoại:	(028) 38 469 516
Hotline:	1900 5555 88
Email:	info@sacombank.com
Website:	www.sacombank.com.vn
Giấy phép hoạt động Ngân hàng:	Số 111/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 09/11/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 006/NH-GP ngày 05/12/1991).
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Mã số doanh nghiệp: 0301103908 Đăng ký lần đầu: ngày 03/01/1992 Đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 09/02/2021

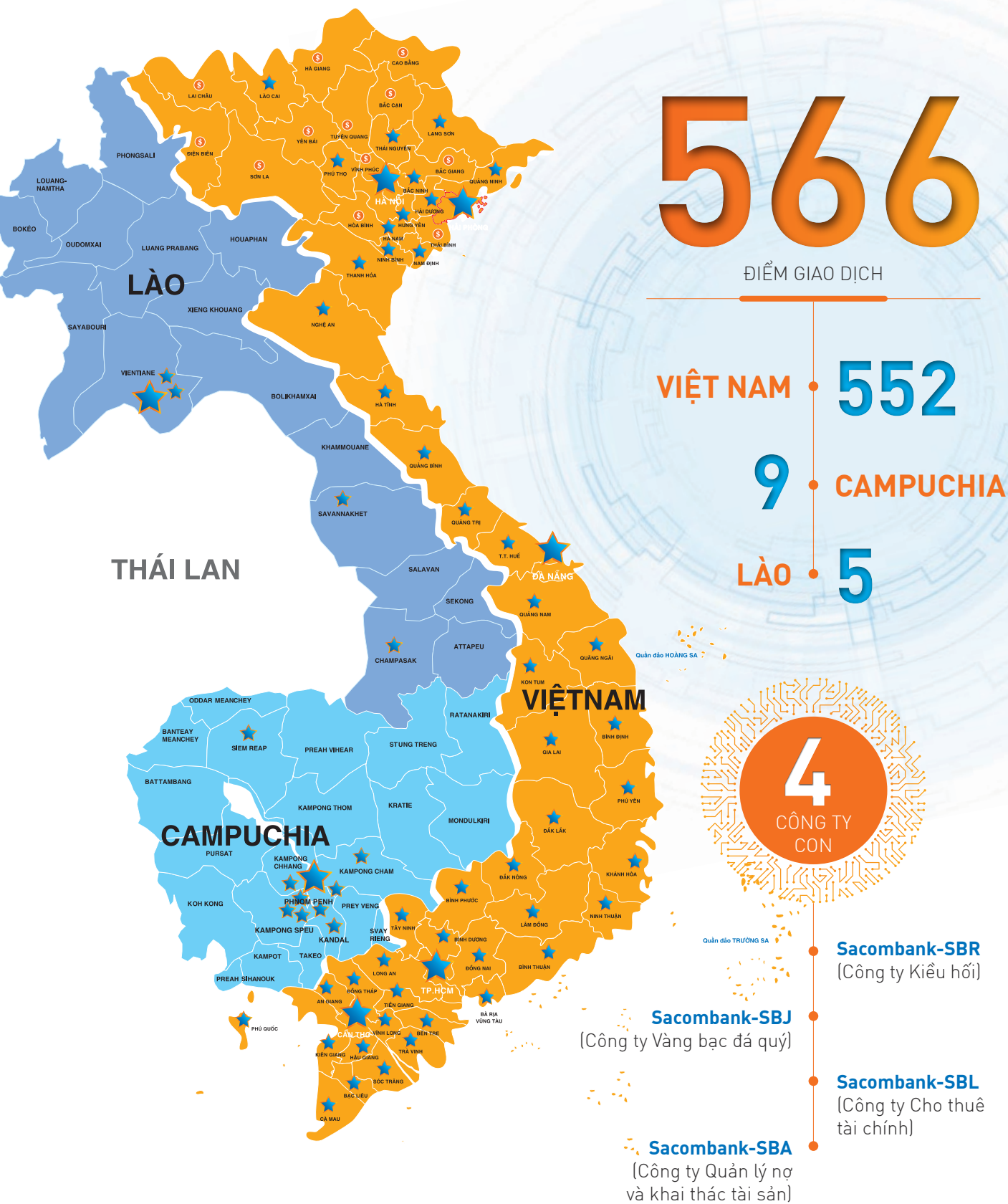
LĨNH VỰC KINH DOANH



VỐN ĐIỀU LỆ  
tỷ đồng 18.852



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



NĂM 2021, SACOMBANK TIẾP TỤC RÀ SOÁT VÀ TÁI BỐ TRÍ, ĐỔI TÊN VÀ CHUYỂN QUYỀN QUẢN LÝ 27 ĐIỂM GIAO DỊCH TẠI NHỮNG ĐỊA BÀN TRỌNG YẾU NHƯ TP.HCM, TP.HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ TỈNH/THÀNH CÓ NHIỀU TIỀM NĂNG KHÁC NHẪM KHAI THÁC TOÀN DIỆN THỂ MẠNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG. NGOÀI RA, ĐÃ HOÀN TẤT TRÌNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC HỒ SƠ XIN PHÉP THÀNH LẬP MỚI 23 ĐIỂM GIAO DỊCH TRONG NĂM 2022.





# HÀNH TRÌNH 30 NĂM

## 2021: VỮNG VÀNG & LAN TỎA

Sacombank mang tâm thế vững vàng của một doanh nghiệp trưởng thành, đầy bản lĩnh và tiếp tục lan tỏa những giá trị tốt đẹp, tích cực đến cộng đồng.

## 2020: BỨT PHÁ TƯ DUY - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

Khẳng định vị thế trở lại đường đua thông qua các giải pháp công nghệ số hàng đầu vào hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành, hướng đến mục tiêu xây dựng hệ sinh thái ngân hàng số.

## 2018: CÙNG CỐ NỘI TẠ - GIA TĂNG TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Năm đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của Sacombank bằng việc tăng trưởng ổn định về thị phần, phát huy tối đa lợi thế mạng lưới, đầu tư nền tảng công nghệ, hiện đại hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao năng suất lao động cùng tư duy làm việc tích cực.

## 2015: CỘNG HƯỞNG

Sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam, nâng tầm quy mô hoạt động thuộc nhóm 5 ngân hàng lớn nhất Việt Nam.

## 2006: TIỀN PHONG

Là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

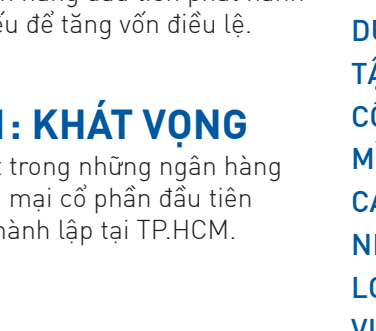
## 1997: TẦM NHÌN

Là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên thành lập Tổ Tín dụng ngoài địa bàn để đưa vốn về nông thôn và là nền tảng để định hình chiến lược phát triển bán lẻ sau này.



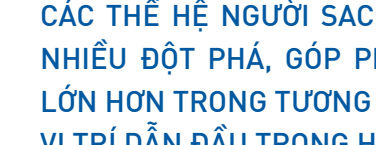
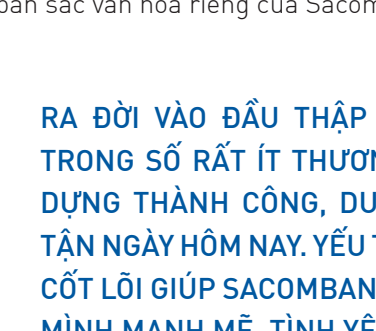
## 1993: ĐỘT PHÁ

Là ngân hàng thương mại cổ phần có Hội sở chính tại TP.HCM đầu tiên mở Chi nhánh tại Hà Nội.



## 2019: KIẾN TOÀN & TĂNG TỐC

Củng cố, tăng tốc phát triển toàn diện mọi hoạt động và thực hiện đúng tiến độ hầu hết các chỉ tiêu theo Đề án Tái cơ cấu sau sáp nhập. Đồng thời phát huy tinh thần đoàn kết, sức trẻ và quyết tâm đổi mới không chỉ trong nội bộ mà cả trong cộng đồng về một Sacombank trẻ trung, năng động.



## 2017: THÁCH THỨC

Năm đầu tiên triển khai Đề án Tái cơ cấu sau sáp nhập đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt với sự chuyển giao trách nhiệm, hiệu quả và đồng hành.

## 2007 - NAY: KIÊN TRÌ

Mạng lưới phủ kín khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ & Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và phát triển tại khu vực Đồng Dương.

## 2004 - NAY: LAN TỎA YÊU THƯƠNG

Khởi động các chương trình thường niên hướng đến cộng đồng mang đậm bản sắc văn hóa riêng của Sacombank.

## 1996: KHÁC BIỆT

Là ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

## 1991: KHÁT VỌNG

Là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại TP.HCM.

RA ĐỜI VÀO ĐẦU THẬP NIÊN 90, SACOMBANK LÀ MỘT TRONG SỐ RẤT ÍT THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG ĐƯỢC XÂY DỰNG THÀNH CÔNG, DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CHO ĐẾN TẬN NGÀY HÔM NAY. YẾU TỐ CON NGƯỜI CHÍNH LÀ NỘI LỰC CỐT LÕI GIÚP SACOMBANK TẠO RA NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ. TÌNH YÊU VÀ KHÁT VỌNG PHỤNG SỰ CỦA CÁC THẾ HỆ NGƯỜI SACOMBANK SẼ TIẾP TỤC TẠO NÊN NHIỀU ĐỘT PHÁ, GÓP PHẦN CHO NHỮNG THÀNH CÔNG LỚN HƠN TRONG TƯƠNG LAI, ĐƯA SACOMBANK VƯƠN TỚI VỊ TRÍ DẪN ĐẦU TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM.



# NHỮNG ĐIỂM SÁNG NỔI BẬT NĂM 2021

NĂM 2021 ĐÁNH DẤU HÀNH TRÌNH 30 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SACOMBANK TRONG HÌNH ẢNH LÀ MỘT MÔ HÌNH NGÂN HÀNG TƯ NHÂN NĂNG ĐỘNG, KHÔNG NGẠI ĐƯƠNG ĐẦU VỚI KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC ĐỂ VƯƠN ĐẾN THÀNH CÔNG.

Để có được một Sacombank như ngày hôm nay với Thương hiệu Ngân hàng khu vực Đông Dương - Quy mô TOP 5 Ngân hàng lớn nhất Việt Nam và Triển vọng Ngân hàng bán lẻ hiện đại hàng đầu Việt Nam, các Lãnh đạo và CBNV Sacombank nhiều thế hệ đã trải qua giai đoạn khởi nghiệp đầy khó khăn và quá trình hoạt động nhiều thử thách. Tuy nhiên, bằng sức mạnh nội tại, bản lĩnh tự tin vượt khó, tinh thần thẳng thắn nhìn nhận thất bại... để nỗ lực hết mình vươn lên, Sacombank đã ghi tên mình vào nhiều dấu ấn đáng tự hào trên thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam.

Đặc biệt năm 2021, khi đối mặt với những thách thức lớn lao do đại dịch cùng xu hướng chuyển đổi số toàn cầu, Sacombank vẫn khẳng định sức mạnh bứt phá của mình qua những thành quả tăng trưởng ổn định, cụ thể:

1

Duy trì tăng thu nhập, cải thiện đáng kể hoạt động lõi; vượt kế hoạch về Lợi nhuận trước thuế hợp nhất và trích lập/phân bổ tổn động tài chính thuộc Đề án dù trong bối cảnh khó khăn.



2

Đa dạng danh mục sản phẩm dịch vụ theo xu hướng thị trường với các tính năng số hóa, tích hợp và kết nối các cổng thanh toán tự động được khách hàng ưa chuộng.



3

Tích cực thu hồi/xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng (14.087 tỷ đồng, thuộc Đề án: 11.759 tỷ đồng), vượt mục tiêu đặt ra từ đầu năm; kéo giảm tài sản tồn đọng/tổng tài sản xuống còn 8%.



7

Cân đối nguồn vốn - sử dụng vốn và thanh dư thanh khoản phù hợp, đảm bảo an toàn và tăng hiệu quả kinh doanh.



8

Hoạt động kinh doanh của các Công ty con, Ngân hàng con ổn định, quy mô và hiệu quả ngày càng gia tăng.



9

Hệ khách hàng mở rộng đạt 10 triệu, gắn bó, phù hợp với định hướng bán lẻ. Niềm tin của khách hàng ngày càng được củng cố.



4

Uy tín nâng cao, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác; cải thiện xếp hạng tín nhiệm ở nhiều chỉ tiêu.



5

Hệ thống quản trị, an toàn thông tin, kiểm soát rủi ro hoàn thiện, giám sát chặt chẽ hơn. Các quy trình, quy chế đảm bảo quy chuẩn pháp luật Việt Nam và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế (Basel II, ISO...).



6

Thay đổi cơ cấu tổ chức hệ thống mạng lưới, tăng cường vai trò quản lý, kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn hoạt động của Chi nhánh đối với tất cả các Phòng Giao dịch trên địa bàn.



10

Cải tiến phương pháp và nâng cao hiệu quả quản trị điều hành theo xu thế thị trường hiện đại; Áp dụng phương pháp xây dựng - điều hành kế hoạch toàn hệ thống theo mô hình BSC-OKRs gắn với năng suất lao động.



11

Đảm bảo sức khỏe cho CBNV, khách hàng; duy trì giao dịch liên tục tại mọi điểm giao dịch, không để xảy ra thiệt hại nghiêm trọng trong bối cảnh dịch bệnh.



12

Năng suất lao động và hiệu suất hoạt động gia tăng.





THÀNH QUẢ VÀ THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2021

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2021


UY TÍN VÀ SỰ THÀNH CÔNG CỦA SACOMBANK LIÊN TỤC ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH BỞI NHIỀU GIẢI THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC BÌNH CHỌN TÊN TUỔI TRONG NGOÀI NƯỚC QUA CÁC NĂM. SỰ PHONG PHÚ VỀ CÁC HẠNG MỤC GIẢI THƯỞNG CŨNG CHÍNH LÀ MINH CHỨNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VỀ MỌI MẶT CỦA SACOMBANK.

Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất năm 2021  
*Tạp chí Global Banking & Finance Review (Anh) bình chọn*

Ngân hàng tốt nhất dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam năm 2021  
*Tạp chí Asiamoney đánh giá và bình chọn*


Ngân hàng Việt Nam có sáng kiến trong lĩnh vực Ngân hàng số  
*Tạp chí The Asian Banking & Finance bình chọn*





Huân chương Lao động hạng nhì cho Sacombank và Huân chương Lao động hạng ba cho bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Sacombank vì đã có những thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, số hóa quy trình hoạt động và công tác từ thiện xã hội liên tục nhiều năm, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

*Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng*




Bằng khen vì đã có thành tích trong công tác an sinh xã hội, đồng hành cùng các hoạt động của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

*Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam trao tặng*




Cờ thi đua vì đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2020

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao tặng*



Cờ truyền thống vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển đơn vị liên tục nhiều năm

*Ủy ban Nhân dân TP.HCM trao tặng*



Top 3 doanh nghiệp niêm yết được nhà đầu tư yêu thích nhất năm 2021 (nhóm Large Cap)

*Vietstock phối hợp cùng báo Tài chính và Cuộc sống (Fili.vn) đánh giá, ghi nhận*




Top 10 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tư nhân Việt Nam uy tín năm 2021  
Top 50 Công ty Đại chúng Uy tín và Hiệu quả năm 2021  
Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2021  
Top 50 doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam

*Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam bình chọn*



Thương hiệu vàng TP.HCM  
*Ủy ban Nhân dân TP.HCM trao tặng*



Bằng khen vì đã có thành tích cao trong công tác thu, nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn TP.HCM

*Ủy ban Nhân dân TP.HCM trao tặng*



Ngân hàng cung cấp giao dịch tài chính tốt nhất Việt Nam năm 2021  
Ngân hàng có công nghệ và vận hành tốt nhất Việt Nam năm 2021

*Tạp chí The Asian Banking and Finance bình chọn*



Ngân hàng Bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam năm 2021  
Ngân hàng Chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam năm 2021

*International Business Magazine bình chọn*




Doanh nghiệp xuất sắc châu Á 2021  
Thương hiệu truyền cảm hứng 2021

*Enterprise Asia bình chọn*



Nhà cung cấp dịch vụ Bancassurance đáng tin cậy nhất Việt Nam năm 2021

*Finance Derivative trao tặng*



Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2021 - Top 10 ngành Ngân hàng và Dịch vụ tài chính

*Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn*



Sacombank Pay vào Top 10 Sao Khuê 2021

*Vinasa bình chọn*

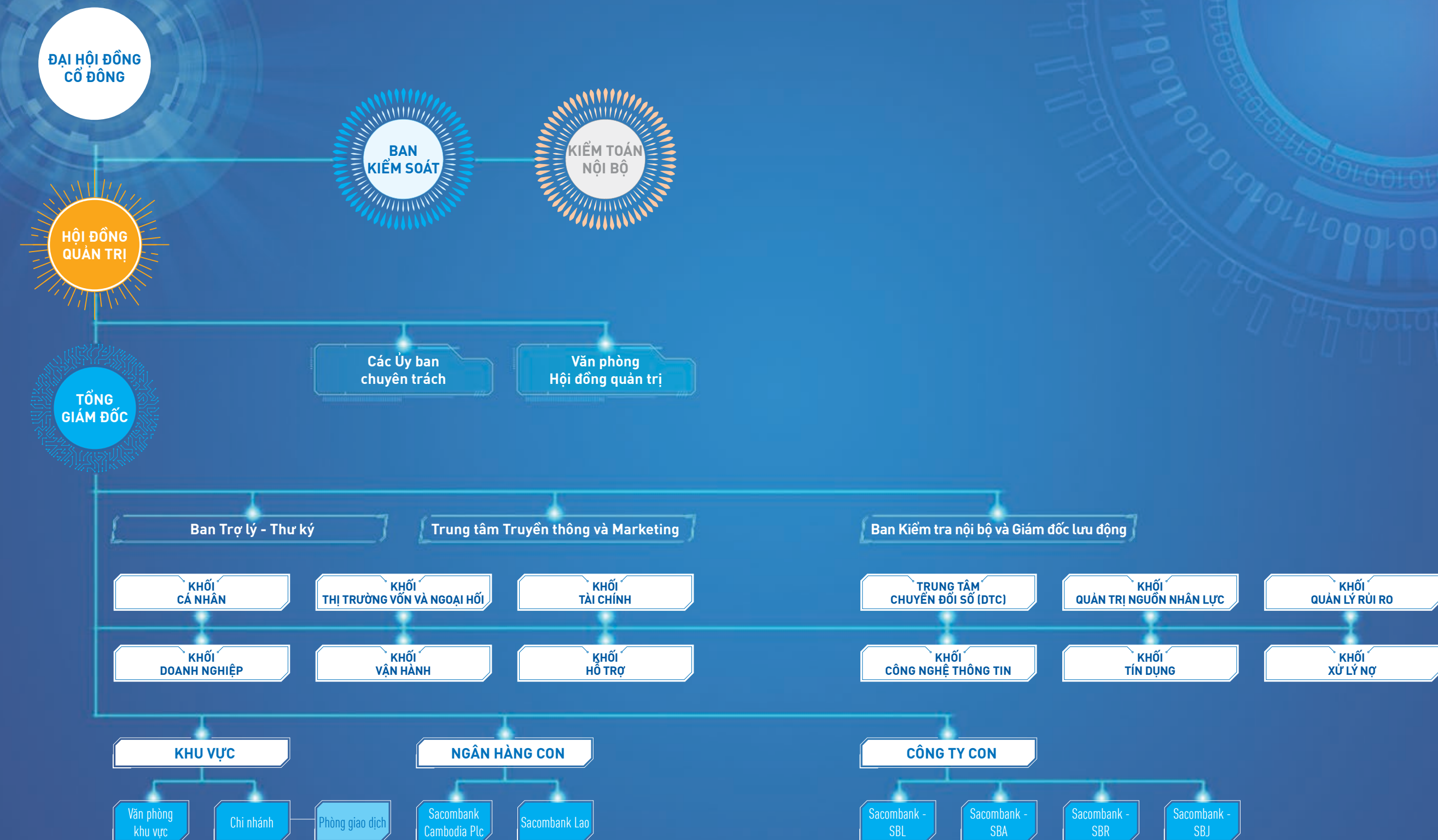


Môi trường làm việc tốt nhất châu Á năm 2021

*HR Asia bình chọn*



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **DƯƠNG CÔNG MINH**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 36 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Kinh tế.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 30/06/2017.



Bà **LÊ THỊ HOA**  
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ Kinh tế Pháp - Việt.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 30/06/2017.



Ông **NGUYỄN VĂN HUYNH**  
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Kinh tế.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 20/04/2018.



Ông **PHẠM VĂN PHONG**  
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị

- 41 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Chính trị, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 30/06/2017.



Ông **NGUYỄN MIÊN TUẤN**  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Ngữ Văn Anh, Thạc sĩ Kinh tế.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 26/05/2012.



Bà **NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM**  
Thành viên Hội đồng quản trị

- 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 20/04/2018.



Ông **NGUYỄN XUÂN VŨ**  
Thành viên Hội đồng quản trị

- 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.
- Tham gia HĐQT Sacombank từ ngày: 28/08/2013.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông **TRẦN MINH TRIẾT**  
Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách)

- 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Tham gia Ban Kiểm soát Sacombank từ ngày: 30/06/2017.



Bà **NGUYỄN THỊ THANH MAI**  
Thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách)

- 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Tham gia Ban Kiểm soát Sacombank từ ngày: 02/04/2011.



Ông **LÊ VĂN TÔNG**  
Thành viên Ban Kiểm soát

- 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Cử nhân Khoa học - Quản trị kinh doanh.
- Tham gia Ban Kiểm soát Sacombank từ ngày: 30/04/2006.



Ông **HÀ TÔN TRUNG HẠNH**  
Thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách)

- 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- Tham gia Ban Kiểm soát Sacombank từ ngày: 30/06/2017.



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM	Ông PHAN ĐÌNH TUỆ	Ông LÊ ĐỨC THỊNH	Ông NGUYỄN MINH TÂM	Ông HÀ VĂN TRUNG	Ông BUI VĂN DŨNG	Bà QUÁCH THANH NGỌC THÚY	Ông LÊ VĂN RON
<ul style="list-style-type: none"><li>Tổng giám đốc <i>(Chịu trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của Ngân hàng, đồng thời trực tiếp chỉ đạo và điều hành: Khối Xử lý nợ, Khối Doanh nghiệp, Trung tâm Truyền thông &amp; Marketing)</i></li><li>22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2002.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng <i>(Phụ trách hoạt động Khối Tín dụng, Sacombank-SBA, Sacombank-SBL)</i></li><li>38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Quản trị kinh doanh - Ngoại thương.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2012.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực <i>(Phụ trách hoạt động Khối Quản trị Nguồn nhân lực, Khối Hỗ trợ)</i></li><li>26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1996.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Cá nhân <i>(Phụ trách hoạt động Khối Cá nhân, Sacombank-SBR)</i></li><li>27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Thạc sĩ Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1995.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính <i>(Phụ trách hoạt động Khối Tài chính, Sacombank Lao, Sacombank Cambodia Plc)</i></li><li>25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2004.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc <i>(Phụ trách hoạt động Khối Công nghệ thông tin)</i></li><li>33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Toán điều khiển.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2012.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành <i>(Phụ trách hoạt động Khối Vận hành)</i></li><li>30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Quản trị kinh doanh.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1994.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro <i>(Phụ trách hoạt động Khối Quản lý rủi ro, Ban Kiểm tra nội bộ và Giám đốc lưu động)</i></li><li>31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2017.</li></ul>



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)



Ông ĐÀO NGUYỄN VŨ	Ông NGUYỄN BÁ TRỊ	Ông HỒ ĐOÀN CƯỜNG	Ông VÕ ANH NHUỆ	Bà HÀ QUỲNH ANH	Ông HOÀNG THANH HẢI	Ông NGUYỄN VĂN MINH	Ông HUỖNH THANH GIANG
<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Đông TP.HCM</li><li>30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Ngân hàng.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1993.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Tây TP.HCM</li><li>28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1996.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Đông Nam Bộ</li><li>26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Quản trị kinh doanh.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1995.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Tây Nam Bộ</li><li>28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Thạc sĩ Tài chính.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2004.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực TP. Hà Nội</li><li>29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Kinh tế &amp; Luật.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 1993.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Miền Bắc</li><li>25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2002.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty</li><li>30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Cử nhân Tài chính.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2012.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Kế toán trưởng</li><li>27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.</li><li>Thạc sĩ Kinh tế.</li><li>Tham gia công tác tại Sacombank từ năm 2012.</li></ul>



# VỮNG VÀNG & Lan tỏa

Năm 2021 là năm đặc biệt của Sacombank khi Ngân hàng ghi dấu hành trình 30 năm thành lập bằng những kết quả vượt bậc, đặc biệt là khi điểm lại giai đoạn 5 năm thực hiện tái cơ cấu (2017 - 2021). Cụ thể, tổng tài sản hợp nhất của Sacombank đã tăng lên hơn 521.000 tỷ đồng (tăng 57% so với năm 2016), tổng huy động tăng lên gần 465.000 tỷ đồng (tăng 52,3%), nợ xấu và tài sản tổn động giảm sâu, vượt 7,9% tiến độ kế hoạch tổng thể Đề án Tái cơ cấu. Lợi nhuận trước dự phòng Đề án tăng lên đạt 12.660 tỷ đồng, song do tập trung tăng mạnh trích lập dự phòng rủi ro và phân bổ chi phí Đề án, lợi nhuận trước thuế đạt 4.400 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao và gấp 28 lần so với năm 2016. Sacombank tiếp tục khẳng định vị thế của mình là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam bằng việc tăng trưởng hệ khách hàng chạm mốc 10 triệu, phát triển hệ sản phẩm - dịch vụ hiện đại, đa năng, đa tiện ích với hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tuyển dụng được đội ngũ nhân sự có chuyên môn, giỏi nghiệp vụ, duy trì mạng lưới điểm giao dịch rộng lớn lên đến 566 điểm tại Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia.

Đây cũng là năm Sacombank thể hiện bản lĩnh của một ngân hàng tiên phong khi vững vàng vượt bão Covid-19, bảo đảm hoạt động xuyên suốt bằng những sáng kiến vận hành và kinh doanh thức thời, nhận diện, nắm bắt nhanh chóng những cơ hội phát triển và vươn lên ngoạn mục. Thật vinh hạnh khi tôi - một "người cũ trong tâm hồn mới" được đồng hành cùng Sacombank liên tục trong 19 năm qua, góp phần tạo dựng những thành quả ngày hôm nay và vun đắp cho sự trường tồn của thương hiệu trong mai sau.

Một năm vừa qua, dù vẫn còn nhiều xáo động từ dịch bệnh nhưng kinh tế thị trường đã phần nào hình thành rõ ràng các xu hướng phát triển. Điển hình nhất là việc hạn chế tiếp xúc đã thúc đẩy người dân nhanh chóng thích nghi và chuyển dịch hành vi giao dịch tài chính sang môi trường số. Đón đầu thị trường, hàng loạt các sản phẩm - dịch vụ công nghệ cao, được Sacombank nhanh chóng triển khai, nổi bật là việc áp dụng công nghệ eKYC vào ứng dụng Sacombank Pay và dịch vụ ngân hàng điện tử, cho phép mở tài khoản hoặc mở thẻ tín dụng trực tuyến hay việc Sacombank trở thành

đơn vị đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ chuyển nhận tiền nước ngoài qua thẻ VISA, hợp tác với Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard ra mắt thẻ Sacombank Mastercard Only One - dòng thẻ quốc tế công nghệ cao lưu trữ thông tin thẻ tín dụng và thẻ thanh toán trên cùng một chip, nâng tầm tiện ích cho khách hàng và góp phần đa dạng hóa nguồn thu khi thị trường đang chững lại dưới tác động của dịch bệnh.

Tất nhiên, những điều kể trên chỉ là những mảnh ghép nhỏ bé trong một bức tranh toàn cảnh. Để triển khai một sản phẩm số đòi hỏi một ngân hàng phải có một nền tảng kỹ thuật và vận hành vững chắc. Nền tảng này lại là kết quả của một quá trình tích lũy "số" dài hơi với những chuyển đổi mạnh mẽ cả trong hệ thống lẫn nhận thức của từng cá nhân. Thực tế, Sacombank đã thực hiện quá trình chuyển đổi số từ rất sớm với hành trình gần 2 thập niên xây dựng hệ thống lõi hiện đại, nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới nhất trên cơ sở tầm nhìn, chiến lược dài hạn. Đặc biệt, trong năm 2021, chúng tôi đã quyết liệt thực hiện hàng loạt hoạt động tái thiết, chuyển đổi số tổ chức như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), Quản lý quy trình thông minh (RPA) để tối ưu hoạt động, tiết kiệm chi phí và cải thiện trải nghiệm khách hàng. Gần đây nhất, Sacombank đã xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm chuyển đổi số (DTC) nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động số hóa. Đồng thời, tăng cường kết nối với các đối tác, tổ chức thẻ trong và ngoài nước để tiến tới mục tiêu kép trong những năm sau - xây dựng Ngân hàng mở (Open Banking) và Ngân hàng hợp kênh (Omni Channel), kiến tạo trải nghiệm liền mạch và đẳng cấp cho khách hàng.

Bên cạnh đó, xác định con người là yếu tố cốt lõi giữ vững sự tồn tại và tạo nên thành công cho một doanh nghiệp, Sacombank đã dành rất nhiều nguồn lực vào việc đào tạo và chăm lo đời sống cho CBNV. Một trong những thành tựu đáng tự hào của chúng

**Con người là yếu tố cốt lõi giữ vững sự tồn tại và tạo nên thành công cho một doanh nghiệp**

tôi trong suốt một năm qua là đã bảo đảm an toàn cho đội ngũ nhân sự hơn 18.000 người khi dịch bệnh diễn biến khó lường. Chúng tôi cũng thành công trong việc áp dụng công nghệ vào việc vận hành làm việc từ xa, giữ vững hiệu suất lao động ngay cả trong điều kiện bất thường nhất.

Nhờ quá trình chuyển đổi số liên tục và những nỗ lực không ngừng nghỉ, Sacombank nhanh chóng thích ứng với biến chuyển thị trường, duy trì hiệu quả kinh doanh và góp phần định hình thói quen tài chính của khách hàng trong tương lai. Ngoài ra, chúng tôi cũng tích cực đồng hành cùng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong các hoạt động thiết thực như cơ cấu lại khoản nợ, miễn giảm lãi vay, đóng góp cho cộng đồng vượt qua đại dịch Covid-19, bởi chúng tôi tin rằng, sự đoàn kết, tương thân tương ái sẽ là chìa khóa vượt qua mọi trở ngại.

Bước sang năm 2022 với nhiều thách thức và cơ hội mới, Sacombank bằng nền tảng đã được dựng xây, đã sẵn sàng VỮNG VÀNG vượt qua mọi gian nan và LAN TỎA giá trị tích cực, ý chí vươn lên đến tập thể, đến cộng đồng. Chúng tôi luôn tâm niệm những giá trị cốt lõi của mình: sự tận tâm, sự trách nhiệm, sự minh bạch và tính sáng tạo là kim chỉ nam xuyên suốt hành trình phát triển, là những yếu tố định vị Sacombank trên thị trường nhiều đổi thay.

Tôi tin rằng trên hành trình mới, với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, sự thực thi đầy trách nhiệm của Ban điều hành, sự đồng lòng của tập thể CBNV và sự đồng hành, tín nhiệm từ khách hàng, cổ đông, đối tác, Sacombank sẽ ngày càng bản lĩnh, tự tin và tiến xa hơn nữa.

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến quý cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư vì đã luôn tín nhiệm và đồng hành cùng Sacombank trong suốt thời gian qua. Đó là nguồn động lực to lớn giúp chúng tôi chinh phục mọi thử thách, tiến lên phía trước và xây dựng một Sacombank ngày càng vững vàng, tiên phong, đầy trách nhiệm.

TỔNG TÀI SẢN  
HỢP NHẤT

521

NGHÌN TỶ ĐỒNG

↑ 57%

TỔNG  
HUY ĐỘNG

465

NGHÌN TỶ ĐỒNG

↑ 52,3%





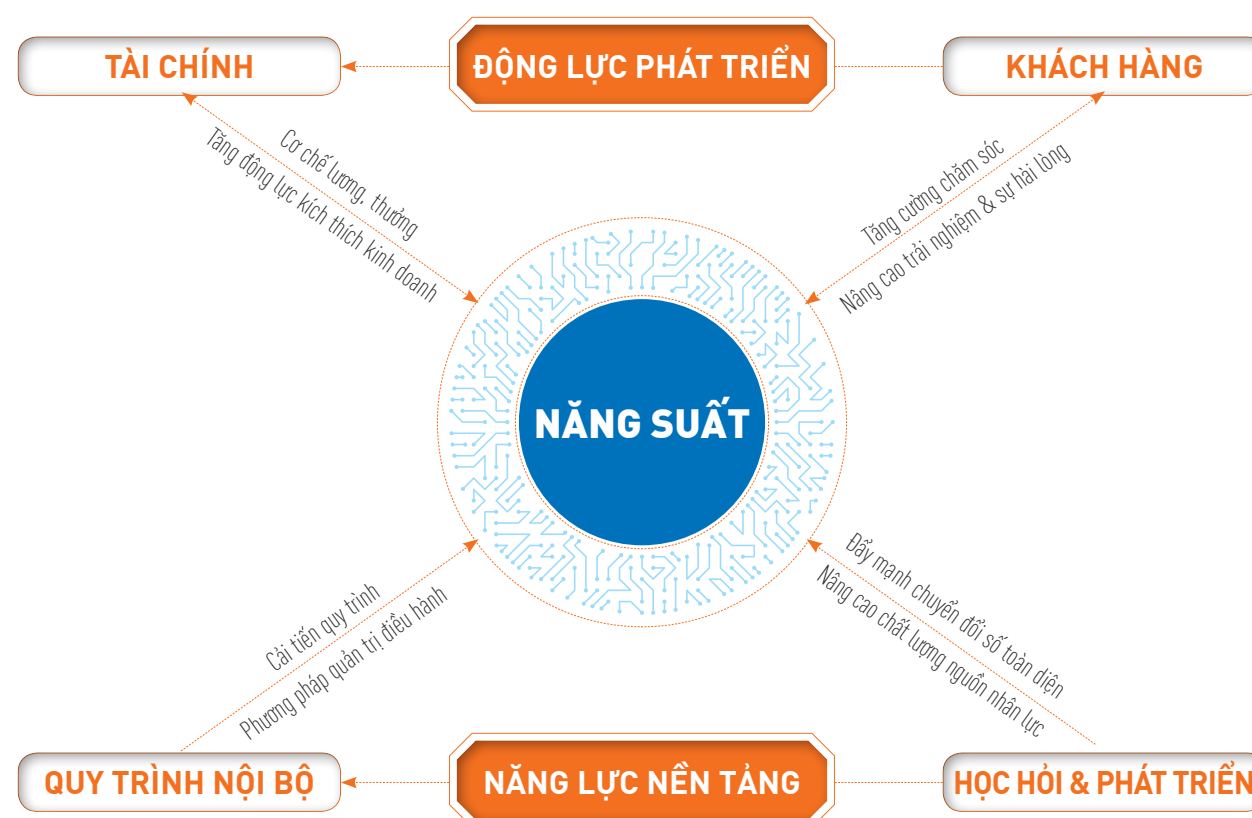
# Khả năng định <sup>2</sup> **NỘI LỰC**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- » Tiếp tục mở rộng quy mô, cân đối nguồn vốn - sử dụng vốn phù hợp, gia tăng thu nhập và đẩy mạnh trích lập/phân bổ tổn động tài chính thuộc Đề án vượt kế hoạch.
- » Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện (tăng 8,9% tài sản có sinh lời), kiểm soát nợ xấu dưới 2%.
- » Vượt 10% kế hoạch lợi nhuận đã cam kết với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và gia tăng lợi nhuận trước thuế/nhân viên 33,8%.

- » Hệ khách hàng tiếp tục được mở rộng và đạt 10 triệu khách hàng, phù hợp với định hướng số hóa với hơn 90% giao dịch thực hiện trên các kênh số. Niềm tin khách hàng được củng cố với số lượng sản phẩm dịch vụ bình quân mỗi khách hàng sử dụng tăng hơn 17% so với năm trước.
- » Uy tín thương hiệu được nâng cao và đạt được 43 giải thưởng danh giá trong và ngoài nước, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác, cải thiện xếp hạng tín nhiệm ở nhiều chỉ tiêu.



- » Chuẩn hóa và áp dụng đồng bộ phương pháp xây dựng - điều hành kế hoạch theo mô hình BSC-OKRs gắn với năng suất lao động trên toàn hệ thống.
- » Hệ thống quản trị rủi ro ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ và cơ bản hoàn tất đáp ứng chuẩn mực Basel II.

- » Tiếp tục đẩy mạnh số hóa, hoàn thành 100% tiến độ các dự án trọng điểm. Đẩy mạnh tự động hóa quy trình, rút ngắn thời gian giao dịch tác nghiệp từ 15 - 25%.
- » Chuẩn hóa khung năng lực, xây dựng cấu trúc lương mới và đánh giá hệ thống phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên, kéo giảm tỷ lệ nghỉ việc.

Năm 2021, dịch Covid-19 bùng phát trở lại trên diện rộng, các giải pháp phong tỏa, giãn cách kéo dài để ứng phó dẫn đến kinh tế đình trệ và an sinh xã hội gặp nhiều bất ổn. Trong bối cảnh đó, Sacombank đã tích cực thực thi các giải pháp để phòng chống dịch hiệu quả, đảm bảo mọi hoạt động xuyên suốt, an toàn, góp phần duy trì sự vận hành ổn định của hệ thống tiền tệ, hỗ trợ nền kinh tế và khách hàng vượt qua khó khăn. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai các chương trình hành động và giải pháp kinh doanh bám sát mô hình BSC - KPIs/OKRs xuyên suốt và đồng bộ trên toàn hệ thống với tinh thần trách nhiệm và nỗ lực cao nhất.



KẾT QUẢ, SACOMBANK TIẾP TỤC ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG THÀNH QUẢ TÍCH CỰC TRONG MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG, TOÀN DIỆN TRÊN CẢ 4 KHÍA CẠNH TÀI CHÍNH - KHÁCH HÀNG - QUY TRÌNH NỘI BỘ - HỌC HỎI PHÁT TRIỂN, GÓP PHẦN HOÀN THÀNH HẦU HẾT CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH ĐƯỢC ĐHĐCĐ GIAO VÀ VƯỢT TIẾN ĐỘ MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG YẾU CỬA ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021 (Tiếp theo)

## VỀ TÀI CHÍNH



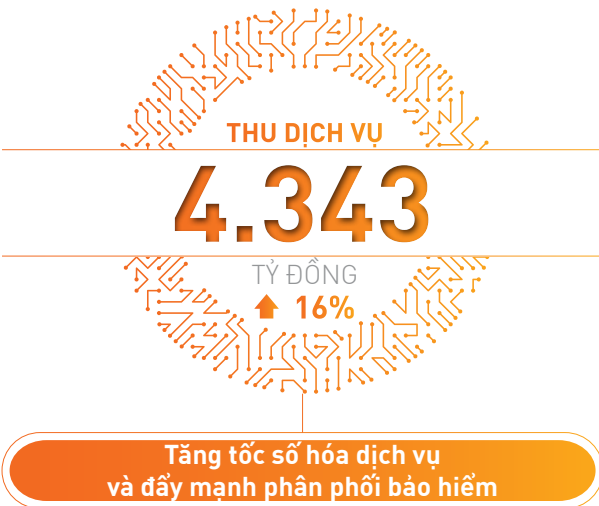
Tổng tài sản đạt 521.117 tỷ đồng, tăng 5,8% so với đầu năm, trong đó tài sản Có sinh lời tăng 8,9% và nâng tỷ trọng trên tổng tài sản từ 85% lên thành 87,4%. Vốn chủ sở hữu đạt 34.261 tỷ đồng, tăng 18,3%, chủ yếu do tăng từ lợi nhuận giữ lại và thặng dư vốn cổ phần sau khi hoàn tất thanh lý toàn bộ cổ phiếu quỹ.



Tổng nguồn vốn huy động đạt 464.521 tỷ đồng, tăng 3,8% so với đầu năm; trong đó huy động từ Tổ chức kinh tế & dân cư (TCKT&DC) chiếm 96,5%, đạt 448.491 tỷ đồng. Nhờ không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ và các chính sách miễn/giảm phí cho khách hàng, tỷ lệ CASA tiếp tục tăng tích cực từ 18,6% lên 21,7%, thuộc Top 5 các ngân hàng đang niêm yết có tỷ lệ CASA cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.



Tín dụng tăng trưởng tích cực, ổn định so với Ngành, thị phần cho vay đạt 3,63%, tăng 0,02% so với đầu năm. Dự nợ tín dụng đạt 388.216 tỷ đồng, tăng 47.644 tỷ (+14%), tăng tỷ trọng ở các phân khúc có hiệu quả sinh lời cao và an toàn: tăng 4,6% tỷ trọng cho vay sản xuất kinh doanh, giảm 2,8% tỷ trọng cho vay lĩnh vực bất động sản, giảm 4,6% tỷ trọng cho vay trung dài hạn. Thực hiện cơ cấu nợ, miễn/giảm lãi suất cho hơn 2.400 khách hàng với tổng dư nợ của khách hàng có số dư được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi tại 31/12/2021 là 19.097 tỷ đồng, song song với việc triển khai hàng loạt các gói tín dụng ưu đãi với quy mô 30.000 tỷ đồng để phục hồi sản xuất và tiêu dùng xã hội.



Chú trọng phát triển danh mục sản phẩm dịch vụ (SPDV) đa dạng, hiện đại với các tính năng số hóa, tích hợp và kết nối các cổng thanh toán tự động được khách hàng ưa chuộng. Gia tăng trải nghiệm và thu hút khách hàng bằng việc triển khai nhiều chương trình ưu đãi, miễn giảm phí.

Hoạt động thanh toán quốc tế phục hồi mạnh mẽ với doanh số và thu phí dịch vụ lần lượt tăng 35,7% và 16% nhờ tích cực số hoá quy trình tác nghiệp cũng như phát triển các giải pháp tài trợ trọn gói, chuyên biệt. Hoạt động phân phối bảo hiểm cũng chuyển sang giai đoạn mới bằng việc ký kết nâng tầm hợp đồng tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng mới. Ứng dụng công nghệ vào công tác bán hàng, từng bước triển khai đưa các sản phẩm bảo hiểm bán trực tuyến trên ứng dụng Sacombank Pay nhằm nâng cao trải nghiệm và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ cho khách hàng.

Thu dịch vụ thuần trong năm đạt 4.343 tỷ đồng, tăng 16% so với năm trước, với sự đóng góp khá lớn từ mảng bảo hiểm (2.026 tỷ, tăng 57,2%).

NGUỒN VỐN - SỬ DỤNG VỐN ĐƯỢC CÂN ĐỐI PHÙ HỢP THEO HƯỚNG TỐI ƯU THANH KHOẢN VÀ CẢI THIỆN MARGIN LÃI SUẤT, KẾT HỢP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN THU NGOÀI LÃI THEO XU HƯỚNG SỐ HÓA. NHỜ ĐÓ, QUY MÔ TĂNG TỐT, HIỆU QUẢ KINH DOANH CẢI THIỆN ĐÁNG KỂ, TẠO NGUỒN LỰC TĂNG TỐC TRÍCH LẬP, PHÂN BỐ CHI PHÍ THUỘC ĐỀ ÁN, CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN VÀ GIA TĂNG TỶ SUẤT SINH LỢI.

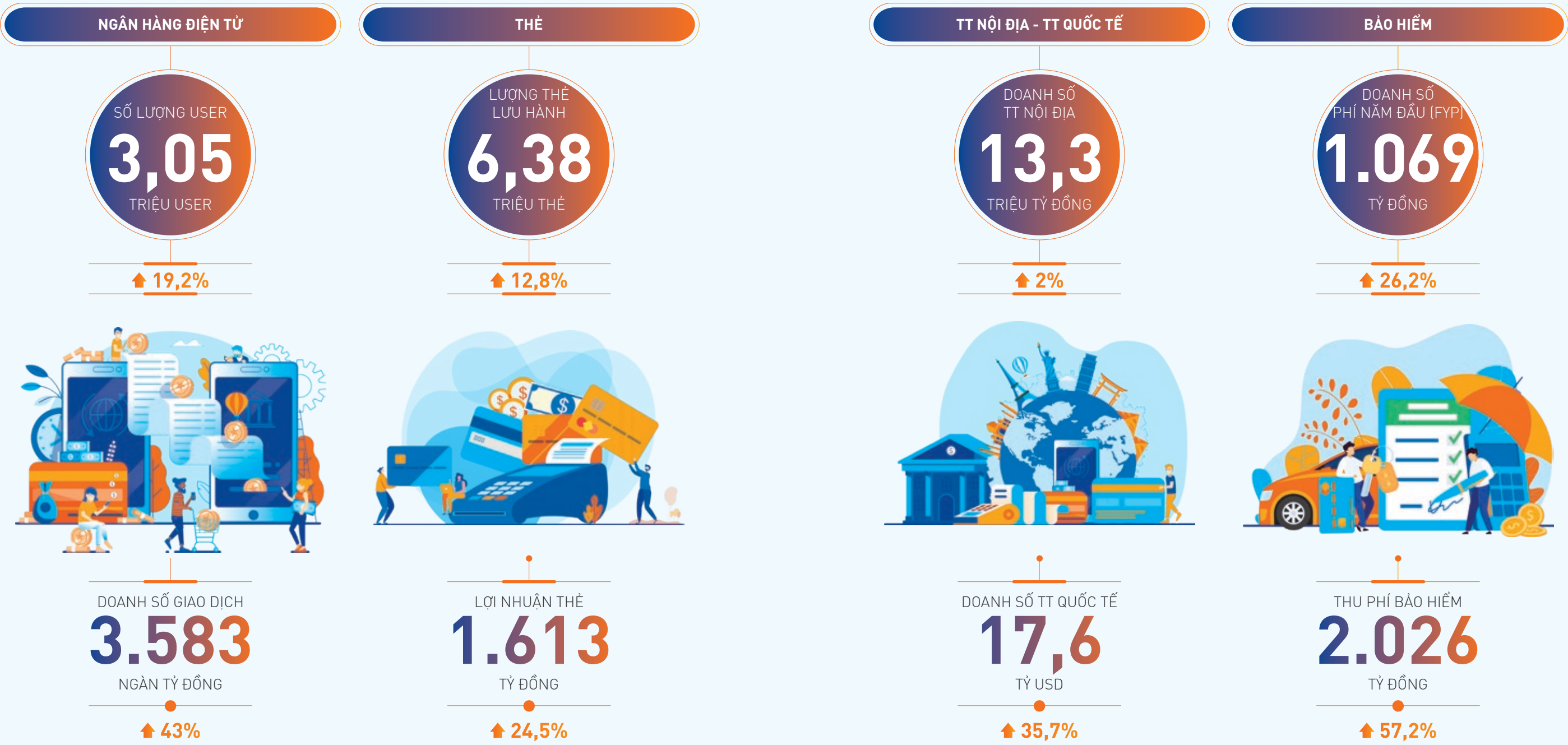




# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021 (Tiếp theo)

## VỀ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chỉ tiêu hoạt động dịch vụ nổi bật năm 2021

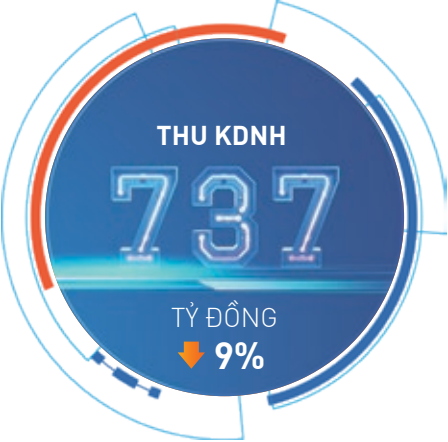


# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021 (Tiếp theo)

## VỀ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### Linh hoạt trong kinh doanh ngoại hối

Sacombank tiếp tục được các tổ chức có uy tín trong, ngoài nước đánh giá cao về các dịch vụ ngoại hối cung ứng cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Ngoài đối ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm và tỷ giá cạnh tranh, Sacombank còn chú trọng việc phát triển các sản phẩm tích hợp công nghệ trên các nền tảng số với thời gian thanh toán linh hoạt, thủ tục nhanh gọn đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu mua bán ngoại tệ. Nhờ đó, doanh số giao dịch ngoại hối đạt hơn 15,6 triệu USD, tăng 12,3% so với năm trước và mang lại thu nhập 737 tỷ đồng, giảm nhẹ 9% do giảm khoản lãi chênh lệch tỷ giá.



### Quản trị hiệu quả chi phí

Các đầu mục chi phí được chú trọng quản trị và kiểm soát chặt chẽ, ưu tiên chi phí kinh doanh và đầu tư phát triển công nghệ, tiết giảm chi phí hoạt động không cần thiết trên cơ sở đẩy mạnh tác nghiệp trực tuyến và ứng dụng “văn phòng không giấy”. Song song đó, tiếp tục định biên và sắp xếp nhân sự phù hợp theo hướng tăng tỷ trọng lương kinh doanh, đi kèm xây dựng lại cấu trúc lương/thưởng. Nhờ đó, chi phí hoạt động được kiểm soát giảm 10,5% so với năm trước.

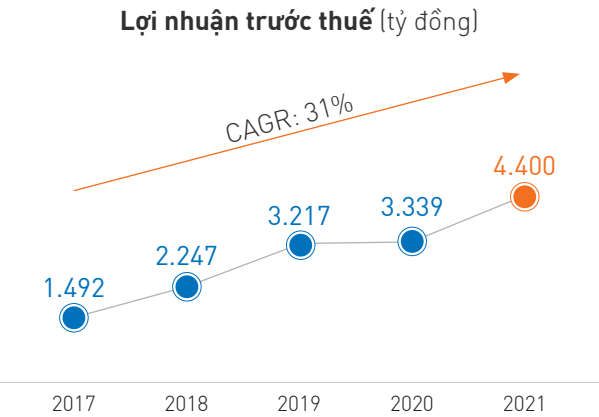


Trong khi đó, tổng thu nhập năm 2021 vẫn cải thiện tốt so với năm trước, dù đã tăng tốc phân bổ lãi khoanh nhằm rút ngắn lộ trình Đề án Tái cơ cấu, cũng như áp dụng các giải pháp miễn/giảm, hạ lãi suất, miễn/giảm phí dịch vụ để hỗ trợ khách hàng. Tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập vì vậy giảm 8% so với năm trước, xuống còn 55,1%.

### Gia tăng năng suất lao động, lợi nhuận trước thuế vượt 10% kế hoạch

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh lõi tăng tích cực so với năm trước, chi phí điều hành được quản trị chặt chẽ và hiệu quả, tạo điều kiện cho Sacombank đẩy mạnh trích lập/phân bổ các khoản chi phí xử lý tài sản tồn đọng thuộc Đề án tăng 46,6% so với năm trước và vượt 87,9% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế dù vậy vẫn đạt 4.400 tỷ đồng, tăng 31,8% và đạt 110% kế hoạch ĐHCĐ giao.

Năng suất lao động gia tăng, lợi nhuận trước thuế bình quân trên mỗi CBNV đạt 236 triệu đồng/CBNV, tăng 33,8%.



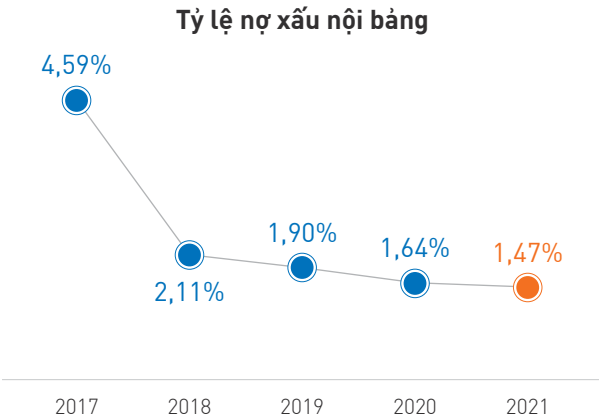
### Tăng cường xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng

Chú trọng kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng, hạn chế tăng trưởng và có cảnh báo sớm những phân khúc tiềm ẩn rủi ro. Khai thác hiệu quả Hệ thống quản lý thu hồi nợ trong công tác ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn phát sinh.

Cơ cấu nợ, miễn/giảm, hạ lãi suất phù hợp để hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn do dịch bệnh đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

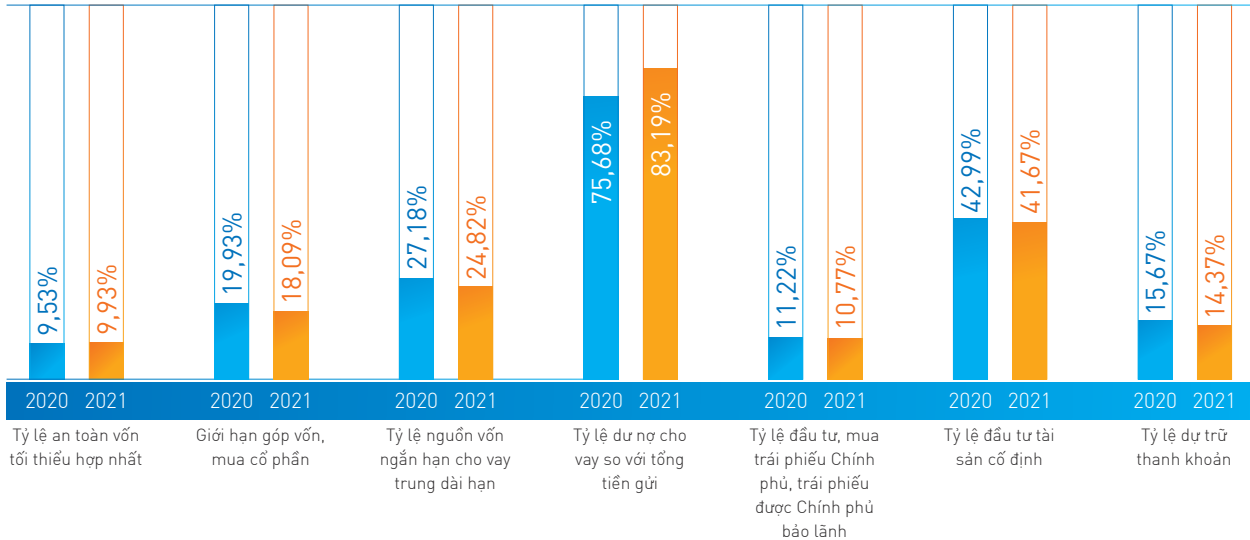
Quyết liệt triển khai các giải pháp thu hồi, xử lý 14.087 tỷ đồng nợ xấu và tài sản tồn đọng trong năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,47%, giảm 0,17% so với năm trước dù trong bối cảnh ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh và nợ kéo theo CIC diễn biến phức tạp.

Sacombank tích cực trích lập 6.917 tỷ đồng dự phòng cho vay, tăng bộ đệm phòng ngừa rủi ro nợ xấu với tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu tăng từ 93,7% lên 118,6%.



### Tuân thủ quy định các chỉ số an toàn hoạt động

Đảm bảo các chỉ số an toàn tuân thủ quy định tại mọi thời điểm, chú trọng kiểm soát tài sản có rủi ro, cân bằng giữa mục tiêu an toàn và hiệu quả, CAR xoay quanh mức 10% (quy định ≥8%).





# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021 (Tiếp theo)

## VỀ KHÁCH HÀNG

KHÔNG CHỈ TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH, HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG VƯỢT QUA TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC BỞI DỊCH BỆNH, TRONG NĂM QUA SACOMBANK ĐÃ TẬP TRUNG KIẾN TOÀN CHÍNH SÁCH, CẢI TIẾN SẢN PHẨM, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐỂ GIA TĂNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VÀ NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM CHO KHÁCH HÀNG.



» Triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, ưu đãi hấp dẫn nhằm gia tăng sự gắn bó của khách hàng hiện hữu và sự chọn lựa của khách hàng mới. Cùng cố hệ khách hàng cá nhân, tăng tốc phát triển khách hàng doanh nghiệp, mở rộng liên kết với các đối tác có hệ sinh thái kinh doanh đa dạng để tăng cường bán chéo sản phẩm. Số lượng khách hàng

vì vậy chạm mốc 10 triệu khách hàng.

» Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, golive các tính năng hiện đại, đa dạng hóa tiện ích và thu hút sự quan tâm của khách hàng về các sản phẩm số như: Kết nối API chuyển khoản tự động 24/7; Chuyển khoản ngoại tệ trên eBanking, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trên Sacombank Pay; Mở tính năng thẻ doanh nghiệp... Kết quả, doanh số giao dịch qua kênh điện tử tăng 43% so với năm trước. Đồng thời, số lượng sản phẩm dịch vụ bình quân mỗi khách hàng sử dụng cũng tăng hơn 17% so với năm trước.

» Tiếp tục nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu trên thị trường khi đạt 43 giải thưởng danh giá từ các tổ chức uy tín

trong và ngoài nước, đặc biệt là Huân chương lao động hạng II do Chủ tịch nước trao tặng. Ngoài ra, những nỗ lực cải thiện chất lượng tài sản, xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng của Sacombank cũng được tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's ghi nhận và đánh giá cao, qua đó nâng xếp hạng tiền gửi dài hạn từ Caa1 lên B3 với triển vọng ổn định, nâng bậc đánh giá tín dụng cơ sở lên Caa1 từ Caa2.



## VỀ QUY TRÌNH NỘI BỘ

- » Trong năm qua, Sacombank đã tập trung cải tiến công tác quản trị điều hành hướng đến các thông lệ hiện đại với 11 văn bản, phương pháp áp dụng theo chuẩn mực quốc tế. Trong đó, công tác xây dựng, điều hành kế hoạch được chuẩn hóa theo mô hình BSC-OKRs, gắn kết với năng suất lao động và đồng bộ với cơ chế thi đua, lương/thưởng, kích thích các đơn vị tăng tốc kinh doanh.
- » Tiếp tục rà soát, tinh gọn hệ thống văn bản lập quy và quy trình nội bộ, kết hợp tự động hóa/số hóa để rút ngắn thời gian tác nghiệp, giao dịch từ 15 - 25% và kiểm soát số lượng sai sót dưới mức tiêu.
- » Tăng cường quản trị rủi ro, giám sát toàn diện hoạt động ngân hàng, giảm 50% số lượng sự vụ, sự cố và sai sót so với năm trước. Cơ bản hoàn tất triển khai Basel II khi tuân thủ hoàn toàn các nội dung của Hiệp ước theo quy định của Thông tư 13 và 41, đồng thời ứng dụng hiệu quả trong công tác kiểm soát rủi ro mọi mặt hoạt động.



**Nhằm tạo nền tảng vững chắc để phát triển kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng, trong năm qua Sacombank đã không ngừng kiện toàn nội lực, chuẩn hóa mọi mặt hoạt động theo xu hướng hiện đại.**

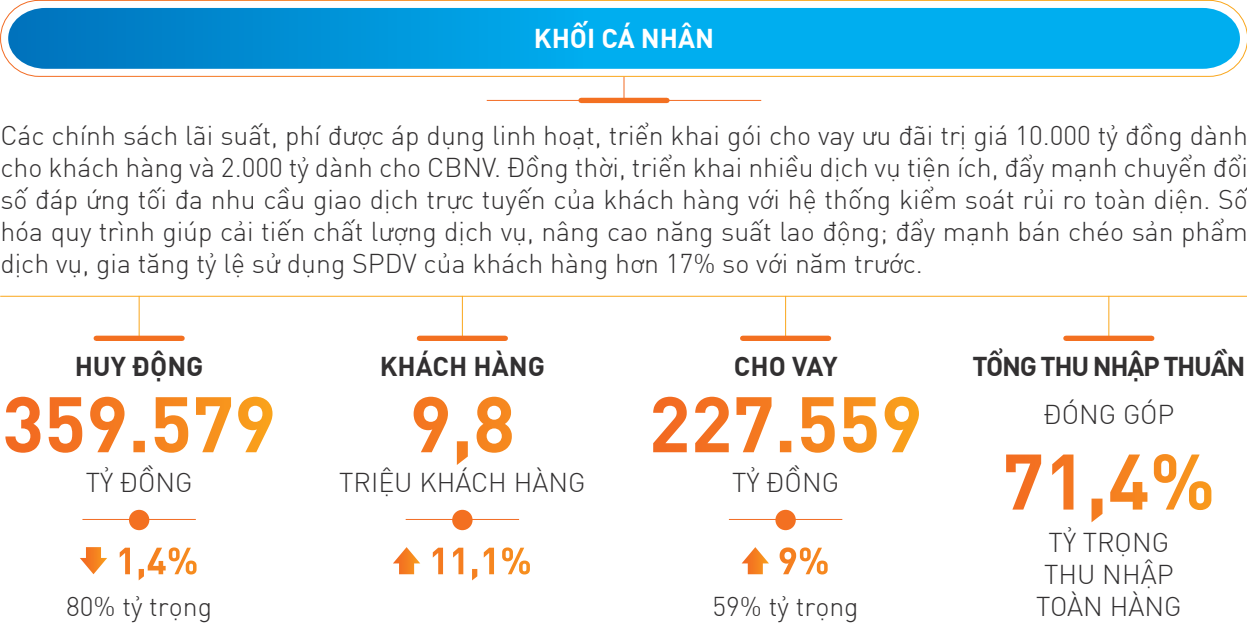
## VỀ HỌC HỎI VÀ PHÁT TRIỂN

**Mạnh dạn thay đổi tư duy, tiên phong ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại vào kinh doanh, quản trị rủi ro và đặc biệt là trong công tác quản trị nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực số, con người số, hướng đến mục tiêu số hóa toàn diện hoạt động.**

- » Các dự án chuyển đổi số trọng yếu được tập trung thực hiện bám sát lộ trình, 100% dự án số hóa quy trình và sản phẩm hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Tăng cường khai thác có hiệu quả các hệ thống công nghệ về quản lý khách hàng (CRM), phê duyệt tín dụng online (LOS), Quản lý thu hồi xử lý nợ (DMC)... Các nền tảng công nghệ thông tin trọng yếu cũng được đảm bảo hoạt động liên tục và duy trì các chứng nhận an toàn bảo mật theo chuẩn mực quốc tế.
- » Nhằm tiếp tục mang đến những trải nghiệm ưu việt, gắn kết và hài lòng cho nhân viên, góp phần gia tăng năng suất, trong năm qua Sacombank không chỉ chuyển đổi về mô hình đào tạo, mà còn tiên phong ứng dụng chuyển đổi số vào quản trị nguồn nhân lực. Song song đó, rà soát và xây dựng lại cấu trúc lương, đánh giá lại hệ thống phúc lợi cho nhân viên nhằm tăng tính cạnh tranh. Kết quả là, năng suất lao động tiếp tục gia tăng, tỷ lệ nghỉ việc được kéo giảm và tinh thần đổi mới sáng tạo tiếp tục được phát huy.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI: CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, TÍN DỤNG

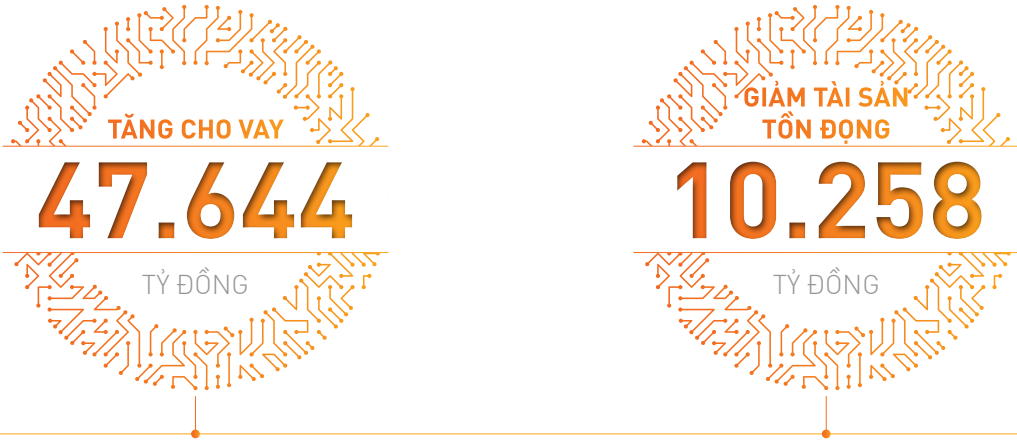
CHỦ ĐỘNG, PHỐI HỢP LINH HOẠT GIỮA CÁC KHỐI NHẪM PHÁT TRIỂN KÊNH NGÂN HÀNG SỐ, SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ, BÁN CHÉO SẢN PHẨM TRÊN HỆ SINH THÁI KHÁCH HÀNG NHẪM GIA TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Năm 2021, công tác thu hồi, xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng tiếp tục đạt kết quả tích cực, đưa phần lớn nguồn vốn vào kinh doanh sinh lời, kết hợp nâng cao năng lực tài chính để đẩy mạnh trích lập dự phòng nhằm tăng bộ đệm phòng ngừa rủi ro. Song song đó, công tác tái cơ cấu danh mục tài sản, cân đối hoạt động sử dụng vốn tiếp tục được Sacombank chú trọng hướng đến sự hiệu quả. Trong năm qua, tổng tài sản hợp nhất năm 2021 tăng 5,8%, tương đương tăng 28.601 tỷ đồng, chủ yếu:



NHỜ ĐÓ, TỶ TRỌNG TÀI SẢN CÓ SINH LỜI TRONG TỔNG TÀI SẢN TIẾP TỤC TĂNG THÊM 8,9% SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ ĐẠT 87,4%, GÓP PHẦN CẢI THIẾN CÁC CHỈ SỐ SINH LỜI ROA VÀ ROE LẦN LƯỢT TĂNG 0,11% VÀ 1,16% SO VỚI NĂM TRƯỚC, ĐẠT 0,67% VÀ 10,79%.

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Trong bối cảnh nhu cầu vốn xã hội đình trệ trong phần lớn năm 2021 và chỉ phục hồi trở lại giai đoạn cuối năm, Sacombank đã chủ động cân đối tăng trưởng Tài sản Nợ nói chung và nguồn vốn huy động nói riêng ở mức phù hợp, hướng đến mục tiêu tối ưu thanh khoản nhằm vừa gia tăng hiệu quả kinh doanh, vừa đảm bảo thanh khoản và các tỷ lệ an toàn hoạt động trong mục tiêu điều hành.

Đến 31/12/2021, tổng nợ phải trả của Sacombank đạt 486.856 tỷ đồng, tăng 5% so với đầu năm; trong đó nguồn vốn huy động từ TCKT&DC chiếm 92,1%, tiếp tục duy trì tính bền vững của nguồn vốn. Bên cạnh đó, tích cực tăng tiền gửi CASA và cân đối kỳ hạn, khách hàng phù hợp nhằm kéo giảm chi phí vốn 19,6%. Lợi nhuận tăng trưởng tốt, đồng thời trong năm Sacombank đã hoàn tất xử lý cổ phiếu quỹ, giúp tổng vốn chủ sở hữu tăng 18,3%.





**BÁO CÁO ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU** (Số liệu theo BCTC riêng)



MẶC DÙ TRONG BỐI CẢNH GIÃN CÁCH XÃ HỘI KÉO DÀI TRÊN DIỆN RỘNG VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN KÉM THUẬN LỢI, SACOMBANK VẪN NỖ LỰC TRIỂN KHAI MỌI GIẢI PHÁP ĐỂ THU HỒI, XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN TỒN ĐỘNG VƯỢT MỤC TIÊU. ĐỒNG THỜI, TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH DOANH, GIA TĂNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH ĐỂ GIA TĂNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG VÀ PHÂN BỐ LÃI KHOANH, GÓP PHẦN KÉO GIẢM ĐÁNG KẾ QUY MÔ TÀI SẢN TỒN ĐỘNG VÀ LÀNH MẠNH HÓA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.



**VỀ MỤC TIÊU XỬ LÝ NỢ XẤU/TÀI SẢN TỒN ĐỘNG VÀ LÀNH MẠNH HÓA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tổng thu hồi, xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng trong năm 2021 đạt 14.087 tỷ đồng. Trong đó, đã thu hồi, xử lý 11.759 tỷ đồng các khoản thuộc Đề án, vượt mục tiêu đặt ra từ đầu năm (10.000 tỷ đồng).

Như vậy, lũy kế từ khi triển khai Đề án đến cuối năm 2021, Sacombank đã thu hồi, xử lý 71.992 tỷ đồng nợ xấu và tài sản tồn đọng, trong đó 58.306 tỷ là các khoản thuộc Đề án, đạt 67,9% kế hoạch tổng thể

đến năm 2025.

Tài sản tồn đọng tính đến cuối năm 2021 giảm 10.258 tỷ đồng (-19,8%) so với đầu năm và giảm 55.080 tỷ (-57%) so với thời điểm triển khai Đề án, tỷ trọng tài sản tồn đọng/tổng tài sản ở mức 8%, giảm 2,6% so với đầu năm và giảm 21,3% so với năm 2016. Tỷ lệ nợ xấu bao gồm nợ bán VAMC chưa xử lý ở mức 6,71%, giảm 1,76% so với đầu năm và giảm 15,06% so với năm 2016.

**TỔNG THU HỒI & XỬ LÝ NỢ**  
2017 - 2021

71.992

TỶ ĐỒNG



**VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH DOANH, GIA TĂNG THU NHẬP, ĐẨY MẠNH TRÍCH LẬP, PHÂN BỐ TỒN ĐỘNG TÀI CHÍNH THUỘC ĐỀ ÁN**

Bên cạnh việc quyết liệt thu hồi/xử lý nợ xấu, mọi mặt hoạt động kinh doanh của Sacombank cũng được tập trung kiện toàn và đẩy mạnh phát triển trong 5 năm qua. Quy mô tăng trưởng liên tục qua các năm, trong khi hiệu quả kinh doanh cũng hồi phục tích cực so với giai đoạn trước triển khai Đề án: Huy động và cho vay tăng bình quân lần lượt 9% và 14,4%/năm; Tổng thu nhập tăng 23%/năm, trong đó thu dịch vụ tăng 30%/năm; Lợi nhuận lõi bình quân hàng tháng tăng từ mức 50 tỷ đồng/tháng vào năm 2016 lên thành 900 - 950 tỷ đồng/tháng hiện hữu.

Nhờ đó, Ngân hàng có nguồn lực tài chính để đẩy mạnh trích lập dự phòng, phân bổ các tồn đọng tài chính vượt mục tiêu, trong khi vẫn đảm bảo lợi nhuận hàng năm vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Lũy kế từ khi triển khai Đề án đến nay, Sacombank đã trích lập, phân bổ 20.287 tỷ đồng chi phí xử lý tài sản tồn đọng, đạt 87,5% kế hoạch tổng thể Đề án đến năm 2025, trong đó năm 2021 trích lập, phân bổ 8.260 tỷ, đạt 187,9% kế hoạch năm.

**TRÍCH LẬP, PHÂN BỐ TỒN ĐỘNG**  
TÀI CHÍNH THUỘC ĐỀ ÁN  
2017 - 2021

20.287

TỶ ĐỒNG



**VỀ MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU MẠNG LƯỚI**

Công tác tái cơ cấu mạng lưới tiếp tục được Sacombank triển khai theo lộ trình, với việc tái bố trí, di dời, chuyển quyền quản lý 27 điểm giao dịch trong năm 2021. Bên cạnh đó, hoàn tất hồ sơ và các thủ tục xin phép Ngân hàng Nhà nước thành lập mới 23 điểm giao dịch trong năm 2022.

Trong 5 năm qua, trên cơ sở đánh giá tiềm năng và nhu cầu phát triển của từng tỉnh/thành, Sacombank

đã thực hiện di dời, tái bố trí 325 điểm giao dịch đến các địa bàn thuận lợi để tăng cường khai thác thế mạnh địa phương, nâng cao khả năng tiếp cận và chăm sóc khách hàng. Song song đó, kết hợp chuẩn hóa thương hiệu và tái cấu trúc hoạt động tất cả các điểm giao dịch theo chiều sâu bằng nhiều cơ chế, giải pháp đồng bộ, tạo điều kiện để quy mô, hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động trên toàn hệ thống bứt phá mạnh mẽ.

**GAJI ĐOẠN 2017 - 2021,**  
DI DỜI, TÁI BỐ TRÍ

325

ĐIỂM GIAO DỊCH



**VỀ MỤC TIÊU GIA TĂNG VỐN TỰ CÓ, ĐẢM BẢO CÁC TỶ LỆ AN TOÀN HOẠT ĐỘNG**

**VỐN TỰ CÓ**

↑118,4%

SO VỚI NĂM 2016

Trong năm 2021, Sacombank đã hoàn tất thanh lý toàn bộ cổ phiếu quỹ phát sinh do yếu tố sáp nhập, qua đó giúp gia tăng vốn chủ sở hữu và vốn tự có thêm 2.435 tỷ đồng. Đến cuối năm 2021, vốn tự có của Sacombank đạt 41.751 tỷ đồng, tăng 17,3% so với đầu năm và tăng 118,4% so với thời điểm

triển khai Đề án, chủ yếu tăng từ nguồn vốn cấp 2 và lợi nhuận tích lũy hàng năm. Điều này đã tạo điều kiện cho Sacombank được mở rộng các hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động - đặc biệt là tỷ lệ an toàn vốn - tuân thủ quy định NHNN, trong bối cảnh chưa thể tăng vốn điều lệ.

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CÔNG TY CON, NGÂN HÀNG CON

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, NGÂN HÀNG CON

Năm 2021, các Công ty/Ngân hàng con đã linh hoạt tiếp cận hệ khách hàng mới để đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường phối hợp bán chéo sản phẩm và hỗ trợ Ngân hàng mẹ trong các lĩnh vực có liên quan, đồng thời chú trọng kiểm soát rủi ro hiệu quả, mặc dù vậy do chịu tác động bởi tình hình dịch bệnh nên kết quả kinh doanh của một số Đơn vị giảm so với năm trước.

### Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản [Sacombank - SBA]

Vốn điều lệ 500 tỷ đồng

Hoạt động cho thuê kho bãi của SBA đạt công suất 100%, nghiệp vụ quản chấp hàng hóa thế chấp, thẩm định giá tiếp tục hỗ trợ hiệu quả cho Ngân hàng mẹ. LNTT đạt 109 tỷ đồng, giảm 22,7% so với năm trước.



### Công ty Cho thuê tài chính [Sacombank - SBL]

Vốn điều lệ 300 tỷ đồng

Linh hoạt tiếp cận hệ khách hàng mới, mạnh dạn thay đổi cơ cấu dư nợ, dư nợ cho thuê tài chính đạt 3.275 tỷ đồng, tăng 25,9% so với đầu năm. Tỷ lệ Nợ quá hạn/Nợ xấu tiếp tục được kiểm soát tương đương mức đầu năm (lần lượt là 1,72% và 1,71%). LNTT đạt 58,5 tỷ đồng, giảm 51,5% so với năm trước.



### Công ty Kiều hối [Sacombank - SBR]

Vốn điều lệ 15 tỷ đồng

Tận dụng tốt cơ hội thị trường, linh hoạt trong công tác chi trả kiều hối, tiết giảm chi phí và kiểm soát rủi ro hiệu quả nên kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc so với năm trước. Doanh số kiều hối chuyển qua SBR đạt 1,75 tỷ USD, tăng 50% so với năm trước. LNTT đạt 13,9 tỷ đồng, tăng 176,9%.



### Công ty Vàng bạc đá quý [Sacombank - SBJ]

Vốn điều lệ 250 tỷ đồng

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh kéo dài nên hoạt động sản xuất kinh doanh của SBJ bị ngưng trệ. Hơn nữa, với đặc thù hoạt động kinh doanh của ngành, áp lực cạnh tranh và chi phí vốn khá lớn nên kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng và giảm nhiều so với năm trước, LNTT âm 13,9 tỷ đồng.



### Sacombank Lao

Vốn điều lệ 819 tỷ đồng

Năm 2021, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, GDP Lào ước tăng 3,6%, tỷ giá LAK mất giá 20% so với VND... vì vậy, hoạt động kinh doanh của Sacombank Lao cũng bị ảnh hưởng. Tổng tài sản đạt 4.181 tỷ đồng, giảm 1% so với đầu năm; Tổng nguồn vốn huy động đạt 3.431 tỷ đồng, tăng 2,3%, trong đó huy động từ TCKT&DC đạt 1.999 tỷ đồng, giảm 1,5%; Cho vay đạt gần 1.864 tỷ đồng, giảm 21,8%. Tổng thu nhập đạt 120 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 15 tỷ đồng.



### Sacombank Cambodia Plc

Vốn điều lệ 1.644 tỷ đồng

Năm 2021, Sacombank Cambodia Plc đã áp dụng nhiều giải pháp linh hoạt để vượt qua khó khăn và đạt kết quả khá tốt. Tổng tài sản đạt 6.262 tỷ đồng, tăng 3,7% so với đầu năm; Tổng huy động đạt 4.350 tỷ đồng, trong đó huy động từ TCKT&DC đạt gần 4.123 tỷ đồng, giảm 2,7%. Cho vay đạt gần 3.802 tỷ đồng, tăng 1,6%. Tổng thu nhập đạt 312 tỷ đồng, tăng 26,7% so với năm trước. Ngoài ra, nhờ tích cực thu hồi được các khoản nợ xấu, lợi nhuận trước thuế đạt 164 tỷ đồng.



## ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2022 CỦA CÔNG TY CON, NGÂN HÀNG CON

Năm 2022, các Công ty/Ngân hàng con tiếp tục tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, khắc phục những khó khăn, tập trung tái cấu trúc mọi mặt hoạt động nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nhân sự, năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro nhằm ngày càng chuyên biệt hóa hoạt động từng Đơn vị, gia tăng năng suất và hiệu suất.

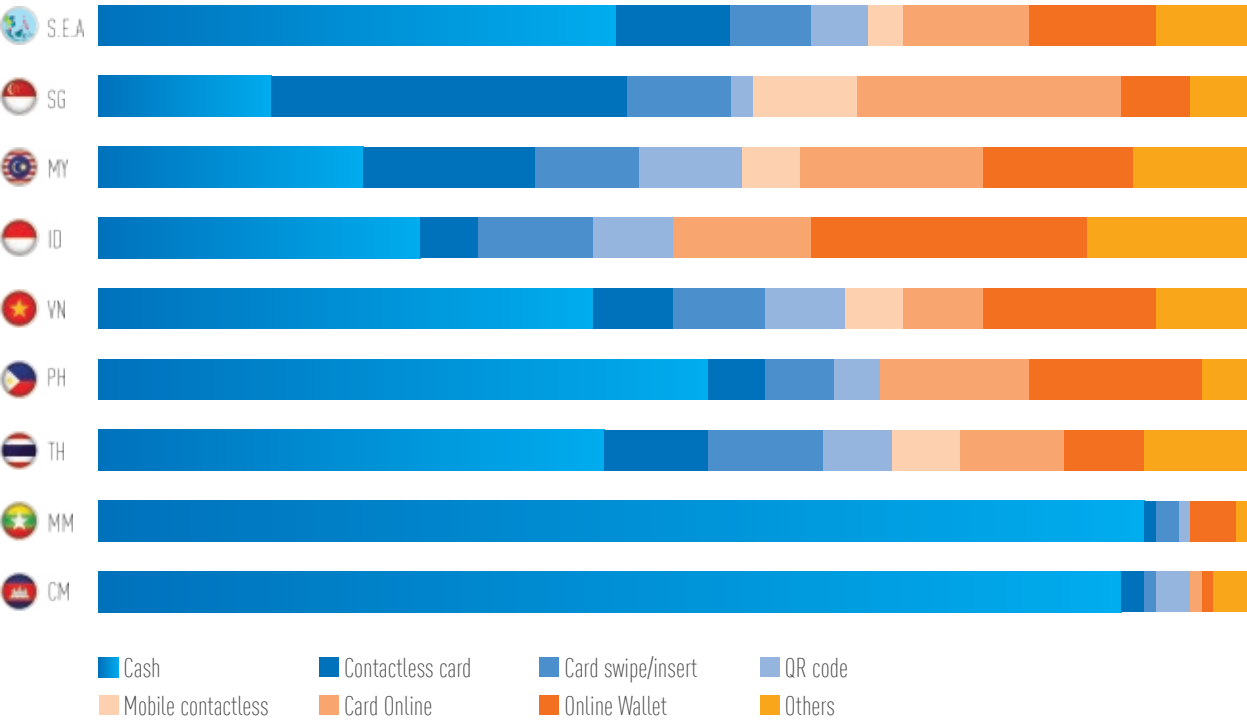
Trên cơ sở bám sát quan điểm định hướng chung của Ngân hàng mẹ, kế hoạch phát triển của các Công ty/Ngân hàng con trong năm 2022 sẽ tập trung vào một số định hướng chính như sau: Khai thác hiệu quả Nguồn vốn, tăng hiệu suất sử dụng Tài sản; Mở rộng Quy mô kinh doanh, gia tăng Hiệu quả hoạt động; Nâng cao giá trị thương hiệu, phát triển lòng tin khách hàng; Gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng; Nâng tầm quản trị, cải tiến phương pháp điều hành; Chuẩn hóa hoạt động, tăng cường quản trị rủi ro; Kiện toàn nền tảng Chiến lược chuyển đổi số; Tối ưu chính sách nhân sự, thúc đẩy năng suất lao động; Kết nối Văn hóa doanh nghiệp với chiến lược điều hành.



# SACOMBANK CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN BÁN LẺ NHỜ VÀO CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ

HAI NĂM VỪA QUA, ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ GÂY RA NHIỀU THÁCH THỨC VÀ THAY ĐỔI LỚN VỚI TOÀN CẦU. ĐỐI VỚI HÀNH VI VÀ SỞ THÍCH TIÊU DÙNG, CHÚNG TA ĐÃ CHỨNG KIẾN MỘT SỰ CHUYỂN ĐỔI ĐÁNG KỂ TỪ CÁCH THỨC TRUYỀN THỐNG SANG MUA SẮM KỸ THUẬT SỐ. CÓ THỂ NÓI, ĐẠI DỊCH ĐÃ GIÚP CÙNG CỐ THÓI QUEN MUA SẮM TRỰC TUYẾN. ĐẶC BIỆT, TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG NƠI THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT ĐÃ PHỔ BIẾN, NGƯỜI TIÊU DÙNG TIN RẰNG COVID-19 ĐÃ ĐẨY NHANH THỜI GIAN ĐỂ QUỐC GIA CỦA HỌ TRỞ THÀNH XÃ HỘI KHÔNG TIỀN MẶT ÍT NHẤT 2 - 3 NĂM. VỚI SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÁC TRẢI NGHIỆM THANH TOÁN MỚI TRÊN TOÀN KHU VỰC, THANH TOÁN KỸ THUẬT SỐ ĐỂ TIẾP CẬN HƠN BAO GIỜ HẾT VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG CÓ KHẢ NĂNG TIẾP TỤC TÌM KIẾM CÁC CÁCH THANH TOÁN SÁNG TẠO HƠN.

MOST PREFERRED PAYMENT METHOD



(Nguồn: <https://fintechnews.sg/virtual-banking/page/3/>)

## NHẮC ĐẾN KHÁI NIỆM

NGÂN HÀNG **TIÊN PHONG** CÔNG NGHỆ

SACOMBANK GẦN NHƯ ĐƯỢC NGHĨ ĐẾN ĐẦU TIÊN



Tại Việt Nam, với quy mô 14 tỷ USD trong năm 2021, thị trường thương mại điện tử Việt Nam đang đứng thứ tư tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, Google, Temasek và Bain & Co dự báo rằng, chỉ cần 4 năm nữa, tức vào năm 2025, Việt Nam sẽ giữ ngôi vị “á vương” tại Đông Nam Á, với quy mô thị trường đạt 52 tỷ USD. Báo cáo này cũng xác nhận “vốn đầu tư tiếp tục tăng mạnh” vào Việt Nam, đặc biệt ở các dịch vụ kỹ thuật số tăng trưởng mạnh trong đại dịch, như thương mại điện tử, công nghệ tài chính, công nghệ y tế và công nghệ giáo dục.

Theo báo cáo của Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước, sau 3 năm thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018, thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công đã mở rộng về số lượng dịch vụ triển khai, quy mô xử lý và chất lượng dịch vụ. 92,3% các giao dịch thu ngân sách được thực hiện qua ngân hàng, 94,35% số tiền điện được thanh toán qua ngân hàng, vượt mục tiêu đề ra tại Đề án. Tính đến 31/12/2021, có trên 80 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai thanh toán qua internet và 44 tổ chức thanh toán qua điện thoại di động. Toàn thị trường hiện có hơn 297.995 POS và 20.058 ATM, tăng tương ứng 6,06% và 0,85% so với cùng kỳ. Thanh toán điện tử qua internet, điện thoại di động, QR code thu hút số lượng lớn khách hàng sử dụng.

Và trong định vị của nhiều khách hàng, Sacombank là một trong những ngân hàng đầu tư “mạnh tay” cho lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt. Nói cách khác, chỉ cần nhắc đến khái niệm “Ngân hàng tiên phong công nghệ” thì cái tên Sacombank sẽ được nghĩ đến đầu tiên. Trong nhiều năm liền, Sacombank được các tổ chức quốc tế ghi nhận là Ngân hàng tiên phong trong việc triển khai các giải pháp thanh

toán số hiện đại nhất tại thị trường Việt Nam. Điển hình, Tổ chức thẻ Visa vinh danh Sacombank là Ngân hàng dẫn đầu về Công nghệ và Sáng tạo Giải pháp Thanh toán Số, Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ thanh toán thẻ chạm điện thoại (tap to phone), dịch vụ thanh toán NFC cho thiết bị di động, dịch vụ đăng ký nhà bán hàng siêu tốc. Các tổ chức thẻ danh tiếng khác như Mastercard, JCB... cũng vinh danh Sacombank trong nhiều giải thưởng quan trọng về công nghệ. Đây là thành quả của nhiều năm Sacombank đã đầu tư mạnh mẽ cho giải pháp thanh toán số thông qua nhiều công nghệ tiên tiến. Có nhiều công nghệ mà đến nay Sacombank vẫn là ngân hàng triển khai đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam, thậm chí là lần đầu tiên trên thế giới.

Với những thành công trong việc xây dựng công nghệ, hoạt động mảng thanh toán thẻ, ứng dụng ngân hàng số đã đóng góp tích cực vào hiệu quả tài chính của toàn hàng và chắc chắn sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong các năm tiếp theo khi bám sát xu hướng thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Đi cùng với định hướng chuyển đổi số của Ngân hàng và sự hỗ trợ tư vấn hợp tác triển khai từ các Tổ chức thẻ quốc tế, Công ty tư vấn, công nghệ hàng đầu thế giới, Sacombank sẽ đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến nhất trên thế giới vào hoạt động thanh toán, như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ tự động (Robot), công nghệ sinh trắc học trong xác thực giao dịch, công nghệ giao tiếp trường gần (NFC), phân tích hành vi khách hàng thông qua dữ liệu lớn, áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud) cho việc quản trị dữ liệu, công nghệ internet vạn vật (IoT), kết nối dữ liệu mở (open API) để mở rộng hệ sinh thái... tiếp tục đi đầu trong công nghệ thanh toán số.

SACOMBANK CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN BÁN LẺ  
NHỜ VÀO CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ (Tiếp theo)

Nhờ ứng dụng  
TỐI ƯU CÔNG NGHỆ  
HIỆN ĐẠI,  
**SACOMBANK**  
CHẠM MỐC

**10** TRIỆU KHÁCH HÀNG  
BẮT CHẤP ĐẠI DỊCH

NĂM VỪA QUA, DÙ ẢNH HƯỞNG KHÔNG ÍT TỪ ĐẠI DỊCH, SACOMBANK VẪN PHÁT ĐỘNG CHIẾN DỊCH 10 TRIỆU KHÁCH HÀNG VỚI 2 MŨI NHỌN CHÍNH ĐÓ LÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MÃI VÀ ĐẨY MẠNH TỔNG LỰC BÁN HÀNG TRÊN CÁC KÊNH, ĐẶC BIỆT LÀ KÊNH TRỰC TUYẾN.



Chiến dịch được triển khai rầm rộ tại tất cả các điểm giao dịch, đẩy mạnh quảng bá trên các kênh tiếp thị trực tuyến, đặc biệt là mạng xã hội (Facebook, YouTube, TikTok), ngoài mục tiêu chính là tăng trưởng kinh doanh, Chiến dịch còn mang đến những thông điệp tích cực, giúp ổn định tâm lý và lan tỏa năng lượng tích cực đến cộng đồng thông qua nhiều bài viết, livestream của nhiều nghệ sĩ và những người có sức ảnh hưởng đến công chúng. Đội ngũ CBNV Sacombank cũng hết sức ứng biến linh hoạt theo những chuyển biến của dịch bệnh vì đã được trang bị sẵn sàng nền tảng số.

Không dừng ở đó, Sacombank còn đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các doanh nghiệp lớn, các tổ chức uy tín cũng như tập trung kết nối với các nền tảng số như Tiki, Zalo. Sacombank còn kết nối với hệ thống hơn 2.000 trường học các cấp, đối tác kiểu hối hàng đầu để tạo nên hệ sinh thái tài chính phục vụ xuyên suốt nhu cầu khách hàng.

Hai năm qua, trong bối cảnh dịch Covid-19, các kênh giao dịch online của Sacombank đã chứng tỏ ưu thế trong việc hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch như bình thường, giúp hạn chế tiếp xúc và tiết kiệm thời gian, chi phí.

Ngoài ra, những chính sách thu hút giao dịch online của Chính phủ, hướng đến một xã hội không tiền mặt và hàng loạt chính sách Zero Free được áp dụng xuyên suốt trong năm 2021 đã giúp Sacombank tăng trưởng CASA ở mức 20% so với năm 2020. Điều này cũng giúp Sacombank tối ưu chi phí huy động vốn và tạo nên nhiều hệ sinh thái bán chéo để phục vụ nhu cầu tài chính khép kín của khách hàng tại Sacombank.

Đến cuối năm 2021, Sacombank đã đạt mục tiêu 10 triệu khách hàng với giao dịch kênh số tăng trưởng mạnh như: đạt hơn 2,5 triệu users trên kênh Sacombank Pay, tăng 91% so với năm 2020, và đạt hơn 3 triệu users Internet Banking/Mobile Banking,

tăng gần 20% so với năm 2020; tỷ lệ giao dịch thanh toán qua kênh số chiếm 80% doanh số giao dịch thanh toán tại Sacombank.

Nhận định thị trường thương mại điện tử sẽ tiếp tục bùng nổ, hành vi khách hàng sẽ còn thay đổi ngoạn mục, Sacombank đã lên kế hoạch làm việc cùng các Công ty tư vấn và công nghệ hàng đầu thế giới như E&Y, IBM, Temenos... để hoạch định nhiều Chiến lược kinh doanh số trong toàn hệ thống, không chỉ dừng lại tái cấu trúc phân khúc khách hàng một cách bài bản, khoa học, có chiều sâu, Sacombank sẽ còn tập trung cao nhất và nhanh nhất với Dự án hợp kênh giao dịch số Omni Channel; đầu tư hệ thống Digital Kiosk Banking thí điểm tại địa bàn Hồ Chí Minh; triển khai mạnh các dịch vụ số đến hệ khách hàng doanh nghiệp; tiếp tục số hoá quy trình, sản phẩm dịch vụ, phân tích hành vi khách hàng, quản lý tài chính cá nhân, hướng đến phục vụ lĩnh hoạt - nhanh chóng - liên mạch và chuyên nghiệp....





## TIỀN PHONG CÔNG NGHỆ THẺ - MỞ RỘNG KẾT NỐI RA THẾ GIỚI

20 NĂM TRƯỚC, KHI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM CÒN XA LẠ VỚI HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN THẺ, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC SACOMBANK ĐÃ CÓ TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, CHẤP NHẬN ĐẦU TƯ LỚN CHO HOẠT ĐỘNG NÀY ĐỂ TẠO LẬP VỊ THẾ DẪN ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG. ĐẾN NAY, ĐỐI VỚI MÀNG PHÁT HÀNH THẺ, SACOMBANK LÀ NGÂN HÀNG CÓ ĐỐI TÁC HỢP TÁC NHIỀU NHẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG GỒM VISA, MASTERCARD, JCB, UNIONPAY VÀ NAPAS.

### 20 năm TIỀN PHONG CÔNG NGHỆ THẺ

Theo số liệu thống kê từ Chi hội Thẻ - Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021, Sacombank đang dẫn đầu thị trường Việt Nam về doanh số thanh toán thẻ quốc tế với 22% thị phần, dẫn đầu thị trường về doanh số sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế với 32% thị phần, dẫn đầu thị trường về thẻ tín dụng nội địa với 34% thị phần, đồng thời cũng ở trong top 5 ngân hàng dẫn đầu về doanh số thẻ tín dụng quốc tế với 6% thị phần, top 5 ngân hàng có đơn vị chấp nhận thanh toán nhiều nhất tại Việt Nam. Ngân hàng Top 3 trong việc phát triển thẻ doanh nghiệp của Visa.

Sacombank cũng là ngân hàng nhận nhiều giải thưởng nhất của các tổ chức thẻ quốc tế cho những đóng góp đối với doanh số thanh toán, số lượng thẻ phát hành cũng như những đổi mới sáng tạo liên tục, luôn tiên phong trong việc đưa ra thị trường các sản phẩm dịch vụ công nghệ mới.



Doanh số thanh toán thẻ quốc tế

Sacombank	22%
Techcombank	16%
Vietinbank	14%
BIDV	11%
Vietcombank	8%
Khác	29%



### Mở rộng KẾT NỐI ra thế giới gia tăng GIÁ TRỊ dành cho khách hàng

Hiện nay, Sacombank là ngân hàng có số lượng đơn vị hợp tác phát triển thẻ nhiều nhất thị trường. Mạng lưới chấp nhận thanh toán của Sacombank cũng lớn nhất Việt Nam với gần 122.000 điểm giao dịch POS/mPOS/QR và hơn 150 đối tác kết nối dịch vụ thanh toán online.

Để đạt được sự tín nhiệm, yêu thích và lựa chọn dịch vụ thẻ từ khách hàng, Sacombank đã luôn đầu tư nghiêm túc, tập trung nguồn lực, học hỏi đối tác nước ngoài và tiên phong ứng dụng công nghệ thanh toán mới. Đó cũng là lý do khi các đối tác thẻ triển khai các dịch vụ mới tại Việt Nam, luôn ưu tiên lựa chọn Sacombank là Ngân hàng đầu tiên triển khai.

Với Tổ chức thẻ Visa, Sacombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai thẻ chip không tiếp xúc vào năm 2017, triển khai thanh toán QR chuẩn EMV, cung cấp dịch vụ card on file - cho phép mã hóa thông tin thẻ, lưu trữ an toàn các tài khoản được mã hóa và cập nhật dữ liệu thẻ được thu thập từ người tiêu dùng trực tuyến để có trải nghiệm thanh

toán tốt hơn. Cũng vào cuối năm 2020, Sacombank cho ra mắt công nghệ thanh toán chạm bằng điện thoại di động, biến chiếc điện thoại di động thành phương tiện thanh toán tiện lợi... Kết hợp 2 dịch vụ Tap to phone và dịch vụ đăng ký online trở thành đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ, Sacombank là ngân hàng đầu tiên trên thế giới số hóa quy trình cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán nhanh nhất cho đại lý. Trong năm 2021, Sacombank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài đến thẻ của khách hàng thông qua mạng lưới của Visa với tên gọi là Visa Direct Outbound.

Với Tổ chức thẻ Mastercard, Sacombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai các tích hợp đa tiện ích trên chiếc thẻ với giải pháp in QR chủ của hàng lên trên thẻ, hỗ trợ giao dịch thanh toán QR EMV; hay tiên phong với dòng thẻ Mastercard Only One tích hợp cả 2 thẻ thanh toán và thẻ tín dụng trên 1 chip, giúp khách hàng quản lý chi tiêu tốt hơn và thuận tiện trong việc sử dụng thẻ.

# TIỀN PHONG CÔNG NGHỆ THẺ - MỞ RỘNG KẾT NỐI RA THẾ GIỚI (Tiếp theo)

Với Tổ chức thẻ JCB, Sacombank được lựa chọn là ngân hàng đầu tiên trên thế giới triển khai loại hình thanh toán QR của JCB.

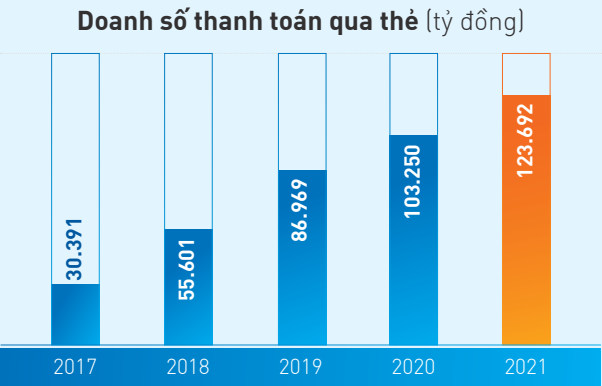
Từ năm 2017, Sacombank cũng đã trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai hình thức thanh toán qua mã QR theo chuẩn EMV của các tổ chức thẻ Visa, Mastercard, UnionPay và JCB, điều đó đồng nghĩa với việc hệ sinh thái thanh toán của Sacombank đã vươn ra tầm quốc tế, khách hàng có thể sử dụng ứng dụng của Sacombank thanh toán ở bất cứ đâu trên thế giới và con số lên đến hàng triệu điểm chấp nhận thanh toán QR và gần đây nhất Sacombank đã triển khai hợp tác với BC Card là một tổ chức thanh toán lớn nhất tại Hàn Quốc và ngân hàng Bangkok Thái Lan để triển khai hình thức thanh toán QR song phương giữa hai quốc gia. Đối với trong nước, Sacombank cũng tiên phong triển khai VietQR của Napas và kết nối thanh toán QR với VN Pay, tạo sự thuận tiện cho người dùng.

Với thế mạnh về thị phần bán lẻ, Sacombank luôn là đối tác tin cậy, được nhiều thương hiệu lớn như Tiki, Vietnam Airlines, Vinamilk, Pepsico hay các trường đại học, phổ thông trung học trên toàn quốc

lựa chọn hợp tác, phát triển các dòng thẻ phù hợp theo nhu cầu, sở thích tiêu dùng của khách hàng, nhằm mang lại lợi ích tài chính tốt nhất cho khách hàng khi sử dụng.

Với những thành công trong việc xây dựng công nghệ, hoạt động mảng thanh toán thẻ, ứng dụng ngân hàng số đã đóng góp tích cực vào hiệu quả tài chính của toàn hàng và chắc chắn sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh trong các năm tiếp theo khi bám sát xu hướng thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Đi cùng với định hướng chuyển đổi số của Ngân hàng, cùng với sự hỗ trợ tư vấn hợp tác triển khai từ các Tổ chức thẻ quốc tế, Trung tâm Thẻ sẽ đẩy mạnh việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến nhất trên thế giới vào hoạt động thanh toán, như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ tự động (Robot), công nghệ sinh trắc học trong xác thực giao dịch, công nghệ giao tiếp trường gần (NFC), phân tích hành vi khách hàng thông qua dữ liệu lớn, áp dụng công nghệ điện toán đám mây (cloud) cho việc quản trị dữ liệu, công nghệ internet vạn vật (IoT), kết nối dữ liệu mở (open API) để mở rộng hệ sinh thái... nhằm tiếp tục đi đầu trong mạng công nghệ thanh toán số.



Doanh số thanh toán của Sacombank ngày càng tăng qua các năm



Sacombank luôn tạo ra những dấu mốc quan trọng với những bước đi tiên phong trong hành trình 30 năm với nhiều thành tựu. Trên hành trình đó, Visa được Sacombank lựa chọn là đối tác quan trọng hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp, người tiêu dùng, cũng như cung cấp đến khách hàng các phương thức thanh toán số an toàn, tiện lợi, nhanh chóng.

Bà **Đặng Tuyết Dung**  
Giám đốc Visa Việt Nam và Lào



Mastercard tự hào được hợp tác với Sacombank nhằm mang đến các giải pháp và sản phẩm sáng tạo, có thể giúp thay đổi cuộc sống của người dân và thúc đẩy quá trình phục hồi sau ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Với cam kết của Sacombank đối với một Việt Nam kỹ thuật số và kinh nghiệm toàn cầu của Mastercard trong việc cung cấp các công nghệ thanh toán thuận tiện và an toàn, chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục cùng Sacombank xây dựng một Việt Nam toàn diện về tài chính và kỹ thuật số - điều cần thiết cho cuộc sống bình thường mới sau đại dịch.

Bà **Winnie Wong**  
Giám đốc Quốc gia của Mastercard tại Việt Nam, Campuchia và Lào



Trong năm 2021, mối quan hệ hợp tác giữa JCB và Sacombank đã có những phát triển bất chấp khó khăn cản trở do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Chúng tôi tin rằng năm 2022 sẽ là một năm phát triển mạnh mẽ hơn nữa đối với mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.

Ông **Shukuin Kazuma**  
Trưởng đại diện JCB Việt Nam



# LĨNH VỰC BANCASSURANCE - TÍCH LŨY NỘI LỰC, SẴN SÀNG VƯỢT SÓNG

XUẤT HIỆN TỪ NĂM 2009 NHƯNG PHẢI ĐẾN NĂM 2017, KHI SACOMBANK VÀ DAI-ICHI LIFE KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM ĐỘC QUYỀN VỚI THỜI HẠN CAO NHẤT LÚC BẤY GIỜ - 20 NĂM, LĨNH VỰC BANCASSURANCE MỚI THỰC SỰ KHỞI SẮC TẠI VIỆT NAM. ĐẶC BIỆT TRONG HAI NĂM DỊCH BỆNH HOÀNH HÀNH VỪA QUA, CÔNG CHÚNG ĐÃ QUAN TÂM NHIỀU HƠN ĐẾN SỰ BẢO VỆ VÀ ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH TRƯỚC CÁC RỦI RO KHÓ LƯỜNG CŨNG NHƯ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BẢO HIỂM. TRẢI QUA GẦN 5 NĂM HỢP TÁC, THÔNG QUA VIỆC XÂY DỰNG, ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ, LẮNG NGHE NHU CẦU KHÁCH HÀNG, CHUẨN HÓA CÁC QUY TRÌNH, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ, SACOMBANK ĐÃ TÍCH LŨY ĐƯỢC NHIỀU KINH NGHIỆM QUÝ GIÁ, CHUẨN BỊ CÁC NGUỒN LỰC VỮNG VÀNG ĐỂ SẴN SÀNG ĐÓN SÓNG THỊ TRƯỜNG VÀ GẶT HÁI NHIỀU THÀNH QUẢ TÍCH CỰC.

## 5 năm TÍCH LŨY NỘI LỰC

Với định hướng khách hàng là trọng tâm và cam kết luôn mang đến các giải pháp tài chính toàn diện dành cho khách hàng, trong gần 5 năm hợp tác, liên minh Sacombank - Dai-ichi Life Việt Nam đã luôn không ngừng đổi mới, phát triển để khẳng định vị thế và đem lại nhiều giá trị tối ưu dành cho khách hàng.

Nắm bắt được chìa khóa để bứt phá, khẳng định sự vượt trội và đem lại trải nghiệm tốt nhất đến khách hàng là lực lượng cán bộ nhân viên - đội ngũ trực tiếp chăm sóc khách hàng - công tác đào tạo được đặc biệt quan tâm ngay từ những ngày đầu hợp tác. Các khóa đào tạo kiến thức, nghiệp vụ bảo hiểm, kỹ năng chăm sóc khách hàng được triển khai liên tục và định kỳ ôn luyện với các hình thức đào tạo đa dạng (đào tạo trực tiếp, bài giảng hoặc đào tạo online, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, hoạt động ngoại khóa...), qua đó, giúp nâng cao chất lượng tư vấn bảo hiểm đến khách hàng.

Bên cạnh công tác đào tạo, Sacombank không ngừng chú trọng xây dựng và hoàn chỉnh các quy trình, quy định nội bộ về phân phối sản phẩm bảo hiểm, từ các bước trao đổi, tìm hiểu nhu cầu khách hàng, giới thiệu, tư vấn ban đầu... đến các bước chăm sóc sau bán hàng. Đồng thời, thông qua việc kiểm tra, rà soát theo các chuẩn quy định, từ đó các cảnh báo rủi ro được cập nhật, ban hành thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng kinh doanh bảo hiểm, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.



Song song đó, Sacombank và Dai-ichi Life Việt Nam luôn không ngừng tìm hiểu, nắm bắt thị hiếu khách hàng cũng như xu hướng thị trường để cập nhật các sản phẩm mới/cải tiến sản phẩm. Bên cạnh 5 nhóm sản phẩm bổ trợ đáp ứng các nhu cầu thiết yếu được bổ sung thêm trong thời gian qua (như bảo hiểm hỗ trợ viện phí, bảo toàn thu nhập gia đình, chăm sóc sức khỏe toàn cầu, hỗ trợ điều trị bệnh ung thư, bảo hiểm tai nạn cao cấp), Sacombank và Dai-ichi Life Việt Nam còn tiên phong trong việc số hóa sản phẩm bảo hiểm, qua đó, giúp sản phẩm bảo hiểm có thể tiếp cận đến đa dạng phân khúc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng trẻ, ưa thích công nghệ. Theo đó, vào tháng 10/2021, sản phẩm bảo hiểm bệnh ung thư K-Care đã được phân phối trên ứng dụng Sacombank Pay với những quyền lợi vượt trội về chăm sóc và hỗ trợ tài chính cho bệnh ung thư và nhận được những phản hồi tích cực của khách hàng, tạo tiền đề cho việc đưa nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ lên các

ứng dụng trong tương lai. Kết quả tháng đầu tiên triển khai đã có hơn 2.600 hợp đồng phát hành thành công và đem về doanh thu phí gần 10 tỷ đồng.

Ngoài ra, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, không chỉ cần bảo vệ toàn diện mà còn cần đầu tư gia tăng giá trị tài sản, đặc biệt với phân khúc khách hàng VIP, Sacombank đã định hướng tập trung khai thác sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư (ILP). Với đặc thù độ phức tạp cao của sản phẩm ILP, định hướng kinh doanh này giúp nâng cao trình độ của đội ngũ tư vấn, đồng thời góp phần gia tăng đáng kể hiệu quả kinh doanh.

Không những thế, công nghệ cũng được ứng dụng kịp thời vào công tác bán hàng như nộp hồ sơ yêu cầu bảo hiểm online (eApp), quản lý hợp đồng/điều chỉnh thông tin/thực hiện yêu cầu bồi thường trên ứng dụng Dai-ichi Connect, AD-Portal... giúp tăng tính thuận tiện, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ cho khách hàng.

**Song song với việc tiếp cận các giải pháp tài chính - bảo vệ bởi đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, khách hàng Sacombank còn nhận được các quyền lợi tối ưu từ các chương trình khuyến mãi, từ các cơ chế ưu đãi đặc biệt khi tham gia thêm các sản phẩm bảo hiểm, được hưởng “lợi đơn, lợi kép” từ dịch vụ tài chính ngân hàng.**

LĨNH VỰC BANCASSURANCE -  
TÍCH LŨY NỘI LỰC, SẴN SÀNG VƯỢT SÓNG (Tiếp theo)

Những thành quả  
VƯỢT BẬC

Bất chấp dịch bệnh Covid-19, thị trường bancassurance vẫn tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021. Riêng mối quan hệ hợp tác Sacombank - Dai-ichi Life Việt Nam, sau hơn 4 năm hợp tác, đến hết năm 2021, thông qua mạng lưới giao dịch rộng lớn trên toàn quốc cùng với các kênh tư vấn, phân phối đa dạng đã phát hành gần 550.000 hợp đồng bảo hiểm với tổng doanh thu phí bảo hiểm gần 5.900 tỷ đồng, đồng thời hỗ trợ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm hơn 1.400 trường hợp với tổng giá trị chi trả lên hơn 110 tỷ đồng. Đặc biệt, từ khi hợp tác đến nay, mảng bảo hiểm luôn đóng góp tỷ trọng ngày càng cao vào tổng thu dịch vụ ngân hàng. Với năm 2021, thu dịch vụ bảo hiểm đã đóng góp đến 46,6% vào tổng thu dịch vụ của Ngân hàng (theo số liệu Hợp nhất). Đây là những con số ấn tượng, ngày một khẳng định tầm quan trọng của dịch vụ bảo hiểm trong hoạt động kinh doanh của Sacombank.

Đến cuối năm 2021, gần 11.000 nhân viên Sacombank hoàn tất các khóa đào tạo và được cấp Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ, chiếm gần 60% số lượng nhân viên toàn hệ thống, trong đó hơn 70% CBNV đã giới thiệu thành công hợp đồng bảo hiểm.

Bên cạnh kết quả kinh doanh ấn tượng, Sacombank và Dai-ichi Life Việt Nam đã thực hiện nhiều hoạt động vì cộng đồng có ý nghĩa như trao tặng nhà tình thương, tài trợ hệ thống lọc nước sạch và hàng ngàn suất học bổng đến các em học sinh có tinh thần vượt khó vươn lên tại khắp các tỉnh thành trong cả nước với tổng số tiền tài trợ lên đến hơn 3 tỷ đồng.

Chất lượng hợp tác Sacombank - Dai-ichi Life Việt Nam đã được công nhận bởi các nhà đánh giá quốc tế: giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ Bancassurance đáng tin cậy nhất tại Việt Nam năm 2021” (Most Trusted Bancassurance Provider Vietnam 2021). Đây là giải thưởng thường niên được Finance Derivative, tạp chí uy tín về phân tích kinh doanh và tài chính thuộc FM.Publishing (Hà Lan) tổ chức, nhằm vinh danh các doanh nghiệp có thành tích trong hoạt động bancassurance nổi bật trên toàn cầu. Đây cũng chính là động lực để hai thương hiệu đi đầu trong hai lĩnh vực bảo hiểm và ngân hàng tại thị trường Việt tiếp tục thắt chặt hợp tác, nối dài thành công trong thời gian tới.

Nâng tầm hợp tác,  
kỳ vọng trở thành HÌNH MẪU của  
bancassurance Việt Nam

Cùng với sự phát triển của thị trường, bancassurance đang dần trở thành mô hình liên kết kinh doanh phổ biến giữa ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm với tốc độ tăng trưởng ổn định, ngay cả trong giai đoạn dịch bệnh. Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu phí mới của kênh bancassurance luôn ổn định ở mức trên 20%/năm. Tại Sacombank, tốc độ tăng trưởng phí mới bình quân các năm đạt gần 60%, trong đó phí mới năm 2021 chiếm 7% thị phần bancassurance Việt Nam.

Từ những nền tảng vững chắc đạt được sau hơn 4 năm hợp tác, cùng nhận định thị trường đang có nhiều tiềm năng để phát triển, Sacombank và Dai-ichi Life Việt Nam đã ký kết nâng tầm hợp đồng đại lý bảo hiểm độc quyền vào tháng 12/2021 để khai thác tối đa thế mạnh của hai bên và hứa hẹn những bước tiến đột phá mới. Trong năm 2022, Sacombank sẽ tận dụng mạng lưới phân phối kết hợp công nghệ thông tin để có thể nhanh chóng đưa sản phẩm bảo hiểm đến từng

gia đình khách hàng. Ngoài ra, thông qua việc triển khai bán hàng ngay trên ứng dụng Sacombank Pay, Sacombank hướng đến mở rộng khả năng tiếp cận và thay đổi nhận thức khách hàng trẻ (Gen Y, Z) năng động, quan tâm và tham gia bảo hiểm sớm.





# SACOMBANK VÀ HÀNH TRÌNH 30 NĂM ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP

NỀN TẢNG ĐỂ SACOMBANK PHÁT TRIỂN ĐẾN NGÀY HÔM NAY NẢM Ở HỆ KHÁCH HÀNG RỘNG KHẮP VÀ ĐẶC BIỆT LÀ SỰ TIN TƯỞNG CỦA GẦN 200.000 KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TRONG SUỐT 30 NĂM QUA. SACOMBANK LUÔN THẤU HIỂU, GÌN GIỮ MỐI QUAN HỆ ĐỒNG HÀNH CÙNG PHÁT TRIỂN VỚI DOANH NGHIỆP THÔNG QUA VIỆC KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN, ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM DỊCH VỤ ĐỂ ĐEM ĐẾN CHO KHÁCH HÀNG NHỮNG TRẢI NGHIỆM TỐI ƯU NHẤT.

## Đồng hành từ sự THẤU HIỂU khách hàng

Hàng loạt sản phẩm **Tài trợ thương mại** và **Thanh toán quốc tế** như L/C, D/P, T/T, L/C UPAS, chuyển tiền nhanh Đông Dương, thanh toán biên mậu, dịch vụ tra cứu SWIFT GPI... giúp Sacombank khẳng định vị thế sự lựa chọn hàng đầu của doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Song song đó, để giúp Doanh nghiệp có giao thương xuất nhập khẩu tối đa hiệu quả từ ngoại tệ, hạn chế thấp nhất rủi ro tỷ giá, giá cả nguyên vật liệu và hàng hóa, Sacombank có một loạt các giải pháp như ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, tương lai, hoán đổi, quyền chọn đến giao dịch tương lai hàng hóa, quyền chọn hàng hóa, sàn giao dịch hàng hóa... Sự công nhận của tạp chí uy tín Global Banking & Finance Review và tạp chí Alpha Southeast Asia với giải thưởng **"Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất năm 2021"** là minh chứng rõ rệt cho những thành công của Sacombank trong mảng kinh doanh ngoại hối.

Tại Sacombank, các sản phẩm dịch vụ đều được thiết kế phù hợp với nhu cầu tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như **Tín dụng** đáp ứng từ nhu cầu bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh hàng ngày đến những dự án tài trợ trung dài hạn, thấu chi, bảo lãnh... với cơ cấu tài sản đảm bảo đa dạng, tỷ lệ cấp tín dụng cạnh tranh, vay đa ngoại tệ giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn linh hoạt, dễ dàng, từ đó ổn định kinh doanh và mở rộng sản xuất.

Đáp ứng nhu cầu giao dịch số của khách hàng, Sacombank eBanking được hơn **100.000** doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn thực hiện giao dịch thanh toán trong và ngoài nước, mở tài khoản trực tuyến, đăng ký vay vốn online 24/7, tra cứu chứng từ online... Không những thế, mô hình phê duyệt được thiết kế bảo mật cao, phương thức xác thực đa dạng, phù hợp nhu cầu Khách hàng là điểm sáng trong hoạt động chuyển đổi số tại Sacombank. Ngoài ra, Sacombank

còn cung cấp dịch vụ quản lý dòng tiền đến doanh nghiệp có số lượng lớn khoản phải thu, khoản phải trả cùng hệ thống đại lý phân phối rộng khắp như thu hộ qua dịch vụ Cổng thanh toán trực tuyến (e-commerce) và dịch vụ thanh toán trực tuyến thông qua kết nối API (Host to Host)... giúp nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn, tiết kiệm thời gian và chi phí quản lý.

Để hành trình chăm sóc khách hàng được liên mạch, Sacombank không ngừng đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số và cải thiện chất lượng SPDV từ nâng cao hệ thống website, eBanking đến Dịch vụ Ngân hàng hiện đại trong năm 2021 nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh và tính chủ động trong công tác quản lý tài chính cho khách hàng. Một trong những

dấu ấn nổi bật nhất là sự ra mắt của bộ sản phẩm **Thẻ doanh nghiệp Sacombank Mastercard** đầu tiên trên thị trường gồm 2 dòng thẻ thanh toán, thẻ tín dụng nhân kỷ niệm 30 năm thành lập ngân hàng ngày 21/12/2021. Đây là các sản phẩm thẻ cao cấp mang đến cho doanh nghiệp những quyền lợi ưu việt nhất hiện nay.

Tăng cường hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài nước là hoạt động được Sacombank chú trọng thực hiện trong những năm qua. Tính đến năm 2021, Sacombank liên kết hợp tác với hơn 10 Hiệp hội, góp phần gia tăng sự am hiểu về ngành nghề, mở rộng kênh tương tác tạo cơ hội giúp Ngân hàng tiếp cận nhiều hơn đến khách hàng doanh nghiệp.

## Đồng hành từ những SẺ CHIA kịp thời

Ngay từ đầu năm 2021, Sacombank thực hiện giảm lãi suất lên đến **1%/năm** cho tất cả khách hàng doanh nghiệp chịu tác động của dịch Covid-19... đồng thời tiếp tục ưu đãi, miễn phí dịch vụ, cơ cấu nợ và điều chỉnh giảm khung lãi suất cho vay. Với sứ mệnh đồng hành cùng khách hàng trong quá trình phát triển, luôn thấu hiểu, quan tâm và chia sẻ những khó khăn của Khách hàng, Sacombank là ngân hàng đầu tiên công bố giảm lãi suất cho vay, là một trong những đơn vị phản ứng nhanh khi liên tục đưa ra các giải pháp và chương trình thiết thực cùng khách hàng vượt qua khủng hoảng.

Trong năm 2021, Sacombank đã dành **30.000** tỷ đồng tiếp sức kinh doanh, vững vàng chống dịch với lãi suất ưu đãi từ 4%/năm đồng hành cùng doanh nghiệp xuất khẩu và hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn do dịch Covid-19. Tham gia chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp và Bình ổn thị trường do Ngân hàng Nhà nước phát động từ năm 2012 đến nay, Sacombank đã dành hơn 20.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi doanh nghiệp trên cả nước.

## Thành quả từ những NỖ LỰC không ngừng

Với những kết quả vượt trội trong hoạt động đồng hành cùng doanh nghiệp, Sacombank vinh dự đạt giải thưởng **"Ngân hàng tốt nhất dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam"** năm 2021 do tạp chí Asiamoney đánh giá và bình chọn. Sacombank được Tạp chí The Asian Banking & Finance vinh danh là **"Ngân hàng Việt Nam có sáng kiến trong lĩnh vực Ngân hàng số"** nhờ liên tục chú trọng đầu tư mạnh mẽ cho nền tảng công nghệ hiện đại, triển khai và áp dụng nhiều dự án liên quan đến công nghệ thông tin với tổng số vốn đầu tư lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Đây là minh chứng cho các nỗ lực của Sacombank trong việc không ngừng tiên phong cải tiến sản phẩm và công nghệ, mang đến nhiều giải pháp tối ưu nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp về tài chính, giao dịch, quản lý dòng tiền...

Trong thời gian tới, Sacombank sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngân hàng số nhằm tạo đột phá về sản phẩm dịch vụ thông qua việc ứng dụng nền tảng công nghệ tiên tiến nhất, vừa tối ưu hóa lợi ích cho khách hàng vừa đóng góp thiết thực vào sự phục hồi tăng trưởng kinh tế. Theo đó, Sacombank sẽ triển khai hệ thống đánh giá tín dụng mới theo Basel II thay cho hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hiện nay, giúp quá trình ra quyết định phê duyệt khoản vay nhanh hơn, đẩy mạnh tiến độ xây dựng hệ thống Omni Channel gia tăng trải nghiệm khách hàng doanh nghiệp, tập trung quyết liệt trong các hoạt động chuyển đổi công nghệ một cách toàn diện, chinh phục mục tiêu Ngân hàng số hàng đầu Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHỐI DOANH NGHIỆP  
GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

1

TÀI CHÍNH



Đạt **5%** thị phần  
**MẢNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**  
trên thị trường vào năm 2025

**GIA TĂNG NGUỒN THU DỊCH VỤ,  
HUY ĐỘNG KHÔNG KỲ HẠN**

2

KHÁCH HÀNG

GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

Phát triển sâu rộng vào phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ - SME (bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ - MSME, SME và doanh nghiệp cận lớn - USME); gia tăng gắn kết và tận dụng cơ hội phát triển hệ khách hàng doanh nghiệp lớn hiện hữu:

- Tập trung các kênh phát triển khách hàng và thu hút doanh nghiệp SME thuộc các ngành nghề trọng tâm.
- Cung ứng đa dạng SPDV cho hệ khách hàng SME và trở thành ngân hàng giao dịch chính của khách hàng.
- Chăm sóc và khai thác sâu hệ khách hàng hiện hữu.
- Gia tăng giá trị lâu dài của khách hàng.

GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Phát triển phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn:

- Xây dựng hệ sinh thái rộng và khai thác tối đa nhu cầu.
- Đẩy mạnh số hóa để kết nối hệ sinh thái doanh nghiệp lớn và SME.



3

SẢN PHẨM DỊCH VỤ

- Tăng cường bán chéo SPDV thông qua các gói combo chuyên biệt theo nhu cầu tài chính của từng phân khúc khách hàng.
- Nghiên cứu phát triển SPDV theo hướng tối ưu hóa vận hành, kết hợp số hóa quy trình để tối ưu hóa tiện ích và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng.
- Đẩy mạnh các SPDV ngân hàng giao dịch, gia tăng doanh thu phí và CASA.
- Chuyển tải toàn bộ SPDV doanh nghiệp qua kênh trực tuyến, giúp gia tăng tiện ích cho khách hàng và giải phóng nguồn lực vận hành để nâng cao hiệu suất/năng suất.
- Đẩy mạnh liên kết đa kênh trong quá trình cung ứng SPDV cho khách hàng để đo lường sự hài lòng của khách hàng.



4

TRUYỀN THÔNG - MARKETING

- Tối đa hóa sử dụng Hybrid marketing từ CRM để tiếp cận khách hàng doanh nghiệp mục tiêu theo từng chương trình, SPDV.
- Đa dạng các công cụ, sáng tạo trong cách thức truyền thông nhằm gia tăng khả năng truyền tải thông điệp đến từng khách hàng mục tiêu.





# SỐ HÓA HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TẠI SACOMBANK

SACOMBANK XÁC ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI SỐ KHÔNG CÒN LÀ XU HƯỚNG MÀ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ BẮT BUỘC CHO SỰ SỐNG CÒN CỦA NGÂN HÀNG TRONG THỜI ĐẠI SỐ NHƯ HIỆN NAY. CHÍNH VÌ THẾ, SACOMBANK ĐÃ CHỦ ĐỘNG, TIỀN PHONG VÀ ĐẦU TƯ THỎA ĐÁNG ĐỂ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ MỘT CÁCH ĐỒNG BỘ, TOÀN DIỆN TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG TỪ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DỊCH VỤ ĐẾN QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH.

Thực tế đã chứng minh rằng, nhu cầu chuyển đổi số gia tăng cùng sự phát triển Nguồn nhân lực tại Sacombank. Ngay từ rất sớm, Ban lãnh đạo Khối Quản trị Nguồn nhân lực (QTNNL) đã triển khai lộ trình thiết lập các công cụ công nghệ nhằm đồng hành cùng CBNV tốt hơn trong mọi tác nghiệp, tiêu biểu như: năm 2010 Khối QTNNL phối hợp FPT triển khai Hệ thống Quản lý nhân sự iHRP, năm 2015 triển khai Hệ thống Moodle vào quản lý hoạt động đào tạo và giải pháp tuyển dụng online của CareerBuilder, năm 2019 vận hành chương trình phê duyệt hồ sơ nhân sự online và chuyển đổi hệ thống tuyển dụng online sang giải pháp của Base với nhiều tính năng hiện đại theo xu hướng mới nhất...

Đến năm 2020, hành trình chuyển đổi số lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực tại Sacombank đã đạt được những thay đổi bước ngoặt khi Ngân hàng ký kết hợp tác với NGS và HR Path - nhà cung cấp các dịch vụ quản lý nguồn nhân lực hàng đầu thế giới - để triển khai giải pháp quản trị nhân sự

SAP SuccessFactors theo công nghệ Cloud. Đây là một bước tiến quan trọng của Sacombank trong quá trình chuyển đổi số hoạt động ngân hàng nói chung và chiến lược quản trị nguồn nhân lực nói riêng. Giải pháp này sẽ giúp Sacombank số hóa hoàn toàn mọi quy trình nhân sự, các hoạt động thu hút - quản trị và phát triển nhân tài, quản lý hiệu quả sử dụng nguồn lực cùng các chỉ số nhân sự quan trọng khác.

Song song đó, trong năm 2021, Sacombank tiếp tục đẩy mạnh các Giải pháp đào tạo trực tuyến phù hợp với bối cảnh giãn cách do đại dịch Covid-19: đã có hơn 473 khóa học được triển khai (bao gồm đào tạo trực tuyến và lớp học ảo) với gần 108.000 lượt CBNV tham gia, ban hành nhiều giáo trình/tài liệu dưới hình thức Video Clip và Micro Learning theo xu hướng hiện đại.



Chuyển đổi số không đơn thuần là các dự án công nghệ mới mà phải thay đổi tư duy, thay đổi mô hình kinh doanh và quy trình, nâng cao kỹ năng và năng lực số trong tổ chức mới có thể thành công.

Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc



Do đó, bên cạnh việc phát triển các công cụ công nghệ trong hành trình chuyển đổi số, Sacombank đã tăng cường đào tạo kỹ năng, kiến thức cũng như nỗ lực nâng tầm tư duy và năng lực số của CBNV để thích nghi, đáp ứng những thay đổi liên tục của thị trường. Hoạt động đào tạo CBNV được Sacombank triển khai thống nhất và xuyên suốt trên cơ sở Khung chuẩn Đào tạo Chức danh được ban hành theo từng thời kỳ. Thêm vào đó, các hành xử của CBNV còn được chuẩn hóa theo những quy tắc cụ thể của Bộ Tiêu chuẩn Chất lượng dịch vụ và Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Trong năm 2021, CBNV được đào tạo nâng cao các môn học: tư duy và năng lực số, thích ứng linh hoạt, trí thông minh cảm xúc, kỹ năng hợp tác, lãnh đạo tình thức... Với nền tảng công nghệ học tập trực tuyến mọi lúc mọi nơi, CBNV hoàn toàn chủ động học tập, hoàn thiện các nhóm năng lực tại vị trí kỳ vọng theo lộ trình đã được hoạch định sẵn.

Những nỗ lực duy trì hoạt động quản trị nguồn nhân lực an toàn, hiệu quả cùng sự linh hoạt thích ứng nhanh với xu hướng thị trường của Khối QTNNL đã được ghi nhận khi Sacombank đón nhận

hàng loạt các giải thưởng uy tín trong lĩnh vực nhân sự trong năm 2021. Hội đồng chuyên môn các giải thưởng đánh giá cao Sacombank về chính sách nhân sự minh bạch, chuyên nghiệp như cơ chế thăng tiến, lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và đặc biệt có sự đầu tư bài bản các công nghệ hiện đại vào hoạt động quản trị nguồn nhân lực: Sacombank vinh dự nhận giải thưởng "Môi trường làm việc tốt nhất châu Á năm 2021" do tổ chức HR Asia bình chọn, Amphabe bình chọn Sacombank là Đơn vị có chiến lược và hành động xuất sắc trong quản trị nhân sự tại hạng mục đào tạo và phát triển nhân viên (HR Excellence). Đồng thời, Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng


giám đốc Sacombank được vinh danh là Leadership Excellence - Lãnh đạo truyền cảm hứng.

Trải nghiệm phong phú trong 30 năm qua cùng với chiến lược quản trị nguồn nhân lực tiên tiến theo từng thời kỳ đã giúp Sacombank phát triển đội ngũ nhân sự theo phương thức riêng biệt và đầy hiệu quả. Với nội lực vững vàng và linh hoạt trong tổ chức thực hiện, Sacombank sẽ tiếp tục thực thi các giải pháp nhằm đảm bảo mọi quy trình nghiệp vụ đều được số hoá; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đồng bộ toàn hệ thống; phát triển môi trường làm việc đa dạng, cởi mở, chú trọng hiệu suất lao động và khuyến khích tính chủ động cập nhật kiến thức của CBNV.





# NHỮNG THÀNH TỰU CHUYỂN ĐỔI SỐ NỔI BẬT



ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ MANG LẠI CẢ THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI CHO CÁC TỔ CHỨC THAM VỌNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN DỰA TRÊN SÁNG KIẾN KINH DOANH MỚI, CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN. ĐẶC BIỆT TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG, NHIỀU ĐƠN VỊ ĐÃ XEM VIỆC PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG SỐ LÀ MỤC TIÊU TRỌNG YẾU CHỨ KHÔNG ĐƠN THUẦN LÀ CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN RIÊNG LẺ, ĐỒNG THỜI TÍCH CỰC XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ MÌNH.

Ở Sacombank, khi nhiều địa phương bước vào tình trạng giãn cách, các đơn vị nghiệp vụ phải chia đội ngũ làm việc theo ca và từ xa. Đây là thách thức lớn, đòi hỏi ngân hàng phải khai thác mọi công nghệ hiện có nhằm đảm bảo công việc luôn xuyên suốt. Mặt khác, Ngân hàng cũng phải đối mặt với tình trạng lượng giao dịch qua ngân hàng số tăng đột biến, gây áp lực với các thiết kế hiện tại và sự gia tăng về số lượng cũng như độ phức tạp của các cuộc tấn công, lừa đảo qua không gian mạng. Điều này đòi hỏi Sacombank phải thực hiện song song hai nhiệm vụ, vừa duy trì các hoạt động nội tại vừa cải tiến liên tục các hạ tầng công nghệ, các ứng dụng liên kết, đồng

thời nâng cao năng lực bảo mật, không chỉ xử lý mà còn phát hiện sớm và ngăn ngừa các rủi ro an toàn thông tin.

Tuy nhiên, cũng chính giai đoạn nhiều thử thách này lại là “cú hích” để Sacombank có thể ứng dụng sâu rộng hơn nữa các giải pháp số vào vận hành, quản trị, cũng như nâng tầm năng lực công nghệ của ngân hàng lên một tầm cao mới. Trải qua giai đoạn giãn cách do dịch bệnh, những thành tựu “số” không chỉ giúp Sacombank nhanh chóng thích nghi với thực tại mà còn gia tăng tiện ích cho khách hàng, nắm bắt và dẫn dắt xu hướng tài chính trong tương lai.

## Thành tựu chuyển đổi số trong quản trị, vận hành

- Nâng cấp hệ thống báo cáo quản trị lên OAS
- Xây dựng các tính năng Data Integration; Data Pre-processing; Data Visualization; Machine learning; Data-Storytelling; Mobility giúp nâng cao hiệu quả báo cáo quản trị, phân tích dữ liệu, dự báo, dự đoán...
- Tự động hóa quy trình văn thư đến
- Kiểm kê tài sản cố định bằng QR Code qua app mobile.
- Ứng dụng chữ ký số nội bộ trong việc ký điện tử.
- Triển khai lưu trữ điện tử 10 bảng kê cuối ngày trên T24 giúp tiết giảm khoảng 14 tỷ đồng giấy và mực in/năm, giảm thời gian xử lý giao dịch, cải thiện 50% hiệu suất hệ thống T24 khi chạy báo cáo cuối giờ.
- Kiến tạo môi trường làm việc số, chia sẻ tài liệu, trao đổi trực tuyến:
  - Công vụ văn phòng Office 365
  - Ứng dụng Microsoft Teams.
  - Hoàn thiện giải pháp làm việc từ xa thông qua công nghệ VPN và VDI, công nghệ đám mây.

## Thành tựu trong tăng cường an toàn bảo mật

- Tập trung nâng cấp hệ thống, mở rộng năng lực các kênh giao dịch online đáp ứng lượng giao dịch lớn vào các giai đoạn cao điểm và cải tiến chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm người dùng.
- Tăng cường giám sát, điều tra, xử lý sự cố an ninh mạng
- Chủ động ứng phó nhanh các mối đe dọa đến an toàn hoạt động của hệ thống thông tin.
  - Phát hiện và xử lý nhanh chóng các nguy cơ tiềm ẩn, lộ lọt thông tin, các chiến dịch tấn công có chủ đích.
    - Xử lý gần 2.000 mã độc và các mối đe dọa an ninh mạng.
    - Phát hiện và gỡ bỏ 250 website, 59 ứng dụng lừa đảo, giả mạo ứng dụng Internet Banking, Mobile Banking.
    - Phát hiện, cảnh báo và phối hợp xử lý hơn 30 lỗ hổng zero-day, lỗ hổng bảo mật như MS Exchange, Log4Shell...
    - Cảnh báo thành công đến hàng trăm khách hàng các nguy cơ lộ, lọt thông tin tài khoản.

# ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG 5 NĂM TỚI

- 1

Nâng cao trải nghiệm của người dùng, tái thiết kế và chuẩn hóa hành trình khách hàng;
- 2

Xây dựng các mô hình phân tích dữ liệu;
- 3

Đẩy mạnh công tác số hóa và tự động hóa các quy trình tác nghiệp;
- 4

Nâng cao nền tảng công nghệ số và an toàn bảo mật tiên tiến.

Nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động chuyển đổi số tại Sacombank, Sacombank đã thành lập Trung tâm chuyển đổi số vào tháng 10/2021, có trọng trách nâng cao năng lực số của ngân hàng trong 5 năm tới và đưa Sacombank trở thành ngân hàng số dẫn đầu thị trường tại Việt Nam.



# BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

## BỐI CẢNH



### DỊCH COVID-19

Dịch Covid-19 mang đến nhiều bất ổn cho nền kinh tế toàn cầu. Đối với các Tổ chức tín dụng, dịch bệnh mang đến những hệ lụy kéo dài khi rất nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình gặp khó khăn, phá sản... Nguồn tiền huy động bị ảnh hưởng, hoạt động thanh toán nội địa và quốc tế bị tác động; đặc biệt là lĩnh vực tín dụng phải đối mặt với bài toán phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu, nợ tổn thất.



### LỪA ĐẢO

Lừa đảo trong lĩnh vực ngân hàng liên tục phát sinh với nhiều hình thức mới và thủ đoạn tinh vi. Các đối tượng lừa đảo không đơn thuần chỉ là 1 cá nhân hay 1 nhóm người như trước đây, mà nay đã phát triển thành những tổ chức chuyên nghiệp. Các kịch bản lừa đảo được thực hiện chi tiết, áp dụng công nghệ hiện đại khiến cho khách hàng rất khó phân biệt và dễ rơi vào bẫy lừa đảo.



### KINH TẾ

Kinh tế tăng trưởng chậm, doanh nghiệp gặp khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp tăng. Quý III/2021, GDP giảm 6,17% - đây là lần đầu tiên GDP quý tăng trưởng âm kể từ khi Việt Nam đưa chỉ số này vào tính toán. Theo VnExpress, tính đến hết tháng 11/2021, Việt Nam đã có hơn 106.000 doanh nghiệp ngừng kinh doanh hoặc giải thể. Tỷ lệ thất nghiệp lên mức 3,98% - mức cao nhất trong 10 năm qua.



### NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Ngân hàng Nhà nước vẫn tiếp tục quyết liệt triển khai lộ trình thực hiện Basel II nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của các Ngân hàng. Bên cạnh đó là hàng loạt các định hướng hỗ trợ và đồng hành của ngân hàng với doanh nghiệp để khắc phục khó khăn, trong đó nổi bật là chính sách cơ cấu nợ, miễn giảm lãi cho các doanh nghiệp, cá nhân chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI SACOMBANK

Vượt qua những khó khăn trên, hệ thống quản trị rủi ro tại Sacombank đã đạt được nhiều thành tựu và đảm bảo các yêu cầu từ Ngân hàng Nhà nước.



### Hoàn thành toàn bộ 3 trụ cột của Basel II

- » **Trụ cột 1** về quản lý hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư 41 chính thức được Sacombank áp dụng từ ngày 01/01/2020, trong đó bao gồm: Thành lập Hội đồng Quản lý vốn để tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành liên quan đến vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn; Ban hành và triển khai hệ thống văn bản lập quy để quản lý, giám sát hệ số an toàn vốn; Thực hiện dự án Hoàn thiện Khung quản trị dữ liệu nhằm đảm bảo dữ liệu được đầy đủ, chính xác và cập nhật; Đưa vào sử dụng hệ thống OFSAA của Oracle - một trong những hệ thống quản trị dữ liệu và quản lý hệ số an toàn vốn hàng đầu hiện nay; Thực hiện dự án Nâng cấp Khung Kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ được nâng cấp phù hợp với hoạt động quản trị rủi ro; Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất của Sacombank luôn duy trì ở mức trên 9% - mức cân đối giữa an toàn hoạt động và hiệu quả kinh doanh.
- » **Trụ cột 2** được Sacombank triển khai song song với trụ cột 1 với phương châm thận trọng và hiệu quả, bao gồm: Quy định khung quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng vệ, trong đó bao gồm vai trò và trách nhiệm giám sát của Quản lý cấp cao trong việc theo dõi, định hướng và giám sát điều hành hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của Ngân hàng; Quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (Internal Capital Adequacy Assessment Process - ICAAP) được thực hiện, trong đó bao gồm nhận dạng và đo lường các rủi ro trọng yếu thuộc trụ cột I là Rủi ro tín dụng, Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường và các loại rủi ro ngoài trụ cột I như Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Rủi ro tập trung... cùng với việc xây dựng và thực hiện các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng phù hợp, phản ánh được tác động về vốn trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng, để từ đó Ngân hàng có kế hoạch vốn cụ thể và phân bổ vốn phù hợp; đồng thời các chỉ số an toàn luôn được duy trì ở mức tối ưu.
- » Hoạt động công bố thông tin luôn được Sacombank chú trọng, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác nhằm nâng cao tính minh bạch trên thị trường theo đúng quy định của **trụ cột 3**.



# BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO (Tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI SACOMBANK (Tiếp theo)

2

### Hệ thống quản trị rủi ro được triển khai theo Thông tư 13

- » Bộ máy tổ chức được xây dựng theo mô hình 03 tuyến bảo vệ độc lập, đáp ứng theo Thông tư 13. Công tác quản trị rủi ro được thiết lập xuyên suốt từ Đơn vị kinh doanh, Khu vực đến Hội sở. Về mặt nghiệp vụ được phân tách theo 03 luồng Kinh doanh - Hỗ trợ - Giám sát. Từ đó hướng đến và đảm bảo mọi giao dịch, nghiệp vụ đều phải độc lập với cơ chế giám sát, kiểm soát chéo.
- » Hệ thống Kiểm soát nội bộ bao gồm tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức được thiết lập đầy đủ, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện xuyên suốt, nhằm bảo đảm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro, phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển ổn định.
- » Công tác kiểm toán nội bộ của Tuyến 3 đã có sự trưởng thành tương đối, hỗ trợ tốt cho Tuyến 2 trong quá trình quản lý rủi ro và ngăn chặn các vấn đề phát sinh. Sự phối, kết hợp được thực hiện tích cực và khá đồng bộ.

3

### Các hệ số an toàn hoạt động luôn được đảm bảo, duy trì ở mức hợp lý

- » Hệ số an toàn vốn CAR được duy trì trong khoảng từ 9% đến 10%. Mức này đảm bảo sự cân bằng giữa kinh doanh và kiểm soát rủi ro.
- » Danh mục tài sản có rủi ro được cấu trúc theo hướng giảm những tài sản có hệ số rủi ro cao và tăng dần các tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- » Các hệ số an toàn hoạt động khác được duy trì ở ngưỡng an toàn.

4

### Kiểm soát thành công tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu

Kết thúc tháng 12/2021, tỷ lệ nợ quá hạn của Sacombank là 1,84% và tỷ lệ nợ xấu là 1,47%

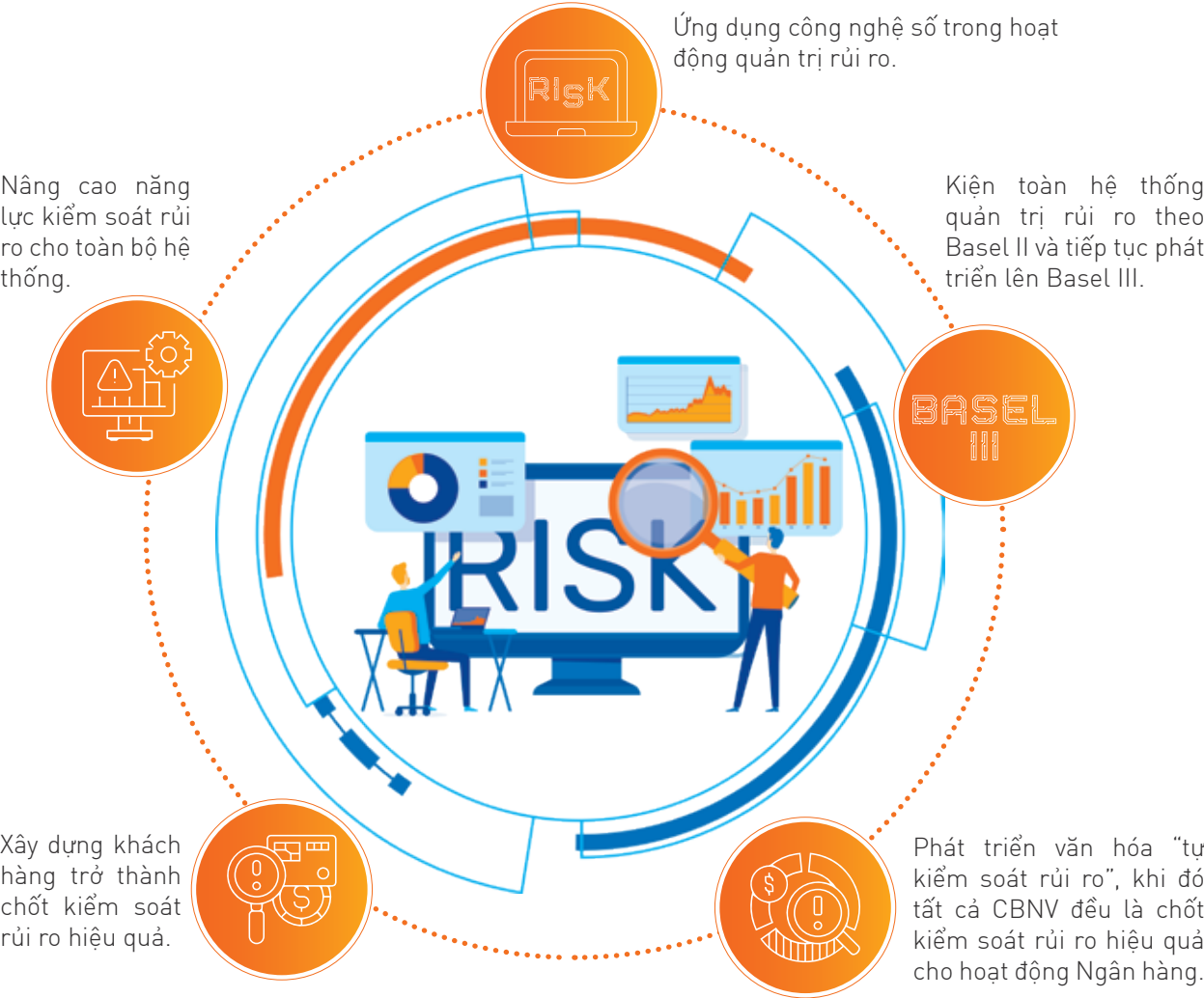
5

### Sự vụ, sự việc được kiểm soát

Số lượng sự vụ, sự việc phát sinh trong năm 2021 đã được kiểm soát giảm đến 50% so với năm 2020. Trong đó, các lĩnh vực về phòng chống rửa tiền, giao dịch tại quầy, ATM cần được kiểm soát chặt chẽ; song song đó cũng cần chú trọng đến các vấn đề về an ninh trật tự, kiểm soát rủi ro hoạt động tại các công ty con, ngân hàng con.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Sacombank đề ra chiến lược quản trị rủi ro trong thời kỳ 5 năm (2021 - 2025) với mục tiêu nâng tầm hệ thống kiểm soát rủi ro thông qua ứng dụng các thông lệ, chuẩn mực tốt trong ngành, mà trong đó chủ yếu là thông lệ Basel.



Trong thời gian tới, Sacombank sẽ tiếp tục ứng dụng các nguyên lý kiểm soát rủi ro trong Basel II vào hệ thống quy trình, quy chế, chính sách với mục tiêu nâng cao hơn nữa tính an toàn và phù hợp với thực tế; đồng thời phát huy vai trò của 3 tuyến phòng vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ. Sacombank cũng áp dụng công nghệ hóa công cụ kiểm soát rủi ro, trong đó ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo và lượng hóa được toàn bộ rủi ro có thể phát sinh; và cập nhật các phiên bản mới của Basel trên tinh thần chọn lọc những gì tương thích nhất với thực trạng của Ngân hàng trong từng thời kỳ.



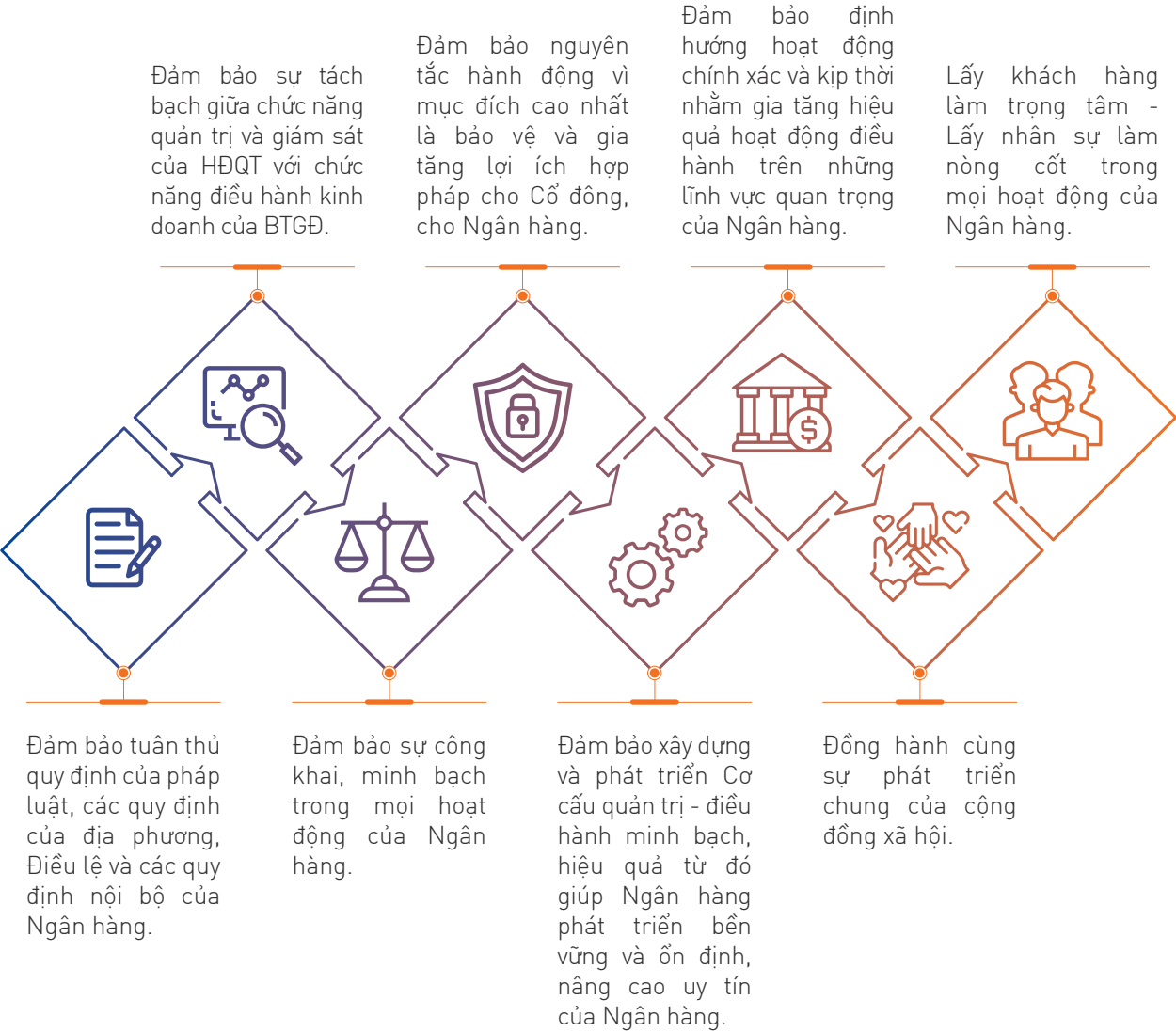
# Vững vàng TIẾN BƯỚC

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## CÁC NGUYÊN TẮC TRỌNG YẾU TRONG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA SACOMBANK



## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021

### Các chỉ tiêu tài chính trọng yếu

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
01	<b>KẾ HOẠCH KINH DOANH 2021</b>		
	Tổng tài sản (tỷ đồng)	521.117	98%
	Huy động (tỷ đồng)	464.521	96%
	Dư nợ tín dụng (tỷ đồng)	388.216	104%
	Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,47%	
	Số dư dự phòng (tỷ đồng)	16.130	
	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	4.400	110%
	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	3.411	
	Các chỉ số sinh lời tiếp tục cải thiện:		
	ROA bình quân (%)	0,67%	
	ROE bình quân (%)	10,79%	
	EPS (đồng)	1.630	
	Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	34.261	
	Các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tuân thủ đúng theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của Sacombank.		



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2021 (Tiếp theo)

Việc sử dụng vốn chủ sở hữu và hoạt động đầu tư trong năm tài chính 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện đến 31/12/2021
A	Đầu tư TSCĐ tăng trong năm	1.008	148
A1	Đầu tư TSCĐ mới trong năm	1.646	787,6
	Đầu tư phát triển mạng lưới & máy móc thiết bị & khác	568	331,2
	Đầu tư bổ sung vào lĩnh vực CNTT và Basel II	1.014	408,8
	Đầu tư hoạt động Thẻ	64	47,6
A2	Khấu hao TSCĐ phát sinh trong năm	(638)	(639,4)
B	Vốn còn lại đưa vào kinh doanh sinh lời	21.300	24.695
C	Bổ sung vốn cho Ngân hàng con tại Lào	302	Đang thực hiện thủ tục



TỔNG TÀI SẢN ĐẾN NĂM 2021

521.117

TỶ ĐỒNG





# BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

NĂM 2021, HĐQT ĐÃ TỔ CHỨC 04 PHIÊN HỌP TẬP TRUNG ĐỊNH KỲ. ĐỒNG THỜI, CHỦ TỊCH HĐQT ĐÃ TRIỂN KHAI 85 LẦN LẤY Ý KIẾN CÁC THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN ĐỂ QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG VÀ BAN HÀNH CÁC QUY CHẾ, NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ... NHẪM ĐƯA RA NHỮNG CHỈ ĐẠO GIÚP DUY TRÌ ỔN ĐỊNH HỆ THỐNG, HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ MÀ ĐHĐCĐ GIAO TRÊN TINH THẦN TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU LỆ SACOMBANK.

### Nội dung các phiên họp HĐQT

Ngày họp	Nội dung chính
23/03/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>» Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Quý 1/2021.</li><li>» Dự thảo kế hoạch tài chính 2021 trình ĐHĐCĐ thường niên.</li><li>» Báo cáo hình thức tổ chức Đại hội.</li><li>» Một số nội dung liên quan đến công tác soạn thảo tài liệu Đại hội.</li><li>» Đề xuất nội dung tài liệu (dự kiến) trình ĐHĐCĐ năm tài chính 2020.</li><li>» Trình chủ trương thực hiện Dịch vụ Trái phiếu Doanh nghiệp.</li><li>» Trình chủ trương một số hồ sơ xử lý nợ.</li><li>» Báo cáo và trình phương án xử lý Nhóm khách hàng Công ty Đá Xây dựng Bình Dương và Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Phúc An Khang.</li><li>» Báo cáo nguyên tắc xử lý phần vốn góp của Công ty Vũng Tàu Intourco tại Công ty Liên Doanh Vũng Tàu Paradise.</li><li>» Trình nguyên tắc xử lý các khoản đầu tư cổ phiếu của Sacombank vào các Công ty.</li></ul>
29/06/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>» Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng 6 tháng đầu năm 2021.</li><li>» Thông qua nội dung Tờ trình số 30/2021/P.KDV&amp;ĐT ngày 16/06/2021 của BTGD về Phát hành trái phiếu Sacombank năm 2021.</li><li>» Thông qua nội dung Tờ trình số 05/2021/TT-CNTT ngày 28/06/2021 của Khối CNTT về việc duyệt thuận dự thảo Đề án Chuyển đổi số của Sacombank.</li><li>» Thông qua đề xuất của HĐTD Ngân hàng về việc cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Cảng Long An.</li></ul>

Ngày họp	Nội dung chính
30/09/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>» Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng 9 tháng đầu năm 2021.</li><li>» Thông qua phương án nhân sự và mô hình Trung tâm Chuyển đổi số (DTC).</li><li>» Thông qua nội dung Tờ trình số 53/2021/TT-KCN-KTD ngày 15/09/2021 của Khối cá nhân và Khối tín dụng về việc triển khai cho vay tiêu dùng không tài sản đảm bảo qua kênh trực tuyến</li><li>» Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý rủi ro.</li><li>» Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Lê Đức Thịnh - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực.</li><li>» Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Trần Thái Bình tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin. Đồng thời, giao ông Trần Thái Bình kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số.</li></ul>
07/12/2021	<ul style="list-style-type: none"><li>» Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.</li><li>» Kế hoạch kinh doanh năm 2022.</li><li>» Phương án hiệu chỉnh Đề án Tái cơ cấu.</li><li>» Báo cáo về hợp tác giữa Sacombank với Dai-ichi Life và đề xuất.</li><li>» Công ty SBL trình chủ trương tăng vốn điều lệ, cấp hạn mức tín dụng tại Sacombank và vay vốn tại các TCTD trong và ngoài nước.</li><li>» Trình hồ sơ xử lý nợ đối với các khách hàng:<ul style="list-style-type: none"><li>&gt; Công ty TNHH BĐS Hưng Thịnh Long An;</li><li>&gt; Công ty TNHH MTV Đồng Tâm Quảng Ngãi và DNTN TM-DV Thịnh Phú;</li><li>&gt; Công ty TNHH MTV Hệ thống Cung Ứng Toàn Cầu DOKO;</li></ul></li><li>» Gia hạn Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT về tài sản cầm trả nợ Công ty Cổ phần Đồng Phong.</li><li>» Thông qua nội dung Tờ trình số 16/2021/TT-VP.HĐQT ngày 30/11/2021 của VP.HĐQT về thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021.</li><li>» Thông qua nội dung về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.</li></ul>



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2021

TRÊN CƠ SỞ NỘI DUNG CÁC PHIÊN HỌP VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT ĐÃ THAY MẶT HĐQT KÝ BAN HÀNH 121 NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2021 VỀ CÁC NHÓM VẤN ĐỀ CHÍNH: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TÁC CẤP TÍN DỤNG, XỬ LÝ NỢ, KIỂM SOÁT RỦI RO, TỔ CHỨC VÀ SẮP XẾP BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG, NHÂN SỰ, BAN HÀNH MỚI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG CÁC VĂN BẢN LẬP QUY PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT THAY ĐỔI TRONG TỪNG THỜI KỲ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ KHÁC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT.

Chi tiết các Nghị quyết như sau:

STT	Số	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	04/01/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Tiểu Cần trực thuộc CN Trà Vinh
2	02/2021/NQ-HĐQT	06/01/2021	Kế hoạch Ngân sách đầu tư năm 2021
3	03/2021/NQ-HĐQT	08/01/2021	Chế độ lương, thưởng danh hiệu cá nhân và tập thể năm 2020
4	04/2021/NQ-HĐQT	15/01/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Bạch Đằng
5	05/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Chuyển địa điểm, thay đổi tên gọi và CN quản lý PGD Cần Giuộc trực thuộc CN Nhà Bè
6	06/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi CN Quận 11
7	07/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Miễn, giảm lãi thẻ tín dụng đối với khách hàng Trần Văn Vinh
8	08/2021/NQ-HĐQT	27/01/2021	Cấp hạn mức giao dịch liên ngân hàng có TSDB cho SBL
9	09/2021/NQ-HĐQT	03/02/2021	Duyệt thuận hình thức thầu và Danh mục các Đơn vị được tham gia mời thầu (Danh sách Nhà thầu) thuộc gói thầu “Hợp nhất hạ tầng máy chủ CSDL cho Sacombank năm 2021”
10	10/2021/NQ-HĐQT	19/02/2021	Công tác tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
11	11/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Đông Hải trực thuộc CN Bạc Liêu
12	12/2021/NQ-HĐQT	22/02/2021	Chuyển địa điểm trụ sở Công ty Sacombank - SBL
13	13/2021/NQ-HĐQT	25/02/2021	Miễn, giảm lãi đối với khoản vay của khách hàng Trần Văn Dũng (CN Quận 5)
14	14/2021/NQ-HĐQT	10/03/2021	Chuyển địa điểm trụ sở CN Gò Vấp
15	15/2021/NQ-HĐQT	10/03/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi PGD An Nhơn trực thuộc CN Gò Vấp
16	16/2021/NQ-HĐQT	10/03/2021	Kế hoạch đầu tư Trái phiếu chính phủ trong năm 2021 cho Sở Ngân hàng
17	17/2021/NQ-HĐQT	11/03/2021	Mở tài khoản giao dịch phái sinh giá cả hàng hóa tại DBS Bank Ltd
18	18/2021/NQ-HĐQT	11/03/2021	Chuyển địa điểm, thay đổi tên gọi và CN quản lý PGD Nghĩa Đô trực thuộc CN Đông Đô

STT	Số	Ngày	Nội dung
19	19/2021/NQ-HĐQT	15/03/2021	Chuyển địa điểm, thay đổi tên gọi và CN quản lý PGD Hào Nam trực thuộc CN Đồng Đa
20	20/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Thay đổi phương án xử lý nợ xấu nhóm khách hàng CTCP Bệnh viện Quốc tế Phúc An Khang và Công ty TNHH Đá xây dựng Bình Dương
21	21/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Trích lập quỹ khen thưởng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 của Công ty TNHH SBJ
22	22/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020
23	23/2021/NQ-HĐQT	01/04/2021	Thay đổi địa chỉ của các Chi nhánh, PGD thuộc Khu vực Đông TP.HCM theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
24	24/2021/NQ-HĐQT	01/04/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Phương Lâm trực thuộc CN Long An
25	25/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	Xử lý các khoản nợ được bảo đảm bằng cổ phần do CTCP Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phát hành
26	26/2021/NQ-HĐQT	06/04/2021	Hợp tác toàn diện với CTCP Hàng không Tre Việt và hệ sinh thái liên quan
27	27/2021/NQ-HĐQT	12/04/2021	Phương án thanh lý các khoản đầu tư của Sacombank
28	28/2021/NQ-HĐQT	12/04/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Khu Công nghiệp Tân Bình trực thuộc
29	29/2021/NQ-HĐQT	12/04/2021	Chuyển địa điểm trụ sở CN Quận 2
30	30/2021/NQ-HĐQT	12/04/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi PGD An Phú trực thuộc Quận 2
31	31/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty SBA
32	32/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Thuận Thành trực thuộc CN Bắc Ninh
33	33/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Chấm dứt hoạt động CN Gò Công Đông
34	34/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Chấm dứt hoạt động CN Long Phú
35	35/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thành lập PGD Gò Công Đông trực thuộc CN Tiền Giang
36	36/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thành lập PGD Long Phú trực thuộc CN Sóc Trăng
37	37/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thành lập CN Bảo Lộc
38	38/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thành lập CN Vĩnh Phúc
39	39/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thành lập 20 PGD và Bàn thu đổi ngoại tệ trực thuộc
40	40/2021/NQ-HĐQT	20/04/2021	Phương án xử lý các khoản vay của Công ty TNHH Đầu tư Phương Lâm
41	41/2021/NQ-HĐQT	20/04/2021	Phương án xử lý khoản nợ của Liêng Thị Thanh, Công ty TNHH Xây dựng Hàm Giang, Công ty TNHH BĐS Phước Trí, CTCP Đầu tư Địa ốc Vạn Phát
42	42/2021/NQ-HĐQT	21/04/2021	Điều chỉnh kế hoạch tái bố trí mạng lưới của Sacombank giai đoạn 2021-2025 theo NQ 71
43	43/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	Điều chỉnh quy định về Thang điểm thi đua áp dụng cho tập thể đơn vị

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2021 (Tiếp theo)

STT	Số	Ngày	Nội dung
44	44/2021/NQ-HĐQT	26/04/2021	Điều chỉnh phương án tăng vốn cho Sacombank Lào
45	45/2021/NQ-HĐQT	27/04/2021	Ủy quyền nhân sự tham dự ĐHĐCĐ năm 2021 của CTCP Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)
46	46/2021/NQ-HĐQT	04/05/2021	Chấm dứt hoạt động CN Lê Thánh Tông
47	47/2021/NQ-HĐQT	04/05/2021	Thành lập PGD Lê Thánh Tông trực thuộc CN Đắk Lắk
48	48/2021/NQ-HĐQT	04/05/2021	Thành lập CN Bắc Giang
49	49/2021/NQ-HĐQT	11/05/2021	Phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty SBL
50	50/2021/NQ-HĐQT	11/05/2021	Phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty SBR
51	51/2021/NQ-HĐQT	24/05/2021	Phương án xử lý khoản vay của Công ty TNHH SX-TM & XD Minh Huy [Công ty Minh Huy]
52	52/2021/NQ-HĐQT	26/05/2021	Điều chỉnh tiêu chí xếp loại và tỷ lệ hưởng lương đối với CN và PGD
53	53/2021/NQ-HĐQT	27/05/2021	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Sacombank Lào tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
54	54/2021/NQ-HĐQT	01/06/2021	Phương án bán cổ phiếu quỹ
55	55/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Phương án thanh toán khoản vay của bà Phạm Thị Diệu Hiền
56	56/2021/NQ-HĐQT	03/06/2021	Chuyển địa điểm và đổi tên gọi PGD Tùng Thiện Vương - CN Quận 8
57	57/2021/NQ-HĐQT	11/06/2021	Đầu tư dự án hợp nhất hạ tầng máy chủ cơ sở dữ liệu (CSDL) cho Sacombank
58	58/2021/NQ-HĐQT	17/06/2021	Thanh lý các BĐS theo Tờ trình số 286/2021 ngày 08/6/2021
59	59/2021/NQ-HĐQT	22/06/2021	Đổi tên gọi CN Phương Nam
60	60/2021/NQ-HĐQT	22/06/2021	Phân định hạn mức phán quyết cấp tín dụng cho Hội đồng quản trị Sacombank Cambodia
61	61/2021/NQ-HĐQT	22/06/2021	Phương án xử lý đối với khoản vay của khách hàng P.B Concrete Sole Co, Ltd tại Sacombank Lào
62	62/2021/NQ-HĐQT	30/06/2021	Cấp tín dụng đối với CTCP Cảng Long An tại CN Trung Tâm
63	63/2021/NQ-HĐQT	08/07/2021	Thay đổi địa chỉ trụ sở và đổi tên gọi PGD Phú Vang trực thuộc CN Thừa Thiên Huế
64	64/2021/NQ-HĐQT	08/07/2021	Thay đổi địa chỉ trụ sở Phú Xuân trực thuộc CN Thừa Thiên Huế
65	65/2021/NQ-HĐQT	08/07/2021	Phương án xử lý khoản nợ đối với Công ty TNHH TM XD Phương Nghi được đảm bảo bằng cổ phiếu do Ngân hàng Bản Việt phát hành
66	66/2021/NQ-HĐQT	14/07/2021	Phát hành trái phiếu Sacombank
67	67/2021/NQ-HĐQT	14/07/2021	Đề án Chuyển đổi số của Sacombank giai đoạn 2021-2025

STT	Số	Ngày	Nội dung
68	68/2021/NQ-HĐQT	14/07/2021	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021
69	69/2021/NQ-HĐQT	16/07/2021	Bán cổ phiếu đầu tư vào CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (SBS)
70	70/2021/NQ-HĐQT	16/07/2021	Gia hạn tiến độ thanh toán đối với các tài sản đã bán đấu giá thành công
71	71/2021/NQ-HĐQT	10/08/2021	Mở tài khoản giao dịch phái sinh giá cả hàng hóa tại Đối tác CGS-CIMB Securities (Singapore)
72	72/2021/NQ-HĐQT	11/08/2021	Triển khai kết nối VPN và VDI vào mạng nội bộ của Sacombank
73	73/2021/NQ-HĐQT	13/08/2021	Báo cáo kết quả thực hiện Đề án Tái cơ cấu sau sáp nhập và Đề xuất - kiến nghị điều chỉnh một số giải pháp tại Đề án
74	74/2021/NQ-HĐQT	26/08/2021	Về phương án vay bổ sung vốn lưu động tại ngân hàng thương mại và mở rộng đối tác xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ của SBJ
75	75/2021/NQ-HĐQT	26/08/2021	Trích sao V/v: Phát hành trái phiếu Sacombank năm 2021
76	76/2021/NQ-HĐQT	30/08/2021	Hỗ trợ Khách hàng tắt toán tiền tiết kiệm mở tại quầy trên kênh điện tử
77	77/2021/NQ-HĐQT	01/09/2021	Cấp tín dụng đối với Công ty Cổ phần Thép TVP tại Chi nhánh Tân Bình
78	78/2021/NQ-HĐQT	13/09/2021	Chủ trương vay vốn USD trung hạn từ Maybank
79	79/2021/NQ-HĐQT	13/09/2021	Phương án xử lý tài sản cầm giữ nợ là cổ phiếu CTCP SPM và CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải
80	80/2021/NQ-HĐQT	16/09/2021	Thay đổi tên gọi và Chi nhánh quản lý Phòng giao dịch Núi Thành trực thuộc Chi nhánh Đà Nẵng
81	81/2021/NQ-HĐQT	16/09/2021	Thay đổi tên gọi và Chi nhánh quản lý Phòng giao dịch Cẩm Lệ trực thuộc Chi nhánh Đà Nẵng
82	82/2021/NQ-HĐQT	28/09/2021	Phương án xử lý khoản vay của khách hàng Châu Thanh Phong được đảm bảo bằng cổ phiếu SBS
83	83/2021/NQ-HĐQT	29/09/2021	Hỗ trợ Chính phủ 5.000.000 test nhanh kháng nguyên Covid-19
84	84/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Chủ trương triển khai các dịch vụ mới liên quan đến Trái phiếu doanh nghiệp
85	85/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm 2021
86	86/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Phương án nhân sự và mô hình Trung tâm Chuyển đổi số
87	87/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Triển khai cho vay tiêu dùng online
88	88/2021/NQ-HĐQT	11/10/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi PGD An Cựu trực thuộc CN Thừa Thiên Huế



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2021 (Tiếp theo)

STT	Số	Ngày	Nội dung
89	89/2021/NQ-HĐQT	14/10/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi PGD Văn Lâm trực thuộc CN Hưng Yên
90	90/2021/NQ-HĐQT	20/10/2021	Đổi tên và điều chỉnh Điều lệ Sacombank Lào
91	91/2021/NQ-HĐQT	21/10/2021	Bổ sung một số nội dung vào phương án phát hành trái phiếu Sacombank năm 2021
92	92/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Bình Hòa trực thuộc CN Bình Thạnh
93	93/2021/NQ-HĐQT	29/10/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Lạc Viên trực thuộc CN Hải Phòng
94	94/2021/NQ-HĐQT	04/11/2021	Phương án xử lý cổ phiếu Ngân hàng Bán Việt theo phương thức giao dịch bán khớp lệnh trên sàn UPCoM
95	95/2021/NQ-HĐQT	15/11/2021	Cấp hạn mức giao dịch liên ngân hàng có TSDB cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt
96	96/2021/NQ-HĐQT	18/11/2021	Chọn tổ chức kiểm toán độc lập năm 2022
97	97/2021/NQ-HĐQT	02/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Rạch Dừa trực thuộc CN Bà Rịa - Vũng Tàu
98	98/2021/NQ-HĐQT	02/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Phan Rang Tháp Chàm trực thuộc CN Ninh Thuận
99	99/2021/NQ-HĐQT	07/12/2021	Thay đổi địa chỉ trụ sở CN Phú Quốc
100	100/2021/NQ-HĐQT	07/12/2021	Thay đổi địa chỉ trụ sở PGD An Thới trực thuộc CN Phú Quốc
101	101/2021/NQ-HĐQT	07/12/2021	Lấy ý kiến bằng văn bản của CTCP Thông tin Tín dụng Việt Nam
102	102/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua phương án xử lý nợ đối với Công ty TNHH MTV Đồng Tâm Quảng Ngãi và DNTN Thịnh Phú
103	103/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua phương án xử lý nợ đối với Công ty TNHH Hệ Thống Cung ứng Toàn Cầu DOKO
104	104/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua phương án xử lý nợ đối với Công ty TNHH BĐS Hưng Thịnh Long An
105	105/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Gia hạn Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐQT về xử lý tài sản cầm trù nợ Công ty Cổ phần Đông Phong
106	106/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Bổ nhiệm người Phụ trách quản trị Công ty
107	107/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021
108	108/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021
109	109/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022
110	110/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua phương án hiệu chỉnh Đề án Tái cơ cấu
111	111/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Nâng giá trị Hợp đồng độc quyền hợp tác giữa Sacombank với Dai-ichi Life Việt Nam
112	112/2021/NQ-HĐQT	14/12/2021	Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ, cấp hạn mức tín dụng tại Sacombank và vay vốn tại các TCTD trong và ngoài nước đối với Công ty Sacombank - SBL

STT	Số	Ngày	Nội dung
113	113/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở và đổi tên gọi PGD Quán Bính trực thuộc CN Nghệ An
114	114/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Phước Long Bạc Liêu trực thuộc CN Bạc Liêu
115	115/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Chọn danh sách nhà cung cấp và hình thức thầu cho Dự án Ngân hàng hợp kênh Omni-channel
116	116/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Cơ chế ủy thác thu hồi nợ xấu Thẻ tín dụng và cho vay tín dụng tiêu dùng (không có tài sản bảo đảm)
117	117/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Khánh Hội trực thuộc CN Quận 4
118	118/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	Chuyển địa điểm trụ sở PGD Hồ Nai trực thuộc CN Đồng Nai
119	119/2021/NQ-HĐQT	30/12/2021	Ngày đăng ký cuối cùng, thời gian và địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021 của Sacombank
120	120/2021/NQ-HĐQT	30/12/2021	Giải chấp một phần tài sản đảm bảo; Cơ cấu lại TSDB và cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ đối với CTCP Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn
121	121/2021/NQ-HĐQT	31/12/2021	Chi lương, thưởng danh hiệu cá nhân và tập thể năm 2021

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG, HOẠT ĐỘNG CỦA BKS, HOẠT ĐỘNG CỦA BTGD

Năm 2021 là năm mà cả nước và đặc biệt là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam phải gánh chịu nhiều thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Sacombank cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, với truyền thống luôn nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách và thích ứng nhanh với diễn biến thị trường, mọi mặt hoạt động của Sacombank trong năm 2021 đều hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra, đặc biệt và ấn tượng nhất là công tác xử lý thu hồi nợ xấu đã đạt kết quả ngoài mong đợi.

Mặc dù tình hình dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp nhưng với tinh thần trách nhiệm của Ban Kiểm soát và đội ngũ CBNV Kiểm toán nội bộ nên công tác kiểm tra giám sát mọi mặt hoạt động của Ngân hàng luôn được đảm bảo duy trì thường xuyên, góp phần rất lớn cho công tác quản trị của Ngân hàng.

Điểm nổi bật nhất của Sacombank trong năm 2021 là công tác điều hành linh hoạt mọi hoạt động ngân hàng của BTGD trong tình hình phức tạp của nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh. Để có được kết quả hết sức ấn tượng trong năm 2021, HĐQT đánh giá rất cao năng lực điều hành của tập thể BTGD và đặc biệt là vai trò người đứng đầu của TGD Sacombank.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

DANH SÁCH TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT, CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC CỦA SACOMBANK VÀ CHỨC DANH TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CỦA SACOMBANK

1.885.215.716

CỔ PHẦN

Tương ứng với vốn điều lệ của Sacombank là 18.852.157.160.000 đồng

BAO GỒM

Số lượng cổ phần lưu hành 1.885.215.716 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần



Các chứng khoán khác của Sacombank

STT	TÊN CÔNG TY	MÃ SỐ THUẾ/ SỐ GĐKKD	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN THEO MỆNH GIÁ	TỶ LỆ
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	CTCP Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO	1100503295	940.500	9.405.000.000	11,00%
2	CTCP Merufa	0300478598	242.130	2.421.300.000	6,59%
3	CTCP Đào tạo & Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	0302472601	63.826	638.260.000	5,29%
4	CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam	0101517122	50.000	5.000.000.000	1,60%
5	Điện Swift	-	23	-	-
6	CTCP Du lịch Quảng Bình	3100268158	63.000	630.000.000	4,58%
7	CTCP Du lịch Kiên Giang	1700544705	880.000	8.800.000.000	10,14%
8	CTCP Sorrento Việt Nam	3700229601	901.998	9.019.980.000	10,00%
9	CTCP Thông tin tín dụng Việt Nam	0102547296	318.182	3.181.820.000	2,65%
10	CTCP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long	1500428490	150.000	1.500.000.000	1,00%
11	CTCP Đồng Tâm (Long An)	1100548578	741.000	7.410.000.000	1,09%
12	CTCP Tập đoàn Mai Linh	0300938037	60.000	600.000.000	0,06%
13	CTCP Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn	0300523755	400.000	4.000.000.000	
14	CTCP TM Vàng bạc Đá quý Phương Nam	0304826662	250.000	2.500.000.000	
15	CTCP Bảo hiểm AAA	0311296279	632.280	6.322.800.000	0,56%
16	Ngân hàng TMCP Nam Đô	-	5.040	5.040.000.000	16,35%
17	Ngân hàng TMCP Kiên Long	1700197787	10.638.540	106.385.400.000	3,29%
18	CTCP Chế biến Thủy sản XK Minh Hải	2000104304	978.935	9.789.350.000	6,39%
19	CTCP S.P.M	0302271207	1.041.500	10.415.000.000	7,44%



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

DANH SÁCH TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT, CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC CỦA SACOMBANK VÀ CHỨC DANH TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT (Tiếp theo)

Danh sách thành viên HĐQT, BKS, BTGD và tỷ lệ sở hữu cổ phần			
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông Dương Công Minh	Chủ tịch HĐQT	3,31
2	Ông Phạm Văn Phong	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	0,001
3	Ông Nguyễn Miên Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	0,01
4	Bà Lê Thị Hoa	Thành viên HĐQT độc lập	0,000
5	Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên HĐQT độc lập	0
6	Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0,004
7	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên HĐQT	0,00004
BAN KIỂM SOÁT			
8	Ông Trần Minh Triết	Trưởng BKS	0
9	Ông Lê Văn Tòng	Thành viên BKS	0,056
10	Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Thành viên BKS	0,014
11	Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Thành viên BKS	0
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
12	Ông Phan Đình Tuệ	Phó TGD	0,0076
13	Ông Lê Đức Thịnh	Phó TGD	0
14	Ông Hà Văn Trung	Phó TGD	0,00053
15	Ông Bùi Văn Dũng	Phó TGD	0,0074
16	Ông Nguyễn Minh Tâm	Phó TGD	0,0007
17	Bà Quách Thanh Ngọc Thủy	Phó TGD	0,000005
18	Ông Lê Văn Ron	Phó TGD	0
19	Ông Đào Nguyên Vũ	Phó TGD	0,0027
20	Ông Nguyễn Bá Trị	Phó TGD	0,000
21	Bà Hà Quỳnh Anh	Phó TGD	0,0003
22	Ông Hoàng Thanh Hải	Phó TGD	0,004
23	Ông Võ Anh Nhựt	Phó TGD	0,000
24	Ông Hồ Doãn Cường	Phó TGD	0,00038
NHÂN SỰ KHÁC			
1	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Chánh văn phòng phụ trách Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty	0
2	Ông Huỳnh Thanh Giang	Kế toán trưởng	0,0026

Chức danh tại các công ty khác của Thành viên HĐQT		
Ông PHẠM VĂN PHONG		
Công ty CP Điện Tam Long		Thành viên HĐQT
Ông NGUYỄN MIÊN TUẤN		
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long		Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Chứng Khoán Rồng Việt		Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền		Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Ông NGUYỄN VĂN HUYNH		
Công ty CP Thẩm định Giá và Dịch vụ Tài Chính Sài Gòn		TV. HĐQT
Công ty CP Chứng khoán Liên Việt		TV. HĐQT
Công ty CP Dịch vụ Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		Chủ tịch HĐQT
Công ty Liên doanh Vũng Tàu Paradise		Phó Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Ủy ban Nhân sự

Thành phần

1	Ông <b>DƯƠNG CÔNG MINH</b>	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Bà <b>NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Phó Chủ tịch
3	Ông <b>NGUYỄN VĂN HUYNH</b>	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
4	Ông <b>NGUYỄN XUÂN VŨ</b>	Thành viên HĐQT	Thành viên
5	Phó TGD phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực		Thành viên
6	Giám đốc Nhân sự		Thư ký

Trực thuộc Ủy ban Nhân sự gồm có

Hội đồng Thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật cấp cao

1	Ông <b>DƯƠNG CÔNG MINH</b>	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Bà <b>NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Phó Chủ tịch
3	Phó TGD phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực		Thành viên
4	Chánh Văn phòng HĐQT		Thành viên
5	Trưởng Kiểm toán nội bộ		Thành viên
6	Chủ tịch Công đoàn cơ sở		Thành viên
7	Giám đốc Nhân sự		Thư ký

Hội đồng Thù lao và đãi ngộ

1	Bà <b>NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Chủ tịch
2	Ông <b>NGUYỄN VĂN HUYNH</b>	Thành viên HĐQT độc lập	Phó Chủ tịch
3	Phó TGD phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực		Thành viên
4	Giám đốc Nhân sự		Thư ký

Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Nhân sự

Năm 2021, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức họp 47 lần để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao gồm

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu của HĐQT, cán bộ điều hành cấp cao phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Cán bộ điều hành cấp cao theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Sacombank.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Cán bộ điều hành cấp cao, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.
- Tổ chức đánh giá về tình hình và hiệu quả hoạt động của Cán bộ điều hành cấp cao để tham mưu cho HĐQT trong công tác tổ chức nhân sự.
- Đối với Hội đồng thi đua khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật cấp cao: Xét duyệt kết quả xếp loại thi đua năm đối với tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và các trường hợp khác khi cần thiết; Tổ chức họp xử lý vi phạm kỷ luật lao động. Tham mưu cho HĐQT áp dụng các hình thức kỷ luật và giám sát việc thi hành kỷ luật nhằm giữ nghiêm tinh thần tuân thủ trật tự lao động trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Đối với Hội đồng thù lao và đãi ngộ: tham mưu cho HĐQT quyết định hoặc đề HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định theo quy định đối với các vấn đề như: các tiêu chí, chế độ lương thưởng, thù lao đối với Cán bộ điều hành cấp cao và chính sách đãi ngộ cho CBNV của Ngân hàng và Công ty trực thuộc.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT (Tiếp theo)

Ủy ban Quản lý rủi ro

Thành phần

1	Ông <b>PHẠM VĂN PHONG</b>	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Chủ tịch
2	Bà <b>LÊ THỊ HOA</b>	Thành viên HĐQT độc lập	Phó Chủ tịch
3	Phó TGD phụ trách Khối Quản lý rủi ro		Thành viên
4	Trưởng Kiểm toán nội bộ		Thành viên
5	Trưởng ban Kiểm tra nội bộ và GĐ lưu động		Thành viên
6	Trưởng phòng Pháp lý		Thành viên
7	Giám đốc Trung tâm Quản lý rủi ro		Thành viên kiêm Thư ký

Trực thuộc Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có

Hội đồng xử lý rủi ro tổn thất

1	Ông <b>PHẠM VĂN PHONG</b>	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Chủ tịch
2	Bà <b>NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Phó Chủ tịch
3	Phó TGD phụ trách Khối Quản lý rủi ro		Thành viên
4	Phó TGD phụ trách Khối Tài chính		Thành viên
5	Phó TGD/GĐ Khu vực có liên quan		Thành viên
6	Trưởng phòng Kế toán		Thành viên
7	Giám đốc Trung tâm Quản lý rủi ro		Thành viên kiêm Thư ký

Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT giám sát BTGD trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện Quy chế quản lý rủi ro.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, quy chế, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy chế, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi được giao.
- Đề xuất, tham mưu HĐQT giám sát BTGD trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức Kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- Năm 2021, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức họp 4 lần để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT (Tiếp theo)

Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền

Thành phần

1	Ông <b>DƯƠNG CÔNG MINH</b>	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ông <b>PHẠM VĂN PHONG</b>	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Phó Chủ tịch
3	Ông <b>TRẦN MINH TRIẾT</b>	Trưởng BKS	Phó Chủ tịch
4	Phó TGD phụ trách Khối Quản trị Nguồn nhân lực		Thành viên
5	Phó TGD phụ trách Khối Tài chính		Thành viên
6	Phó TGD phụ trách Khối Vận hành		Thành viên
7	Phó TGD phụ trách Khối Xử lý nợ		Thành viên
8	Phó TGD phụ trách Khối Quản lý rủi ro		Thành viên
9	Chủ tịch Công đoàn cơ sở		Thành viên
10	Trưởng Kiểm toán nội bộ		Thành viên
11	Trưởng ban Kiểm tra nội bộ và GD lưu động		Thành viên
12	Giám đốc Trung tâm Quản lý rủi ro		Thành viên
13	Trưởng phòng Tuân thủ		Thư ký

Trực thuộc Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền gồm có

Hội đồng Phòng, chống rửa tiền

1	Ông <b>TRẦN MINH TRIẾT</b>	Trưởng BKS	Chủ tịch
2	Phó TGD phụ trách Khối Vận hành		Phó Chủ tịch
3	Phó TGD phụ trách Quản lý rủi ro		Phó Chủ tịch
4	Trưởng Kiểm toán nội bộ		Thành viên
5	Giám đốc Trung tâm Thanh toán quốc tế		Thành viên
6	Giám đốc Trung tâm Thanh toán nội địa		Thành viên
7	Giám đốc Trung tâm Phát triển ứng dụng		Thành viên
8	Trưởng phòng Pháp lý		Thành viên
9	Trưởng ban Kiểm tra nội bộ và GD lưu động		Thành viên
10	Trưởng phòng Tuân thủ		Thành viên kiêm Thư ký



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT (Tiếp theo)

### Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền

#### Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền

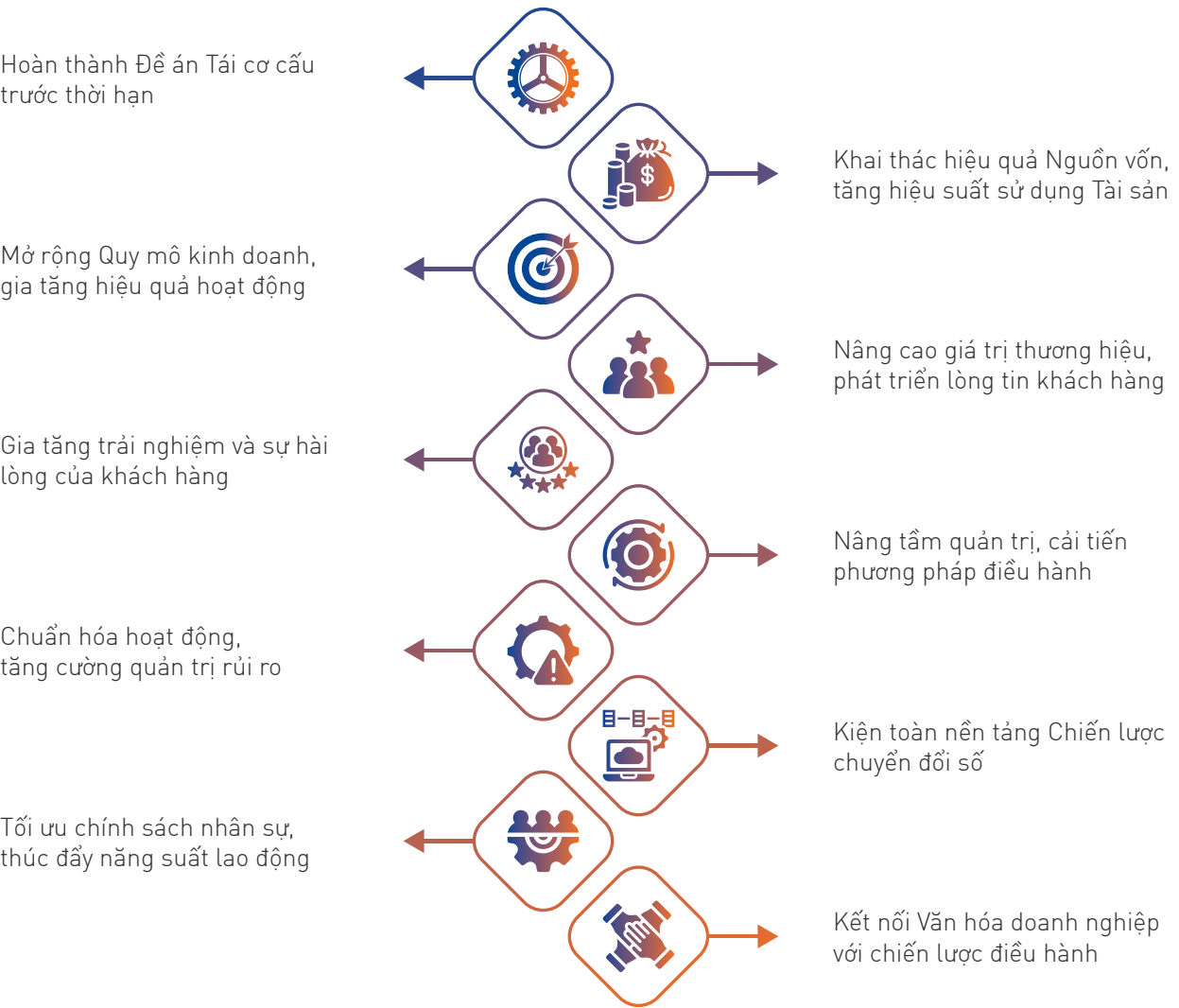
Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng và rửa tiền đồng thời khẳng định quyết tâm phòng chống tội phạm rửa tiền, Ủy ban Phòng, chống tham nhũng và rửa tiền tại Sacombank đã không ngừng nỗ lực xây dựng khung pháp lý, tổ chức bộ máy quản lý hiệu quả, cụ thể trong năm 2021, Hội đồng Phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền đã họp 01 kỳ vào ngày 09/12/2021 và cử thành viên tham dự nhiều cuộc họp định kỳ và đột xuất của các Hội đồng, Ban trực thuộc Ủy ban theo từng đơn vị cụ thể để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định gồm:

- Xác định mục tiêu chiến lược, xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm và rửa tiền theo Pháp luật Việt Nam và quốc tế.
- Tăng cường thực hiện các biện pháp nhận biết khách hàng, giám sát nhằm ngăn ngừa tổn thất tài chính, rủi ro liên quan đến uy tín, rủi ro pháp lý liên quan đến phòng, chống rửa tiền tại Sacombank.
- Nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, báo cáo cho HĐQT về Phương án xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng và những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, tội phạm có liên quan đến hoạt động của Sacombank.
- Nỗ lực bảo vệ Khách hàng, Ngân hàng và Cán bộ Công nhân viên không trở thành nạn nhân hoặc vô tình tiếp tay cho hoạt động rửa tiền.



## ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU/CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SACOMBANK TRONG NĂM 2022

TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ TOÀN CẦU VẪN CÒN BỊ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ BỞI DỊCH COVID-19, NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM ĐƯỢC DỰ BÁO SẼ ĐÓN NHẬN CẢ NHỮNG CƠ HỘI LẤN THÁCH THỨC ĐAN XEN NHAU. CHO ĐẾN NAY, SACOMBANK ĐÃ CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ VÀ ĐANG TĂNG TỐC TRỞ LẠI ĐƯỜNG ĐUA VỚI CÁC MỤC TIÊU TRỌNG YẾU NHƯ SAU:



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

THÙ LAO & KHEN THƯỞNG

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của ĐHĐCĐ Sacombank, Quỹ thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2021 được trích với tỷ lệ 2% lợi nhuận trước thuế. Tuy nhiên, tình hình kinh tế xã hội năm 2021 chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, đồng hành với khó khăn của đất nước, HĐQT và BKS Sacombank đã thống nhất chủ trương thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động của Sacombank. Do đó, thù lao thực chi trước thuế TNCN cho HĐQT, BKS Sacombank trong năm 2021 tương đương 1,2% lợi nhuận trước thuế của năm 2021.



QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG; GIAO TIẾP VỚI CỔ ĐÔNG; TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

Quyền của cổ đông

Sacombank đã thực hiện nghiêm túc toàn bộ các quyền của Cổ đông theo quy định tại điều 25 - Điều lệ Sacombank và các quy định của pháp luật liên quan. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020, tất cả các cổ đông đều được đảm bảo quyền tham dự, biểu quyết và đóng góp ý kiến tại Đại hội hoặc gửi thư về Ban Tổ chức để đảm bảo quyền lợi đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, đặc biệt là được đối xử công bằng; quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ.

Giao tiếp với cổ đông

Ngoài việc giải đáp các thắc mắc, chất vấn của Cổ đông tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 được tổ chức vào ngày 23/04/2021, trong năm 2021 Sacombank đã tiếp xúc trực tiếp tại Hội sở Sacombank với 110 Cổ đông để giải quyết các yêu cầu của Cổ đông liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu STB do thừa kế cũng như cập nhật/điều chỉnh thông tin liên quan đến cổ đông. Ngoài ra, qua phương tiện điện thoại, thư điện tử Sacombank cũng đã giải đáp các ý kiến của Cổ đông liên quan đến vấn đề cổ tức, cổ phần của Cổ đông và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sacombank.

Tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ

Liên quan đến công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh và chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước, trong năm 2021 Sacombank đã tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên bằng hình thức trực tuyến, ngoài ra, Sacombank còn mời Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 trực tuyến tại Trung tâm Hội nghị WHITE PALACE (số 194 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Q. Phú Nhuận, TP.HCM).

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - » kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - » có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
  - » có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).





BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi cho vay	2.217	2.669
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(5.500)	(8.372)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60	58
	Chi phí hoạt động khác	-	(779)
	Thù lao sau thuế của thành viên Hội đồng quản trị	(36.340)	(30.271)
	Thù lao sau thuế của thành viên Ban Kiểm soát	(14.295)	(12.352)
	Thu nhập sau thuế của thành viên Ban Tổng giám đốc	(84.733)	(75.172)
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi tiền gửi/cho vay	3.306	1.861
	Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi	(8.308)	(6.136)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	144	190
	Thu nhập khác	-	254
	Chi phí khác	(3.622)	-

Chi tiết các khoản phải thu/(phải trả) các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	68.720	71.224
	Nhận tiền gửi	(200.127)	(160.801)
	Chứng chỉ tiền gửi	(460)	(460)
	Phải thu khác	53	293
	Phải trả khác	(1.442)	(2.417)
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	71.678	38.684
	Nhận tiền gửi	(185.665)	(227.123)
	Chứng chỉ tiền gửi	(19.650)	(11.070)
	Phải thu khác	1.167	247
	Phải trả khác	(2.844)	(3.273)

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (CÁC GIAO DỊCH CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA CÁC THÀNH VIÊN NÀY VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN).

Mã CP	Tổ chức/người giao dịch	Quan hệ	Người liên quan			SLCP trước GD	Đăng ký				Kết quả			SLCP sau GD	Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tên	Chức vụ			Mua	Bán	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Mua	Bán	Ngày thực hiện			
STB	Nguyễn Trung An	Em rể	Võ Anh Nhuệ	Phó Tổng GD		0					20.000	20.000	14/07/2021		0,00	
STB	Võ Thị Mỹ Lệ	Vợ	Võ Anh Nhuệ	Phó Tổng GD		6.946	6.946	03/06/2021	25/06/2021		6.900	03/06/2021	46		0,00	
STB	Võ Thị Cẩm Hồng	Chị	Võ Anh Nhuệ	Phó Tổng GD		8.130	8.130	05/01/2021	05/01/2021		8.130	05/01/2021			0,00	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG PHÂN THEO TIÊU CHÍ TỶ LỆ SỞ HỮU (CỔ ĐÔNG LỚN/NHỎ); CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN/TỔ CHỨC; CỔ ĐÔNG TRONG/NGOÀI NƯỚC; CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG KHÁC.

Cơ cấu cổ đông

Căn cứ theo danh sách của Trung tâm lưu ký chốt tại thời điểm 31/12/2021

Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần (%)	
Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)			
Cổ đông lớn	0 cổ đông	0 cổ phần	0
Cổ đông nhỏ	92.620 cổ đông	1.885.215.716 cổ phần	100
Theo tiêu chí cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức			
Cổ đông cá nhân	92.254 cá nhân	1.376.367.106 cổ phần	73,01
Cổ đông tổ chức	366 tổ chức	508.848.610 cổ phần	26,99
Theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài			
Cổ đông trong nước	91.638 cổ đông	1.556.009.863 cổ phần	82,54
Cổ đông nước ngoài	982 cổ đông	329.205.853 cổ phần	17,46
Theo tiêu chí cổ đông nhà nước, cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	3 cổ đông	81.675 cổ phần	0,004
Cổ đông khác	92.617 cổ đông	1.885.134.041 cổ phần	99,996

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẾN 31/12/2021

34.261.336.423.533 ĐỒNG

TĂNG 18,3% SO VỚI 31/12/2020

Giao dịch cổ phiếu quỹ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ ĐÃ BÁN (từ 01/7/2021 đến 27/7/2021)

81.562.287 CỔ PHIẾU

Trong đó, bán 81.542.200 cổ phiếu theo phương thức giao dịch khớp lệnh và 20.087 cổ phiếu theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Sacombank không còn cổ phiếu quỹ

Bảng thông tin về giao dịch cổ phiếu STB của các thành viên HĐQT, BKS, BTGD và kế toán trưởng tính đến thời điểm 31/12/2021: không có giao dịch





## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

### DANH SÁCH TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT, CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC CỦA SACOMBANK VÀ CHỨC DANH TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức danh tại Sacombank và Công ty khác	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
1	Ông <b>TRẦN MINH TRIẾT</b>	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
		Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Truyền thông TMT	0	0
		Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Sài Gòn	0	0
2	Bà <b>NGUYỄN THỊ THANH MAI</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	270.978	0,014%
3	Ông <b>LÊ VĂN TÒNG</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	1.046.952	0,055%
4	Ông <b>HÀ TÔN TRUNG HẠNH</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0

### CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát (BKS) đã tổ chức 05 cuộc họp, tất cả thành viên tham dự đầy đủ, cùng cho ý kiến, thảo luận và biểu quyết thống nhất cao thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

#### Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2021

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông <b>TRẦN MINH TRIẾT</b>	Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách)	05	100%
2	Bà <b>NGUYỄN THỊ THANH MAI</b>	Thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách)	05	100%
3	Ông <b>HÀ TÔN TRUNG HẠNH</b>	Thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách)	05	100%
4	Ông <b>LÊ VĂN TÒNG</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	05	100%

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS ĐÃ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT SACOMBANK. TẤT CẢ CÁC THÀNH VIÊN BKS ĐỀU HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2021.



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SACOMBANK NĂM 2021

1 Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Sacombank trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng

**HĐQT, BTGD thực hiện việc quản trị, điều hành Ngân hàng theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được quy định tại Quy chế quản trị và điều hành Sacombank, cụ thể:**

- ▶ HĐQT đã phát huy vai trò quản lý của mình, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của NHNN và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị về định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm của toàn hệ thống Sacombank, hỗ trợ kịp thời cho BTGD trong công tác điều hành Ngân hàng, cũng như phối hợp với BKS trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ngân hàng và các công ty trực thuộc.
- ▶ HĐQT chỉ đạo BTGD thực hiện đúng định hướng của Đề án Tái cơ cấu Ngân hàng đã được NHNN phê duyệt. Các giải pháp xử lý, thu hồi nợ xấu, tài sản tồn đọng được thực hiện quyết liệt góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng tín dụng và từng bước tối ưu hoá danh mục tài sản.
- ▶ BTGD đã tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 và Nghị quyết của HĐQT. Trong năm 2021, trong bối cảnh tình hình kinh tế-xã hội gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, BTGD đã có sự nỗ lực, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, Nghị quyết của HĐQT, cũng như bám sát kế hoạch kinh doanh và hoàn thành vượt kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính trọng yếu năm 2021 do ĐHĐCĐ giao.
- ▶ TGD đã chỉ đạo các Đơn vị Nghiệp vụ Hội sở thực hiện việc rà soát các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Sacombank để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung, tinh gọn văn bản, chuẩn hoá hệ thống văn bản nội bộ nhằm kịp thời cập nhật các quy định của pháp luật, của NHNN và đảm bảo hoạt động của Sacombank được thông suốt, an toàn, hiệu quả.
- ▶ Sacombank không ngừng kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ gồm 03 tuyến bảo vệ độc lập đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13.



2 Giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ theo đúng quy định tại Thông tư 13 và quy định nội bộ của Sacombank

**Về kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021**

Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã hoàn thành Kế hoạch kiểm toán năm 2021 đã được BKS phê duyệt, cụ thể: Kiểm toán tại 12 Chi nhánh và các PGD trực thuộc; 09 đơn vị/chuyên đề tại Hội sở và phúc tra 01 chuyên đề ngoài kế hoạch. Song song đó, KTNB thực hiện kiểm toán từ xa một cách thường xuyên, liên tục thông qua việc truy xuất dữ liệu trên hệ thống MIS, rà soát các giao dịch của Chi nhánh/Phòng giao dịch theo Bộ tiêu chí kiểm toán từ xa với 63 tiêu chí (tăng 11 tiêu chí so với năm 2020). Kết quả KTNB được gửi kịp thời tới HĐQT, BKS, TGD và các đơn vị có liên quan. KTNB đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị để Đơn vị được kiểm toán có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ, khắc phục tồn tại, giảm thiểu sai sót, rủi ro trong tác nghiệp, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

**Về nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng hoạt động KTNB**

BKS rất chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kiểm toán viên nội bộ. Trong năm 2021, KTNB tiếp tục ứng dụng hiệu quả Dự án Nâng cấp Khung kiểm toán nội bộ. BKS nhận thấy các báo cáo kiểm toán được cải thiện về chất lượng. Hoạt động KTNB đảm bảo tính độc lập, khách quan và không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

**Căn cứ chiến lược phát triển chung của Sacombank, BKS định hướng hoạt động trong năm 2022 như sau:**

- » Tăng cường công tác kiểm soát, nâng cao hoạt động giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Sacombank và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021.
- » Giám sát việc thực hiện Đề án Tái cơ cấu Ngân hàng đã được NHNN phê duyệt.
- » Thẩm định báo cáo tài chính của Sacombank theo quy định. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Sacombank.
- » Chỉ đạo và giám sát đối với Kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện các hoạt động trọng tâm như sau: (i) Triển khai thực hiện Kế hoạch KTNB năm 2022 đã được BKS phê duyệt và xây dựng kế hoạch KTNB năm 2023; (ii) Rà soát, hoàn thiện các văn bản nội bộ liên quan hoạt động của BKS và KTNB; (iii) Chú trọng kiện toàn nhân sự KTNB, đặc biệt là nhân sự kiểm toán công nghệ thông tin, đáp ứng được nhu cầu kiểm toán hệ thống công nghệ thông tin/quản lý rủi ro, phù hợp với xu hướng số hóa mạnh mẽ hoạt động ngân hàng trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KTNB và tối ưu hoá nguồn lực, góp phần vào sự phát triển chung của Ngân hàng. (iv) Áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý hoạt động KTNB, nhằm từng bước tự động hóa công tác kiểm toán, giảm bớt những công việc theo phương pháp thủ công, nhất là công giám sát từ xa.
- » Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ Sacombank.



# Lan tỏa GIÁ TRỊ

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





## THÔNG điệp về PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



**NĂM 2021,  
ĐẠI DỊCH COVID-19  
TIẾP TỤC KHIẾN CẢ  
THẾ GIỚI PHẢI LAO ĐÀO  
VÀ LÀM THAY ĐỔI  
BỨC TRANH KINH TẾ,  
CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI  
CỦA MỌI QUỐC GIA.**

Trước những thách thức mang tính toàn cầu đó, phát triển bền vững chính là con đường mà mọi quốc gia, mọi doanh nghiệp phải hướng tới để vượt qua giai đoạn khó khăn mang tính lịch sử này. Việt Nam đã xây dựng kế hoạch hành động quốc gia, lồng ghép 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) toàn cầu và chọn ra các mục tiêu cụ thể đưa vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Với 30 năm hình thành và phát triển, Sacombank luôn kiên định với mô hình quản trị theo định hướng phát triển bền vững. Đây là kim chỉ nam giúp Ngân hàng vững vàng ứng phó với những khó khăn, thách thức để lan tỏa niềm tin và giá trị tích cực đến với cộng đồng, xã hội.

Năm 2021, Sacombank tiếp tục đáp ứng toàn bộ tiêu chí trong Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (Corporate Sustainability Index - CSI) và được vinh danh Top 3 doanh nghiệp niêm yết được nhà đầu tư yêu thích nhất năm 2021 trong chương trình Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2021 (IR Awards 2021) do Vietstock phối hợp cùng báo Tài chính và Cuộc sống (Fili.vn) thực hiện.

## THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (BCPTBV) 2021 CỦA SACOMBANK TÁI HIỆN BỨC TRANH TỔNG THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GẮN KẾT VỚI CÁC VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM, THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.



### PHẠM VI VÀ GIAI ĐOẠN BÁO CÁO

Báo cáo bao gồm các chỉ số hoạt động của Sacombank và Công ty con/Ngân hàng con trong năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021).

### TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Đây là năm thứ 5 Sacombank lập BCPTBV dựa trên tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) - phiên bản mới nhất **GRI Sustainability Reporting Standards** với 04 cấu phần chính:



Tiêu chuẩn chung



Các tiêu chuẩn về Kinh tế



Các tiêu chuẩn về Môi trường



Các tiêu chuẩn về Xã hội

### NGUYÊN TẮC BÁO CÁO

Báo cáo được xác định theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo	Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo
Gắn kết các Bên liên quan	Chính xác
Bối cảnh phát triển bền vững	Cân bằng
Mức độ trọng yếu	Rõ ràng
Tính toàn diện	So sánh
	Tin cậy
	Cập nhật



# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG


## NHỮNG DIỄN BIẾN ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SACOMBANK

Tình hình dịch Covid-19 gia tăng và chiến lược phát triển của Sacombank trong trạng thái “bình thường mới”

Dịch bệnh dẫn đến giãn cách xã hội, tăng trưởng kinh tế suy giảm, hoạt động sản xuất trì trệ, nhu cầu tín dụng giảm và khả năng trả nợ suy yếu là những vấn đề mà Sacombank phải đối mặt trong suốt thời gian qua. Ngân hàng đã có gần 2 năm để thích nghi với tình hình dịch bệnh kéo dài, nên luôn chủ động, linh hoạt ứng phó và có kế hoạch triển khai cho từng kịch bản khác nhau.

Theo đó, Sacombank hướng đến mục tiêu quản trị hiệu quả các chỉ tiêu tài chính và duy trì chất lượng hoạt động lõi là nguyên tắc then chốt. Ngân hàng chủ trương tiết giảm chi phí thông qua việc cắt giảm các biến phí không cần thiết, giảm thiểu định phí và ưu tiên các chi phí phục vụ kinh doanh để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Nhờ đó, kết quả kinh doanh vẫn duy trì ổn định trong mùa dịch.


Sacombank chủ động phát triển danh mục cho vay đa dạng với nhiều phân khúc khách hàng khác nhau và phân bổ trên nhiều khu vực trong cả nước thông qua mạng lưới giao dịch rộng khắp. Ngoài ra, nhờ thường xuyên thẩm định danh mục cho vay, phát triển các ngành nghề trọng tâm theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước, hạn chế các lĩnh vực rủi ro có tính đầu cơ cao, nên chất lượng khách hàng của Sacombank tương đối tốt, có năng lực tài chính lành mạnh và có thể chống đỡ tốt trong tình hình giãn cách kéo dài.



Ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu và hành động của Sacombank

Để hạn chế tình trạng biến đổi khí hậu, Sacombank xây dựng, ban hành các hướng dẫn, quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Mọi khách hàng có nhu cầu cấp tín dụng tại Ngân hàng đều được đánh giá tác động môi trường - xã hội và Sacombank sẽ từ chối cấp tín dụng đối với các khách hàng có các hoạt động vi phạm các quy định về môi trường - xã hội. Sacombank còn thành lập nhóm ESMS (Environmental and Social Management System) chuyên trách trong việc xây dựng và tư vấn các vấn đề về Hệ thống quản lý môi trường - xã hội.

Ngoài ra, Sacombank khuyến khích và phát triển các hoạt động trong những lĩnh vực thân thiện với môi trường. Sacombank đã ban hành các cơ chế, chính sách cho vay liên quan đến “Tín dụng xanh”. Trong đó, lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đã được đẩy mạnh tăng trưởng thông qua nhiều chương trình và SPDV khác nhau.



## NHẬN DIỆN CÁC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA SACOMBANK TRONG DÀI HẠN (TỚI NĂM 2025)

CƠ HỘI

Kinh tế Việt Nam xét về dài hạn vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Sự hội nhập ngày một sâu vào thị trường tài chính thế giới sẽ là cơ hội để các ngân hàng Việt Nam tiếp cận thêm với những sản phẩm mới và hiện đại, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị... của thế giới.

Việc Ngân hàng Nhà nước dẫn đưa vào áp dụng các quy định an toàn hoạt động theo thông lệ quốc tế là cơ hội để Sacombank phát huy kinh nghiệm triển khai ứng dụng quản trị hoạt động tuân thủ các yêu cầu này, nâng cao uy tín và có nhiều cơ hội hợp tác kinh doanh với các định chế tài chính quốc tế.

Thói quen và thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi theo hướng không dùng tiền mặt trong lưu thông sẽ làm cho nhu cầu dịch vụ ngân hàng bán lẻ tăng nhanh. Tỷ trọng cao của lực lượng dân số trẻ có xu hướng thích sử dụng các SPDV hiện đại sẽ là cơ hội lớn cho hoạt động bán lẻ.

Kinh tế phát triển, thu nhập người dân tăng lên, cùng với đó là nhu cầu quản lý tài chính, dịch vụ tư vấn (có trả phí) cũng tăng trưởng mạnh mẽ, là cơ hội để phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng phù hợp.

Sự phát triển mạnh mẽ và vai trò ngày một quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) sẽ là cơ hội để Sacombank tiếp tục chiếm lĩnh thị phần nhờ những kinh nghiệm và mối quan hệ truyền thống trong phân khúc thị trường này.

Sự quan tâm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong phát triển tài chính nông thôn, tài chính vi mô (micro finance) sẽ tạo cơ hội cho Sacombank phát triển thêm SPDV và tối đa hóa hệ thống mạng lưới cũng như tận dụng các kinh nghiệm sẵn có trong lĩnh vực này.

Công nghệ hiện đại phát triển sẽ là nền tảng giúp Sacombank tiếp tục đa dạng hóa các SPDV ngân hàng bán lẻ; cải tiến hệ thống quản trị nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu suất hoạt động của mạng lưới. Đặc biệt, sự hoàn thiện những ứng dụng CNTT của ngân hàng điện tử sẽ mở thêm cơ hội cho Sacombank đẩy mạnh hoạt động ngân hàng số.

THÁCH THỨC

Tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, khó lường. Nền kinh tế mở cửa trở lại nhưng nhiều ngành nghề vẫn chưa thể khởi động lại. Tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn vẫn tiềm ẩn rủi ro suy giảm.

Việt Nam tiếp tục thực hiện tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng và hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm. Theo đó, các ngân hàng thương mại sẽ phải phát triển theo hướng hiện đại, có khả năng cạnh tranh tốt hơn, tiệm cận các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời phải hoạt động hiệu quả, an toàn với cấu trúc đa dạng về sở hữu và quy mô.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, các yêu cầu trong đảm bảo an toàn hoạt động sẽ làm cho biên lãi suất (NIM) của Ngân hàng ngày một thu hẹp và ảnh hưởng tới các chỉ số tài chính, đặc biệt là các chỉ số đo lường khả năng sinh lời. Do vậy, ngân hàng cần phải tái cấu trúc tài sản mạnh mẽ, gia tăng tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng để thông qua việc cải tiến sản phẩm, công nghệ và quy trình kinh doanh nhằm duy trì tỷ lệ sinh lời.

Xã hội phát triển, trình độ dân trí tăng nên nhu cầu và mức độ đòi hỏi của khách hàng ngày một cao hơn. Do đó, ngân hàng cần phải thường xuyên cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, quy chế - quy trình gọn nhẹ và hướng về mục tiêu chất lượng trong kinh doanh.

Các sản phẩm tài chính mới (cho vay ngang hàng, mobile money, ví điện tử...) sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt hơn cho các ngân hàng. Số lượng công ty cung cấp dịch vụ tài chính sẽ ngày càng nhiều hơn, chia sẻ thị phần và ảnh hưởng đến chiến lược phủ sóng của các ngân hàng có mạng lưới rộng lớn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)

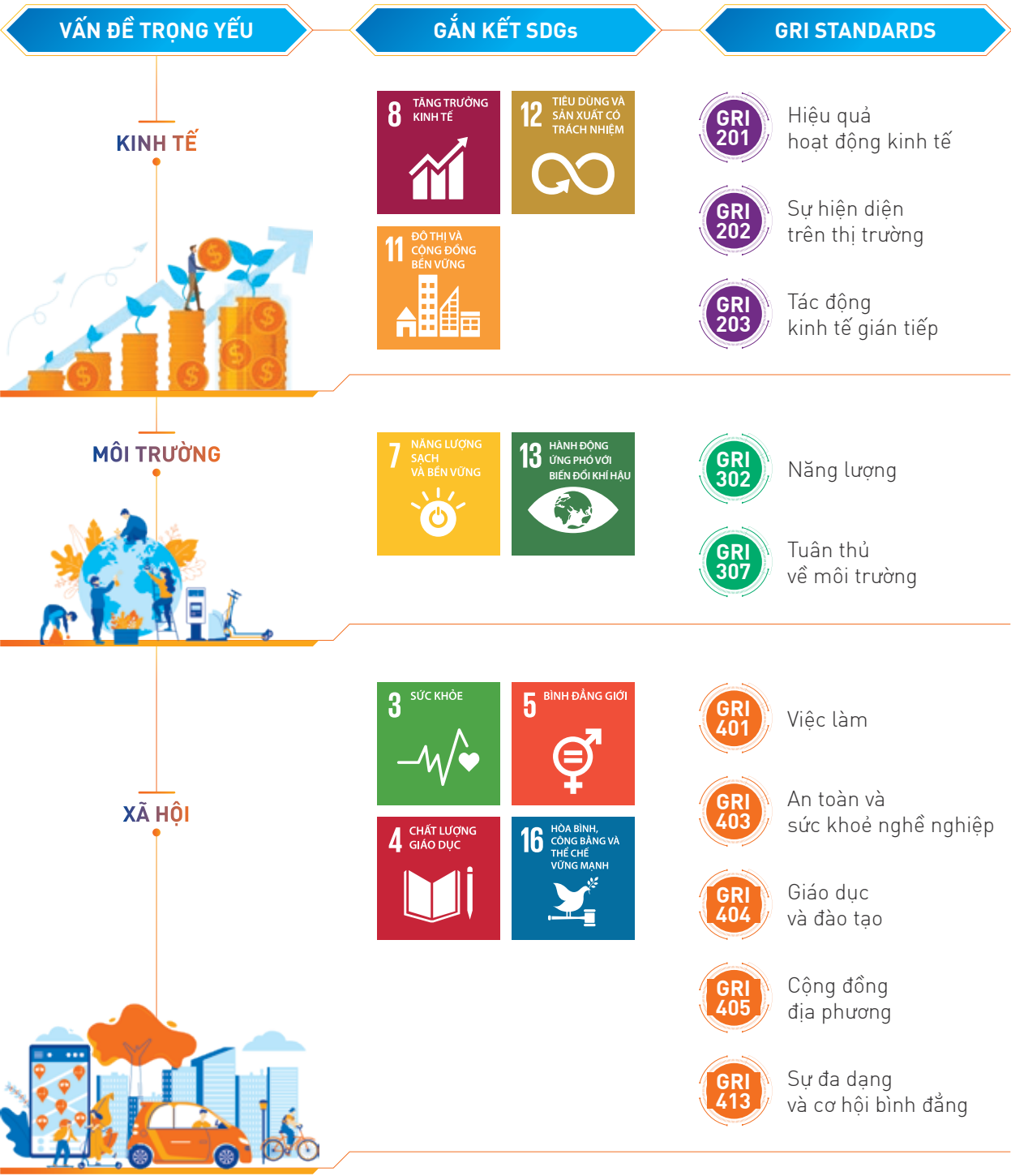
RỦI RO TRỌNG YẾU

RỦI RO TRỌNG YẾU LÀ NHỮNG RỦI RO CÓ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA SACOMBANK. NGÂN HÀNG LUÔN CHÚ TRỌNG NHẬN DẠNG, ĐO LƯỜNG, THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT NHỮNG RỦI RO TRỌNG YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA MÌNH.

RỦI RO	Nhận diện
Rủi ro tín dụng	Khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Sacombank.
Rủi ro hoạt động	Các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Sacombank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.
Rủi ro thị trường	Biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.
Rủi ro thanh khoản	Sacombank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc khi Sacombank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.
Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	Biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng.
Rủi ro tập trung	Hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro, bao gồm: (i) Rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng và (ii) Rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh.

CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO TRỌNG YẾU ĐƯỢC SACOMBANK QUY ĐỊNH TẠI QUY CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG VÀ ĐIỀU CHỈNH PHÙ HỢP TRONG TỪNG THỜI KỲ CỤ THỂ.

GẮN KẾT SDGs VÀ GRI STANDARDS TRONG QUẢN TRỊ





# QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA SACOMBANK

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ HƯỚNG ĐẾN BỀN VỮNG



Mô hình quản trị hướng đến bền vững của Sacombank được tổ chức và quản lý tập trung theo chiều dọc với trách nhiệm và thẩm quyền cao nhất là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng giám đốc (BTGD), Giám đốc/Trưởng Trung tâm/Phòng/Ban nghiệp vụ Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch cho đến từng cán bộ nhân viên.



Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Sacombank.



Cơ cấu quản trị của Sacombank thực hiện theo lựa chọn 1 (có BKS) và đồng thời đã tăng cơ số Thành viên HĐQT độc lập từ 1 Thành viên (năm 2017) lên 2 Thành viên độc lập trong HĐQT (từ năm 2018).

Đáng chú ý, cơ cấu HĐQT Sacombank ngày càng được chú trọng, đa dạng về chuyên môn và kinh nghiệm khác nhau (Tài chính - Ngân hàng, Bất động sản, Chứng khoán, Sản xuất - Kinh doanh, Giáo dục) để đóng góp những ý kiến phong phú, suy nghĩ đa chiều trong các vấn đề, nâng cao chất lượng ra quyết định của Sacombank, cũng như nâng cao khả năng giám sát hoạt động của Ngân hàng một cách hiệu quả.

### CÁC NGUYÊN TẮC TRỌNG YẾU TRONG QUẢN TRỊ

1

Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, các quy định của địa phương, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

2

Đảm bảo sự tách bạch giữa chức năng quản trị và giám sát của HĐQT với chức năng điều hành kinh doanh của BTGD.

3

Đảm bảo sự công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Ngân hàng.

4

Đảm bảo nguyên tắc hành động vì mục đích cao nhất là bảo vệ và gia tăng lợi ích hợp pháp cho Cổ đông, cho Ngân hàng.

5

Đảm bảo xây dựng và phát triển Cơ cấu quản trị - điều hành minh bạch, hiệu quả từ đó giúp Ngân hàng phát triển bền vững và ổn định, nâng cao uy tín của Ngân hàng.

6

Đảm bảo định hướng hoạt động chính xác và kịp thời nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động điều hành trên những lĩnh vực quan trọng của Ngân hàng.

7

Đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng xã hội.

8

Lấy nhân sự làm nòng cốt - Lấy khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động của Ngân hàng.



### CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG QUẢN TRỊ



Tiên phong mở đường và vượt qua thách thức để tiếp nối những thành công.



Đổi mới, sáng tạo và năng động để phát triển vững bền.



Tạo dựng sự khác biệt bằng tính đột phá sáng tạo trong kinh doanh và quản trị điều hành.



Cam kết chất lượng là nguyên tắc ứng xử của mỗi thành viên trong phục vụ khách hàng và quan hệ đối tác.



Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



Minh bạch thông tin với cổ đông, khách hàng, đối tác. Trong mọi hoạt động của Sacombank đối với cổ đông, đối tác và khách hàng thì yếu tố minh bạch công bố thông tin, tinh thần tôn trọng cổ đông và các đóng góp của các bên liên quan luôn được đề cao. Đặc biệt, năm 2021 Sacombank đã thực hiện:




- » Nỗ lực trong việc cập nhật thông tin của tất cả các cổ đông, thông qua việc gửi Thư mời họp, tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đến địa chỉ đăng ký của tất cả các cổ đông theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng (hơn 92.000 cổ đông ở khắp các tỉnh Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới).
- » Tăng cường sử dụng nhiều kênh truyền thông để gửi thông tin đến cổ đông, đối tác và khách hàng: website, fanpage, báo chí, tin nhắn SMS, thông báo trên Sacombank Pay.
- » Hỗ trợ các cổ đông trong việc ủy quyền cho HĐQT, BKS trong trường hợp cổ đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ.







QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT, BKS, BTGD ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SACOMBANK


VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-  Là trung tâm trong việc xây dựng khuôn khổ quản trị, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển bền vững của Sacombank.
-  Giám sát hoạt động quản trị rủi ro và giám sát bộ máy điều hành cũng như đảm bảo trách nhiệm giải trình đối với cổ đông.
-  Phát huy vai trò quản trị và kiểm soát nhằm đảm bảo quá trình tái cơ cấu sau sáp nhập đi đúng hướng, đúng lộ trình, rút ngắn thời gian hoàn tất Đề án Tái cơ cấu như đã cam kết với cổ đông. Đồng thời vẫn đảm bảo tiếp tục tăng trưởng hoạt động kinh doanh, mở rộng thị phần và gia tăng đầu tư nền tảng công nghệ phục vụ phát triển SPDV Ngân hàng số theo xu thế mới.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

-  Giám sát, kiểm soát hoạt động và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Sacombank, nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ trong quản trị, điều hành.
-  Giám sát kiểm toán nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ Sacombank, đồng thời chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
-  Xây dựng kế hoạch và báo cáo đầy đủ các nội dung giám sát cho ĐHĐCĐ trong công tác giám sát HĐQT, BKS thực thi nhiệm vụ của mình hàng năm.
-  Đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng và đặc biệt là bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng.

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

-  Tham mưu, chịu trách nhiệm điều hành, triển khai có hiệu quả các chỉ đạo của HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách và các Ủy ban trong việc thực hiện kế hoạch phát triển bền vững của Ngân hàng theo phạm vi thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.



VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ỦY BAN HỖ TRỢ CHO HĐQT TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Trong năm 2021, các Ủy ban và Hội đồng tiếp tục hoạt động rất tích cực và hiệu quả. Cụ thể, các Ủy ban, Hội đồng đã phát huy vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Sacombank, nhằm hỗ trợ kịp thời BTGD trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Các Ủy ban đều hoạt động dựa trên các quy chế, quy định cụ thể và được phổ biến công khai trên toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính minh bạch. Đồng thời, các Ủy ban tiếp tục xem xét, theo dõi, rà soát và hoàn thiện văn bản lập quy trong lĩnh vực phụ trách để đảm bảo sự tách bạch giữa chức năng quản trị và giám sát của HĐQT với chức năng điều hành kinh doanh của BTGD, tuân thủ quy định của pháp luật.

Trong các phiên họp, việc thảo luận giữa HĐQT, BKS và BTGD diễn ra trên tinh thần cầu thị, xây dựng, công khai với mục tiêu tìm ra các quyết sách quản trị và điều hành phù hợp nhất. Các quyết nghị, chỉ đạo, kết luận đã thống nhất trong cuộc họp được ban hành và giao Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời theo dõi xuyên suốt tiến độ và kết quả hoàn thành.

CHÍNH SÁCH THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD

Với cơ chế hoạt động chuyên trách, toàn thời gian và phương châm thực hành tiết kiệm đồng hành cùng xã hội vượt qua khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh gây nhiều thiệt hại cho nền kinh tế, năm 2021, thù lao của HĐQT và BKS đã thực chỉ tương đương 1,2% lợi nhuận trước thuế hợp nhất, đạt 56% tổng ngân sách thù lao của HĐQT và BKS năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 phê chuẩn (tối đa 2% lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm tài chính 2021).

Chi phí thù lao và tiền lương của BTGD năm 2021 thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế về chế độ tiền lương của Sacombank.



# HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

### CÁC TUYẾN PHÒNG VỆ

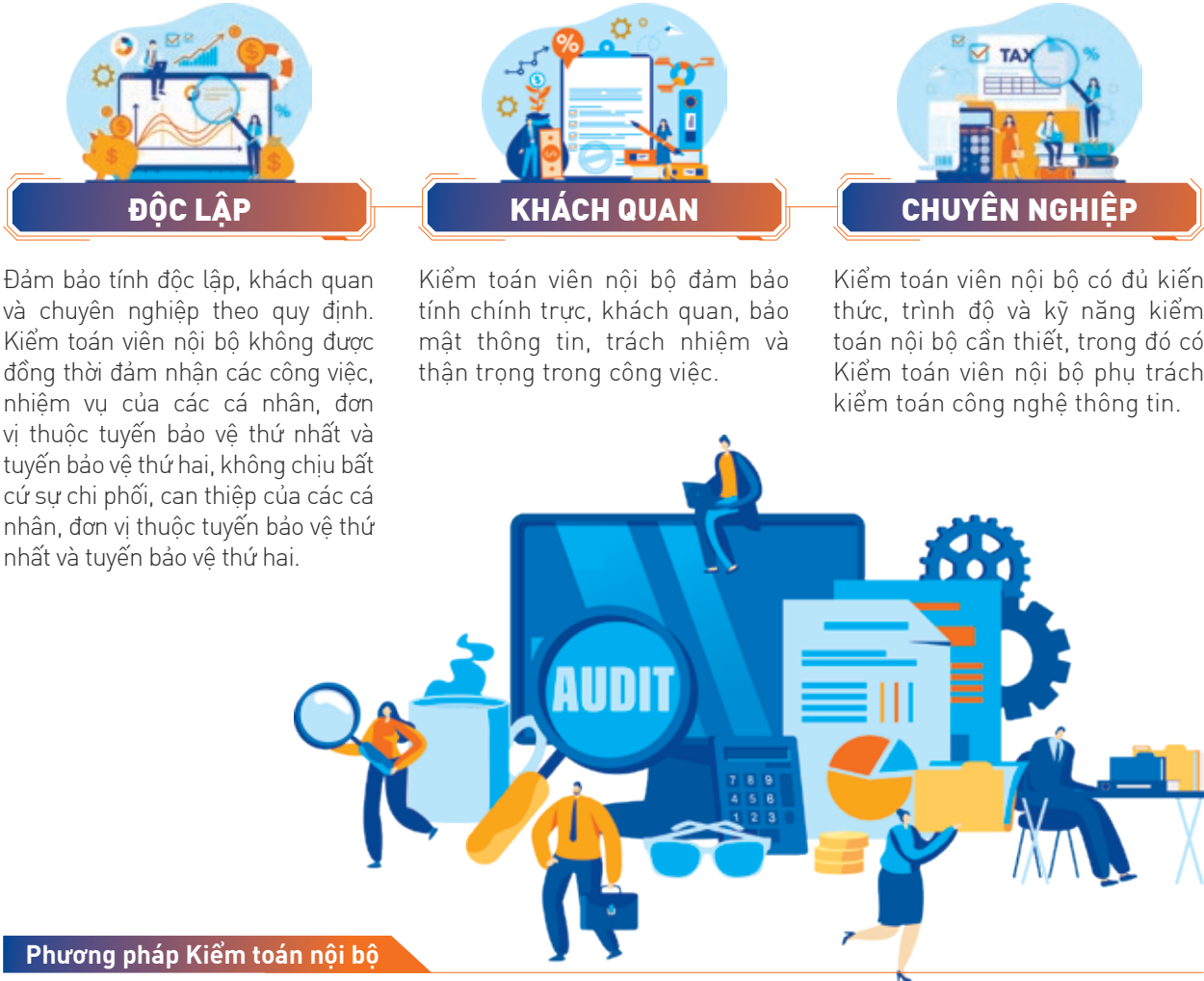


## HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

### Chức năng và nhiệm vụ

- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn.
- Đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng.
- Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

### Nguyên tắc hoạt động



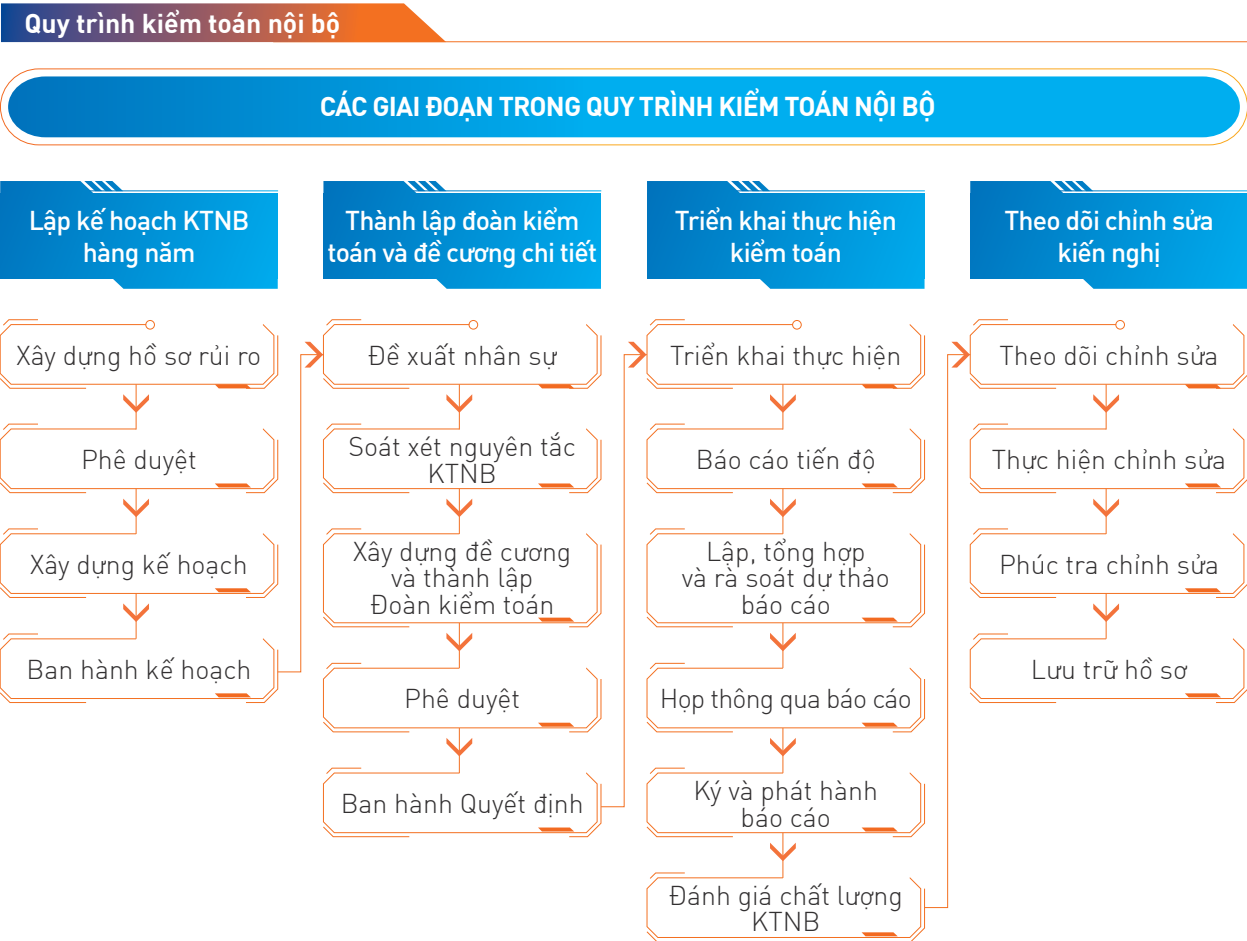
Về cách thức triển khai thực hiện, do vấn đề giãn cách xã hội kéo dài xuất phát từ tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong năm 2021, để hoàn thành kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt, Kiểm toán nội bộ đã kịp thời điều chỉnh các thủ tục kiểm toán thực địa sang kiểm toán từ xa trên cơ sở truy xuất hồ sơ, tài liệu từ các hệ thống thông tin của Sacombank hoặc Đơn vị được kiểm toán cung cấp qua Microsoft Teams, email; quan sát quy trình tác nghiệp qua hệ thống camera online; trao đổi phỏng vấn qua email, điện thoại, Microsoft Teams. Bên cạnh công tác kiểm toán tại từng Đơn vị theo kế hoạch, Kiểm toán nội bộ còn thực hiện kiểm toán từ xa giao dịch của tất cả Chi nhánh/Phòng giao dịch hàng tháng theo Bộ tiêu chí được xây dựng.

Kết quả, các báo cáo đã được gửi kịp thời tới HĐQT, BKS, TGD và các Đơn vị có liên quan để khắc phục tồn tại, giảm thiểu sai sót, rủi ro trong tác nghiệp, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

# HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Kiểm toán nội bộ (KTNB) là tuyến bảo vệ thứ ba trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng, trực thuộc BKS, được tổ chức thành các Bộ phận Kiểm toán nội bộ để thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định, bao gồm:



VỚI KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG NHANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI, KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐÃ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NĂM 2021, KẾT QUẢ KIỂM TOÁN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐẠT CHẤT LƯỢNG TỐT. HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC PHÂN TÍCH DỮ LIỆU ĐỂ XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC CÓ RỦI RO CAO, RÀ SOÁT ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH ĐỂ NHẬN DIỆN CÁC LỖ HỒNG KIỂM SOÁT NẾU CÓ. BÊN CẠNH CÔNG TÁC KIỂM TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ TRUYỀN THỐNG NHƯ CẤP TÍN DỤNG, HUY ĐỘNG VỐN, CHUYỂN TIỀN... KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐẨY MẠNH KIỂM TOÁN CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, KIỂM TOÁN CÁC CHUYÊN ĐỀ THEO BASEL II.





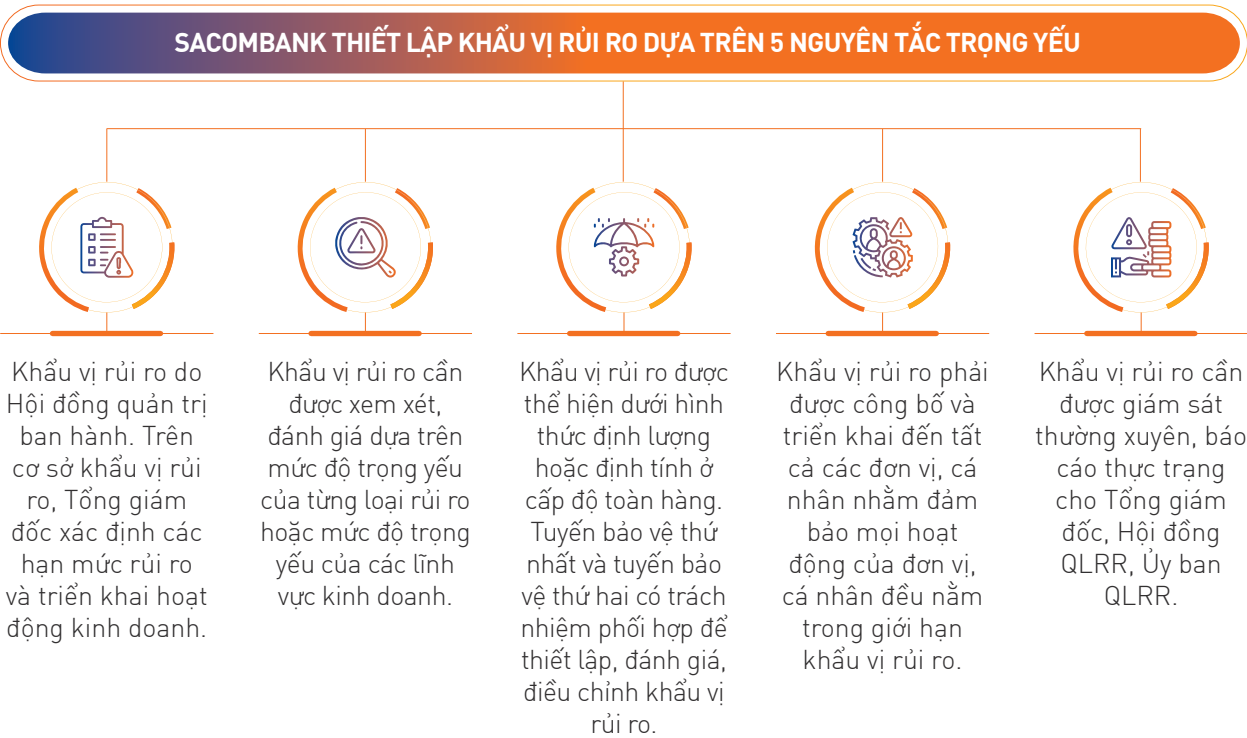
# QUẢN TRỊ RỦI RO HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO

Hệ thống Quản lý rủi ro (QLRR) tại Sacombank được xây dựng theo phương châm: trách nhiệm quản lý rủi ro là trách nhiệm của tất cả CBNV tham gia trực tiếp, gián tiếp vào từng hoạt động của Ngân hàng.



## KHẨU VỊ RỦI RO



## TIỀN PHONG TRIỂN KHAI HỆ THỐNG QUẢN LÝ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI (ESMS) THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

01

Quy trình ESMS hiện tại: Hệ thống ESMS nâng cao áp dụng từ năm 2012 đối với hoạt động cấp tín dụng tại Sacombank.

02

Mở rộng phạm vi áp dụng của ESMS đối với các hoạt động khác có liên quan của Sacombank.

03

Hướng các hoạt động trọng yếu (cấp tín dụng, đầu tư...) của Sacombank đến tài chính xanh.

## QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TẠI SACOMBANK

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xây dựng tầm nhìn phát triển bền vững cho Sacombank, xác định khẩu vị rủi ro ESMS, phê duyệt Quy trình môi trường và xã hội.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt Quy trình thẩm định tác động đến môi trường và xã hội của Sacombank.

NHÓM ESMS

Soạn thảo và giám sát việc triển khai Chính sách, quy trình môi trường và xã hội, có ý kiến đối với các giao dịch có rủi ro môi trường và xã hội Trung bình/Cao; lập báo cáo liên quan.

PHÒNG PHÁP LÝ

Bổ sung các cam kết của khách hàng về môi trường và xã hội vào Hợp đồng tín dụng.

TUYẾN BẢO VỆ THỨ 1

Chuyên viên Quan hệ khách hàng, Chuyên viên Thẩm định.

TUYẾN BẢO VỆ THỨ 2

Cấp có thẩm quyền phán quyết cấp tín dụng.

TUYẾN BẢO VỆ THỨ 3

Kiểm toán nội bộ.

## GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là những đối tác quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của Sacombank. Những tham vấn, phản hồi từ các bên liên quan chính là kim chỉ nam để Ngân hàng tiếp thu và cải thiện hoạt động phát triển bền vững xuyên suốt của ngân hàng.

Sacombank xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của Ngân hàng đến Bên liên quan hoặc những cá nhân, tổ chức có mối quan tâm và sức ảnh hưởng đến các hoạt động của Ngân hàng.

Mối quan hệ gắn kết giữa Sacombank và các Bên liên quan được xây dựng dựa trên sự tin cậy và tính minh bạch, cùng nhau đồng hành và thúc đẩy hoạt động phát triển bền vững xuyên suốt của Ngân hàng trong chiến lược kinh doanh, các vấn đề về phát triển, nâng cao chất lượng nhân sự, quyền con người, đào tạo, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng xã hội cũng như bảo vệ môi trường...

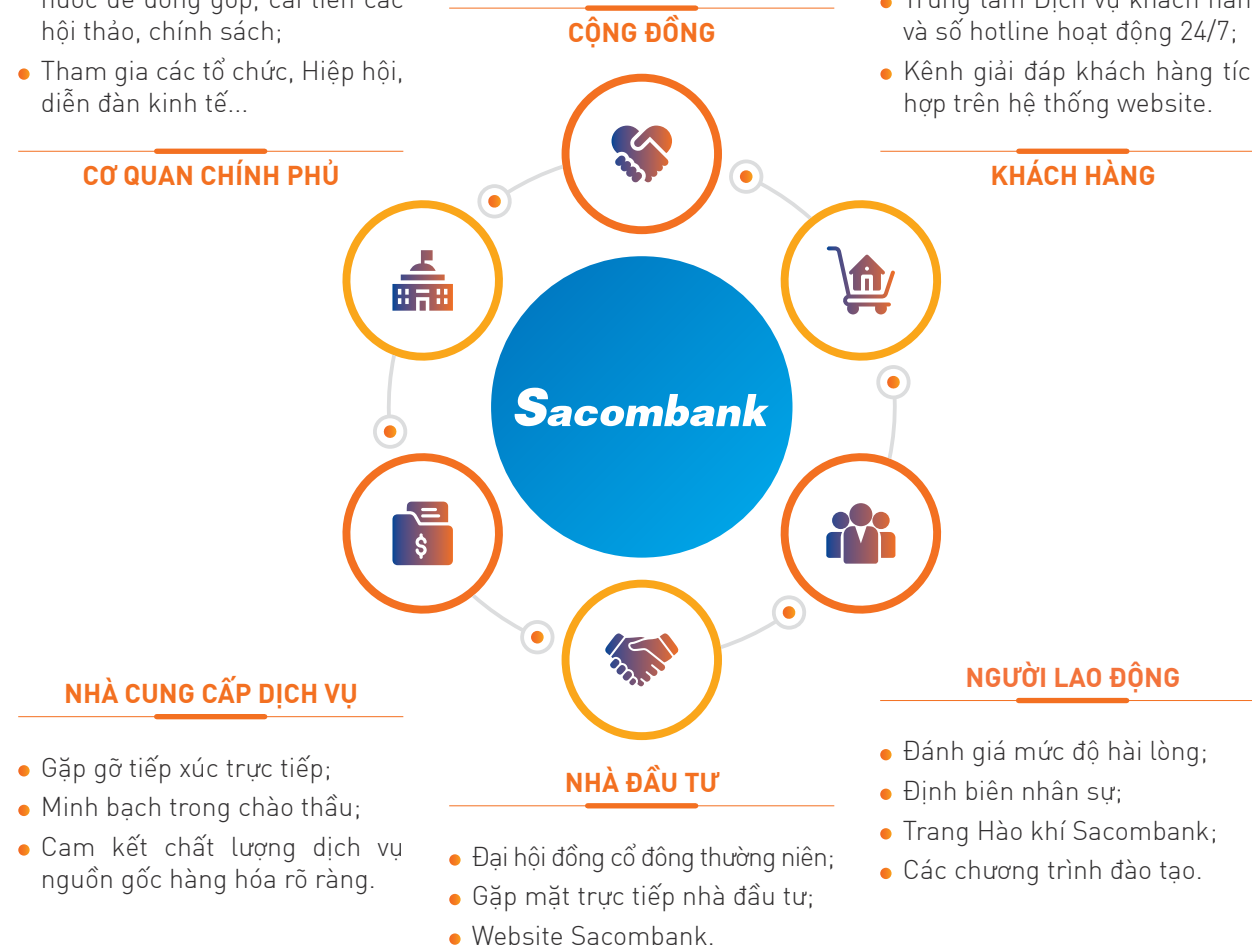
## CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU CỦA SACOMBANK

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, các Bộ/Ban/ Ngành tổ chức;
  - Đối thoại cùng các cơ quan Nhà nước để đóng góp, cải tiến các hội thảo, chính sách;
  - Tham gia các tổ chức, Hiệp hội, diễn đàn kinh tế...
  - Làm việc với Cơ quan chính quyền địa phương, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người dân địa phương.

---

**CỘNG ĐỒNG**

  - Đội ngũ chuyên viên tư vấn, giao dịch viên trực tiếp tiếp xúc với khách hàng;
  - Trung tâm Dịch vụ khách hàng và số hotline hoạt động 24/7;
  - Kênh giải đáp khách hàng tích hợp trên hệ thống website.



## XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU



SACOMBANK XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TRÊN NGUYÊN TẮC HÀI HÒA LỢI ÍCH CỦA NGÂN HÀNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU, GẮN LIỀN VỚI 3 TIÊU CHUẨN:

# 01 KINH TẾ

## 02 MÔI TRƯỜNG

### 03 XÃ HỘI

## QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TẠI SACOMBANK

## BƯỚC 1

Xác định các vấn đề  
Sacombank và các  
bên liên quan quan  
tâm nhiều nhất

## BƯỚC 2

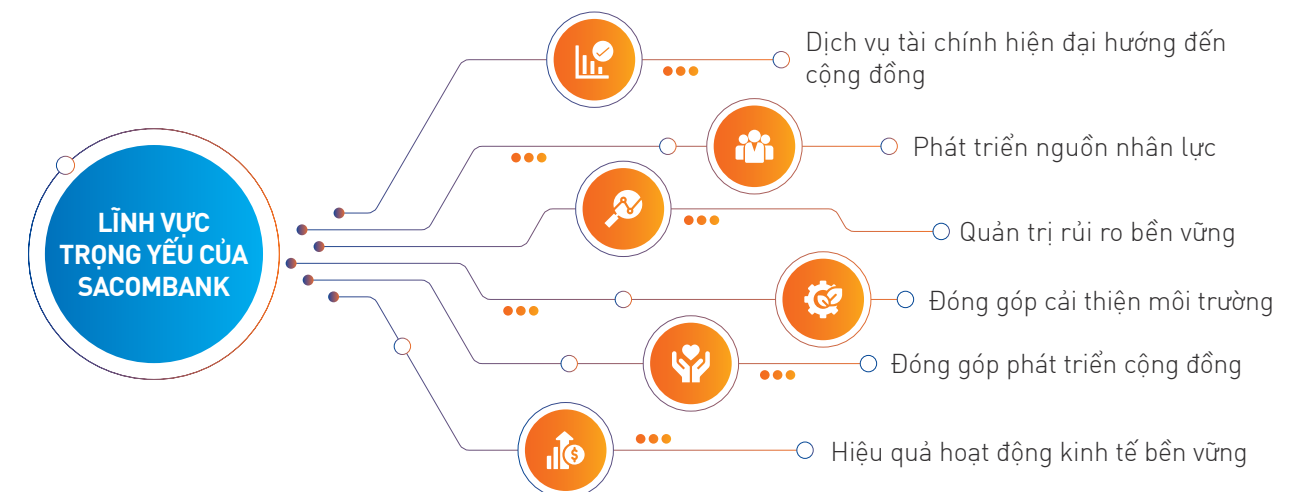
Phân tích mức độ  
tác động đối với  
Sacombank

### BƯỚC 3

## Phân tích phạm vi tác động đối với Sacombank

## BƯỚC 4

## Xác định và tuyên bố lĩnh vực trọng yếu của Sacombank





# CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM 2021

Kết thúc năm 2021, tất cả các mảng kinh doanh của Ngân hàng đều tiếp đà tăng trưởng; quy mô tổng tài sản đạt hơn 521.100 tỷ đồng, chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện với tài sản có sinh lời tăng 8,9%. Song song đó, cân đối cơ cấu doanh thu, giảm phụ thuộc vào hoạt động tín dụng, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Tái cơ cấu, doanh thu đạt gần 38.000 tỷ đồng. Đặc biệt, Sacombank tự hào thuộc top đầu trong khối các ngân hàng TMCP có quy mô thu dịch vụ cao nhất (tương đương 6.431 tỷ đồng/năm).



## SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

### CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### CHÍNH SÁCH LƯƠNG

1. Dựa trên năng lực, trình độ mà không có sự phân biệt nào liên quan đến chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, nguồn gốc dân tộc.
2. Trả lương theo bậc lương (trong vùng giới hạn) đối với từng chức danh vị trí.
3. Việc điều chỉnh lương hằng năm dựa trên kết quả hoạt động và mặt bằng lương của thị trường lao động trong cùng ngành nghề. Sacombank nỗ lực xây dựng chế độ lương và phúc lợi cạnh tranh nhằm giữ chân được nhân tài cũng như thu hút nguồn lao động từ bên ngoài.

#### CƠ CẤU TIỀN LƯƠNG

1. Lương cơ bản theo bậc lương.
2. Trợ cấp lương.
3. Phụ cấp lương (tùy theo chức danh tương ứng với mỗi loại phụ cấp).
4. Hệ số khu vực hưởng lương (đối với Chi nhánh nước ngoài).
5. Lương theo hiệu quả kinh doanh (tùy theo chức danh công việc và thực hiện kế hoạch kinh doanh vượt chỉ tiêu).
6. Thu nhập bình quân CBNV Sacombank trong 5 năm gần nhất là 21 triệu đồng/CBNV/tháng.



# CÁC TIÊU CHUẨN KINH TẾ (Tiếp theo)

## TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP

### Sacombank hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển kinh doanh

Ngay từ đầu năm 2021, Sacombank thực hiện giảm lãi suất lên đến 1%/năm cho tất cả khách hàng doanh nghiệp chịu tác động của dịch Covid-19... đồng thời tiếp tục ưu đãi, miễn phí dịch vụ, cơ cấu nợ và điều chỉnh giảm khung lãi suất cho vay. Với sứ mệnh đồng hành cùng khách hàng trong quá trình phát triển, luôn thấu hiểu, quan tâm và chia sẻ những khó khăn của khách hàng, Sacombank là ngân hàng đầu tiên công bố giảm lãi suất cho vay, là một trong những đơn vị phản ứng nhanh khi liên tục đưa ra các giải pháp và chương trình thiết thực cùng khách hàng vượt qua khủng hoảng.



### Thông lệ mua sắm

Hàng năm, Sacombank đều tiến hành triển khai đánh giá nhà cung cấp dựa trên các tiêu chí: chất lượng, khả năng cung cấp, thời gian giao hàng, bảo hành... Việc đánh giá định kỳ này sẽ giúp Sacombank lựa chọn được nhà cung cấp tối ưu, đảm bảo không vi phạm sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào và xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh,

### Hoạt động chống tham nhũng

Nhận thức tầm quan trọng của hệ thống ngân hàng là kênh luân chuyển dòng vốn đầu tư trong nền kinh tế, nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động sâu rộng đến tình hình an ninh tiền tệ quốc gia, trong đó có rủi ro về mặt con người. Ngân hàng cũng là một kênh thường bị các đối tượng hướng tới để thực hiện hành vi rửa tiền cho tội phạm tham nhũng. Do đó, bên cạnh mục tiêu chiến lược thực hiện thành công

### TRONG NĂM 2021, SACOMBANK ĐÃ DÀNH

30.000  
TỶ ĐỒNG

Tiếp sức kinh doanh, vững vàng chống dịch với lãi suất ưu đãi từ 4%/năm đồng hành cùng doanh nghiệp xuất khẩu và hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn do dịch Covid-19. Tham gia chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp và Bình ổn thị trường do Ngân hàng Nhà nước phát động từ năm 2012 đến nay, Sacombank đã dành hơn 20.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi doanh nghiệp trên cả nước.

Bên cạnh việc hỗ trợ các nguồn vốn ưu đãi, Sacombank còn triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại như mở tài khoản, chuyển tiền quốc tế, phát hành LC trực tuyến, đăng ký vay vốn online 24/7... nhằm giúp doanh nghiệp tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn vốn, gia tăng năng lực cạnh tranh và tính chủ động trong công tác quản lý tài chính.

thể hiện trách nhiệm đối với người lao động, các vấn đề về sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức...

Sacombank cũng hướng đến sử dụng các nguyên vật liệu bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn về môi trường xã hội ISO 14001 và ISO 9706 nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Để án Tái cơ cấu và phát triển kinh doanh, Sacombank đặc biệt quan tâm, thực hiện quyết liệt công tác quản trị rủi ro và phòng, chống tham nhũng. Trong năm 2021, Ngân hàng đã nghiêm túc thực hiện và báo cáo tới Cơ quan giám sát Ngân hàng 07 Báo cáo phòng chống tham nhũng; cụ thể Sacombank bao gồm các công ty con xác nhận không có sự vụ tham nhũng nào được ghi nhận.

## THÚC ĐẨY NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

### Dịch vụ tài chính hướng đến cộng đồng

Góp phần thay đổi phương thức mua sắm của người dân hướng đến mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các SPDV hiện đại:

- » Sacombank triển khai phương thức mở tài khoản thanh toán trực tuyến. Chỉ cần tải ứng dụng Sacombank Pay, định danh trực tuyến eKYC, khách hàng có thể tự chọn số tài khoản là ngày tháng năm sinh, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, số điện thoại, tự chọn 4 số cuối theo sở thích.
- » Với tài khoản vừa mở, khách hàng có thể thực hiện ngay các giao dịch: chuyển tiền trong ngoài hệ thống, qua số tài khoản, số thẻ, số điện thoại di động hoặc mã QR cá nhân; quét mã QR code để thanh toán khi mua sắm tại các cửa hàng; nạp tiền điện thoại online; thanh toán các loại hóa đơn điện, nước, học phí... mua sắm online qua VnShop, Loship giao đồ ăn nhanh, mua hộ vé số, đặt phòng khách sạn, mua vé máy bay, xe, tàu hỏa, vé xem phim, mua bảo hiểm... Tất cả dịch vụ này đều có thể thanh toán không dùng tiền mặt, giao dịch chủ động mọi lúc mọi nơi.
- » Sacombank ưu đãi, miễn phí tất cả các dịch vụ như: phí duy trì tài khoản, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, mua hàng online, thông báo giao dịch tự động qua Sacombank Pay.
- » Song song đó, Sacombank thường xuyên triển khai các chương trình khuyến mại để thu hút khách hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt như hoàn đến 30% khi thanh toán học phí online, hoàn tiền nạp card, tặng mã giảm giá khi mua sắm online, quay số trúng thưởng...

### Khởi thông tín dụng xanh

- » Theo Chỉ thị số 03/CT-NHNN, tín dụng xanh ban đầu được triển khai dưới dạng chương trình thí điểm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với tổng số tiền 2.000 tỷ đồng. Sacombank là Ngân hàng TMCP tiên phong triển khai chương trình này cùng với ba ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất của Việt Nam, gồm Vietcombank, BIDV và Agribank.
- » Sacombank đã và đang triển khai nguồn vốn lãi suất ưu đãi hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống mà không gây ảnh hưởng xấu hoặc có khả năng bảo vệ tài nguyên, môi trường, xã hội.
- » Sacombank đã dành 15.000 tỷ đồng cho vay lãi suất ưu đãi từ 5%/năm đối với doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xanh hoặc có quy trình hoạt động không gây ảnh hưởng, có khả năng bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- » Sacombank cũng dành 2.000 tỷ đồng cho vay lên đến 70% nhu cầu vốn đầu tư dự án điện mặt trời dành cho khách hàng doanh nghiệp tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với lãi suất từ 8,5%/năm. Doanh nghiệp còn được ân hạn thời gian trả lãi, vốn vay lên đến 6 tháng và có thể thế chấp chính hệ thống điện mặt trời làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.
- » Bên cạnh đó, Sacombank còn liên kết hợp tác với các Hiệp hội doanh nghiệp và tham gia nhiều buổi hội thảo chuyên ngành để gia tăng sự am hiểu về ngành nghề, mở rộng kênh tương tác để các gói nguồn vốn tín dụng xanh và SPDV ngân hàng hiện đại tiếp cận đến nhiều khách hàng doanh nghiệp hơn.



# CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG



HÀNG NĂM, SACOMBANK ĐỀU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỀ VIỆC TIÊU THỤ VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC NHẪM GIÁM SÁT CHẶT CHẼ CHI PHÍ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG. KHI CÓ SỰ THAY ĐỔI ĐỘT BIẾN, NGÂN HÀNG CÓ GIẢI TRÌNH ĐỂ ĐẢM BẢO NẮM RÕ ĐƯỢC NGUYÊN NHÂN VÀ KỊP THỜI KHẮC PHỤC.

ĐVT: triệu đồng			
STT	Hạng mục chi phí	2020	2021
1	Tiêu thụ điện	169.740	181.375
2	Xăng dầu	36.000	37.644
3	Công tác phí	20.703	11.480
4	Ghi giấy tờ in ấn	84.573	88.180
5	Công cụ lao động	105.974	79.767
6	Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	412.186	450.745

[\*] Số liệu cập nhật theo BCTC riêng năm 2021 đã kiểm toán

## Chung tay hướng tới mục tiêu Net-zero

Net-zero là đạt được sự cân bằng giữa lượng khí nhà kính phát thải vào khí quyển và lượng được hấp thụ tại một giai đoạn bất kỳ. Đến nay, có 137 quốc gia, đại diện cho 88% tổng lượng phát thải thế giới, gồm các nước phát thải lớn như Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ đã cam kết hoặc hướng tới mục tiêu net-zero. Tại Hội nghị COP26 2021, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đưa ra cam kết net-zero cho Việt Nam vào năm 2050.

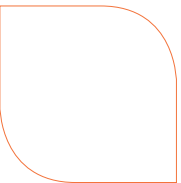
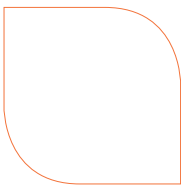
Nhằm bắt kịp mục tiêu chung của đất nước và thế giới, Sacombank đã nhanh chóng tìm hiểu và trang bị cho mình kiến thức về net-zero thông qua chương trình khảo sát nhu cầu nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực của ngành ngân hàng trong hoạt động cấp tín dụng hướng tới net-zero.



## Chiến dịch thi đua “Sacombank - Trụ sở xanh và sạch”

Trong năm 2021, nhằm nhắc nhở, khuyến khích các Đơn vị trong việc thường xuyên duy trì hình ảnh chuyên nghiệp, chèn chu và thân thiện với môi trường tại nơi làm việc, Sacombank đã phát động chiến dịch thi đua “Sacombank - Trụ sở xanh và sạch” và nhận được sự hưởng ứng tham gia từ tất cả các Đơn vị trên toàn hệ thống.

Kết quả sau 1 tháng phát động chiến dịch, 122/122 Đơn vị tham gia đạt chuẩn Thương hiệu - chuẩn Xây dựng cơ bản - chuẩn 5S - Mảng xanh công sở.



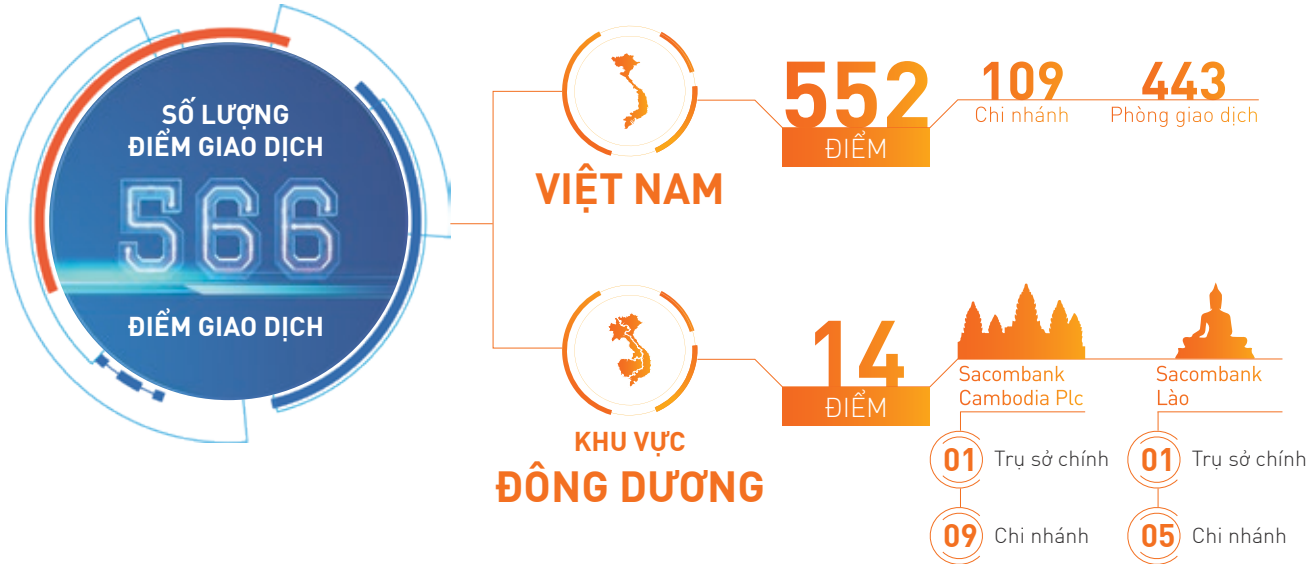


CÁC TIÊU CHUẨN XÃ HỘI

BIẾN ĐỘNG LAO ĐỘNG TRONG NĂM



Tính đến thời điểm 31/12/2021, Sacombank có tổng cộng 18.659 nhân sự, luôn duy trì sự ổn định trong cơ cấu tổ chức với tỷ lệ nghỉ việc bình quân 8%/ năm (thấp hơn so với thị trường 15% - nguồn Talentnet). Với định hướng chuyển dịch cơ cấu nhân sự theo hướng tăng nhân sự kinh doanh trực tiếp, ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa hoạt động quản lý, kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động, Sacombank đã kiểm soát tốt việc tuyển dụng nhân sự mới, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững.



VỚI SỨ MỆNH “ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI”, SACOMBANK MANG ĐẾN CÁC GIÁ TRỊ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP VỀ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ SACOMBANK TRÚ ĐÓNG. ĐẶC BIỆT, ĐỐI VỚI CBNV ĐANG CÔNG TÁC TẠI SACOMBANK, NGÂN HÀNG KHUYẾN KHÍCH CBNV CHUYỂN CÔNG TÁC VỀ ĐƠN VỊ NƠI CBNV CÓ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ HOẶC SINH SỐNG LÂU DÀI.

ĐẢM BẢO PHÚC LỢI BỀN VỮNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng Sacombank đã có những chính sách linh hoạt nhằm đảm bảo phúc lợi cho CBNV, giúp họ an tâm công tác như: đảm bảo thu nhập ổn định, chi hỗ trợ cho CBNV bị nhiễm Covid-19, hỗ trợ “Túi chăm sóc sức khỏe F0 tại nhà” cho CBNV và người thân CBNV bị nhiễm Covid-19...



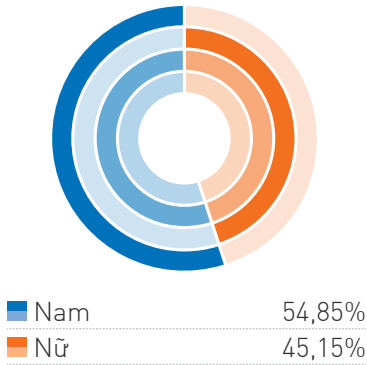


# SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

## TỶ LỆ PHẦN TRĂM CÁC CÁ NHÂN TRONG CẤP QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC

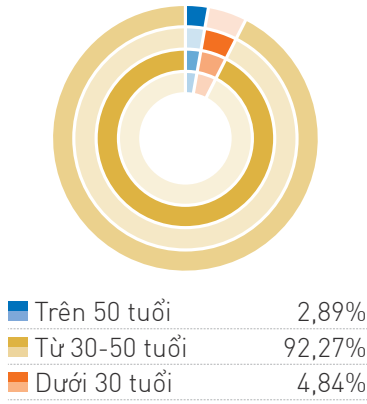
### GIỚI TÍNH

Tính đến thời điểm 31/12/2021, số lượng Cấp quản lý toàn Ngân hàng là 2.627 nhân sự. Trong đó có 1.441 cán bộ là nam giới (chiếm 54,85%) và 1.186 cán bộ là nữ giới (chiếm 45,15%) duy trì sự ổn định và đảm bảo bình đẳng giới tại Sacombank.



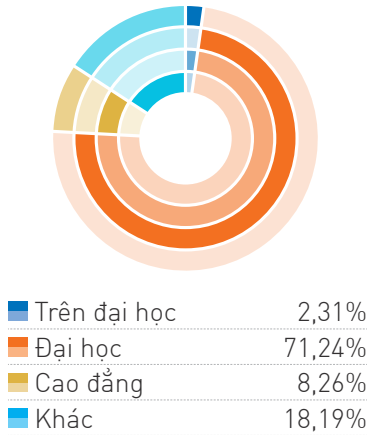
### NHÓM TUỔI

Về cơ cấu theo độ tuổi, tỷ lệ Cấp quản lý dưới 30 tuổi chiếm 4,83% thể hiện rõ tinh thần sức trẻ mà Sacombank đang hướng tới. Nhân sự có độ tuổi trung niên từ 30 đến 50 tuổi chiếm 92,27% giữ vai trò nòng cốt và nhân sự có độ tuổi từ 50 tuổi trở lên có thâm niên, kinh nghiệm và làm việc lâu năm tại Sacombank chiếm 2,89%.



### TRÌNH ĐỘ

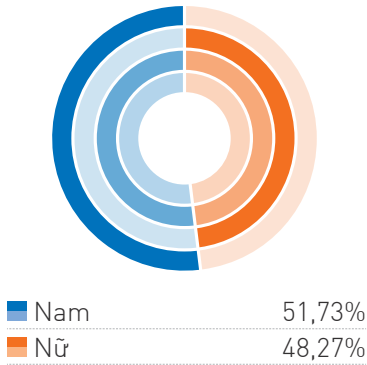
Với mục tiêu xây dựng và duy trì lực lượng Cấp quản lý có trình độ chuyên môn cao, Sacombank tiếp tục duy trì tỷ lệ Cấp quản lý có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao.



## TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN TRONG TỔ CHỨC (\*)

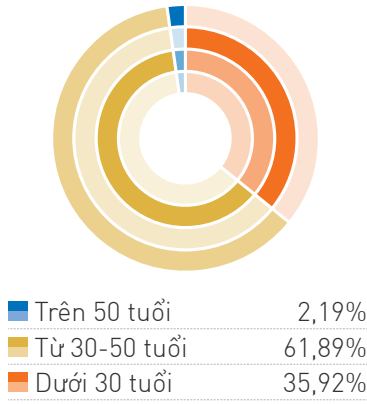
### GIỚI TÍNH

Thể hiện rõ sự quan tâm, đảm bảo bình đẳng giới tại Sacombank thông qua việc duy trì tỷ lệ nhân sự là nữ giới chiếm 51,73% và nhân sự là nam giới chiếm 48,27%.



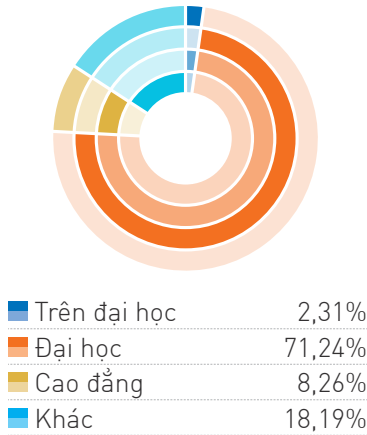
### NHÓM TUỔI

Về cơ cấu theo độ tuổi, tỷ lệ nhân sự dưới 30 tuổi chiếm 35,92%. Nhân sự có độ tuổi trung niên từ 30 đến 50 chiếm 61,89% và nhân sự có độ tuổi từ 50 tuổi trở lên chiếm 2,19%.



### TRÌNH ĐỘ

Với mục tiêu xây dựng và duy trì lực lượng cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, Sacombank tiếp tục duy trì tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao chiếm 73,55%.



(\*) Không bao gồm cấp quản lý

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

NĂM 2021, VỚI TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19 DIỄN BIẾN PHỨC TẠP, SACOMBANK ĐÃ CÓ NHỮNG CHÍNH SÁCH LINH HOẠT NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN SỨC KHỎE CHO CBNV; ĐỒNG THỜI ĐẢM BẢO THỰC HIỆN GIÃN CÁCH VÀ TUYÊN TRUYỀN THỰC HIỆN 5K THEO ĐÚNG CÁC CHỈ THỊ CỦA CHÍNH PHỦ.

- 1 Test nhanh mỗi đầu ca làm việc và hỗ trợ test PCR.
- 2 Thực hiện phương án 3C (3 tại chỗ).
- 3 Tổ chức cho toàn thể CBNV Sacombank và người thân CBNV Sacombank hoàn thành hai mũi tiêm vaccine phòng ngừa Covid-19 để hoạt động trở lại sau thời gian giãn cách xã hội nhằm tạo sự an tâm cho người lao động và gia đình.
- 4 Hỗ trợ chi phí điều trị Covid-19 cho CBNV và người thân.
- 5 Trao tặng “Túi chăm sóc sức khỏe F0 tại nhà”.



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRONG GIAI ĐOẠN GIÃN CÁCH XÃ HỘI, SACOMBANK ĐÃ LINH HOẠT ĐIỀU CHỈNH VÀ TRIỂN KHAI GẦN

1.000 NGÀY ĐÀO TẠO CBNV

VÀ ĐÁP ỨNG XUẤT SẮC KỶ VỌNG CỦA BAN LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG KHI TRỞ LẠI LÀM VIỆC TRONG BỐI CẢNH “ BÌNH THƯỜNG MỚI ”

Trước diễn biến phức tạp của tình hình Covid-19, Trung tâm Đào tạo (TTĐT) Sacombank đã nghiên cứu phát triển và đưa vào vận hành thành công các phương thức đào tạo khác nhau. Bên cạnh phương thức đào tạo tập trung, hai phương thức trực tuyến được sử dụng chủ yếu hiện nay tại Sacombank là Virtual Learning và E-learning. Với hai phương thức mới này, Sacombank đảm bảo mọi hoạt động đào tạo diễn ra bình thường, không bị gián đoạn trong tình hình giãn cách xã hội.

Virtual Learning và E-learning được xây dựng dựa trên nền tảng của Microsoft Office 365 và hệ thống

Moodle. Tùy vào tính chất và mức độ tương tác cần thiết của từng khóa học mà Sacombank sẽ lựa chọn hình thức phù hợp để triển khai.

CBNV TTĐT Sacombank thời điểm hiện tại đã được đào tạo đầy đủ về các ứng dụng phần mềm thiết kế, đủ năng lực sản xuất các tài liệu giáo trình E-learning. Tính đến thời điểm hiện tại, TTĐT đã ban hành hơn 60 giáo trình E-learning đào tạo Kỹ năng cho toàn hệ thống. Các giáo trình được triển khai theo hình thức Micro-Learning và triển khai học tập Online thuận tiện, dễ dàng đáp ứng nhu cầu học tập của CBNV trên toàn hệ thống.

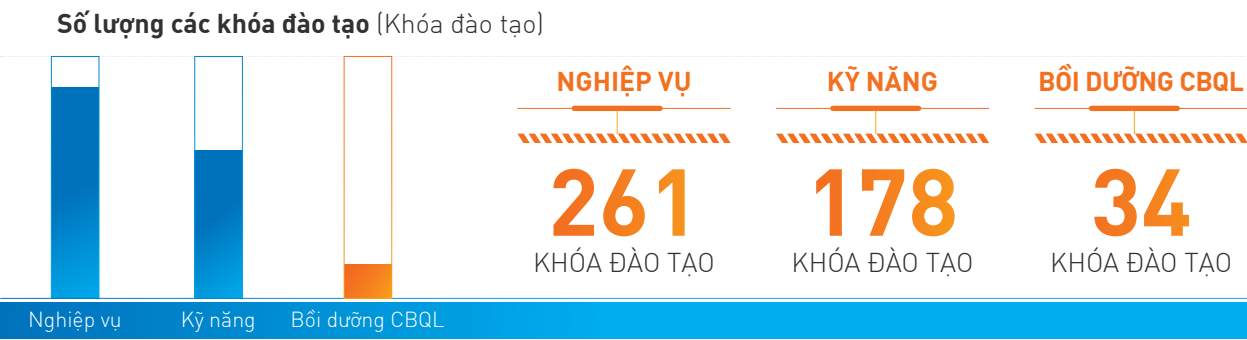
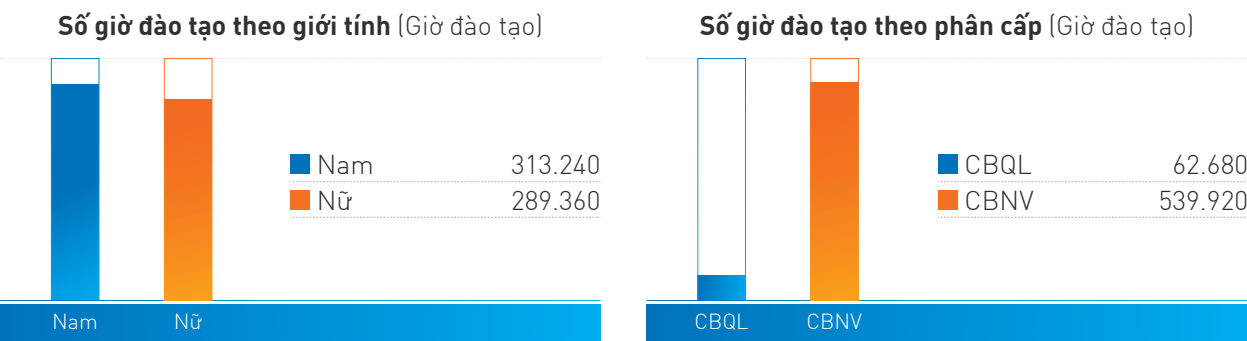




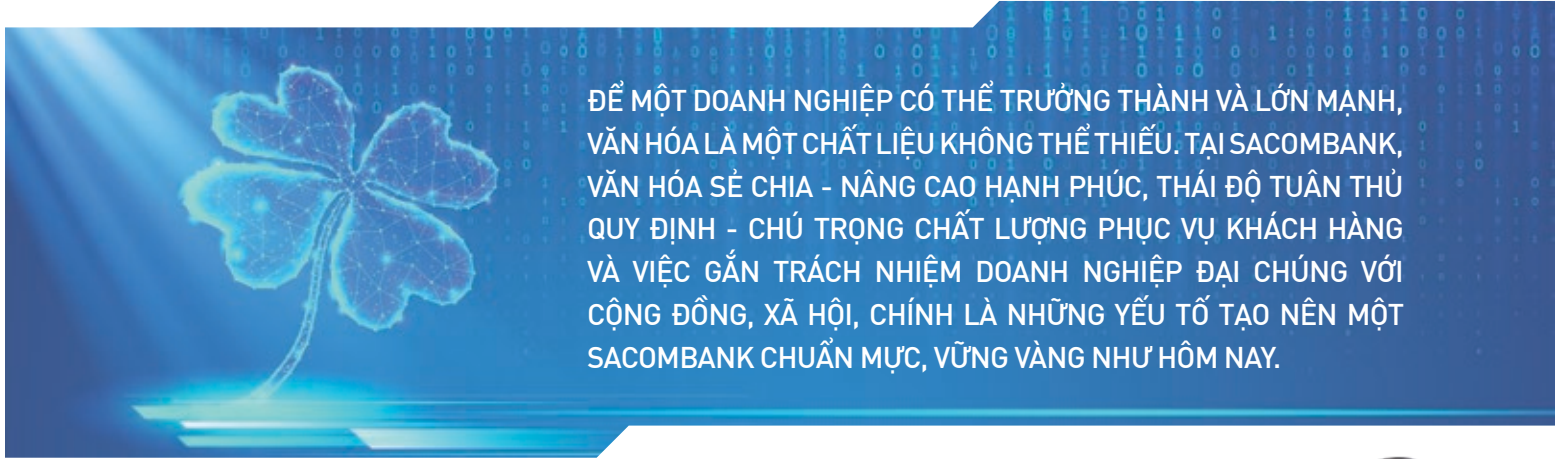
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (Tiếp theo)

Nhằm phát huy hiệu quả của loại hình đào tạo trực tuyến, TTĐT Sacombank cũng linh hoạt điều chỉnh cách thức triển khai chương trình:

- 1 Trong tất cả các chương trình đào tạo, học viên của Sacombank được yêu cầu nghiên cứu trước các nội dung bài giảng của giảng viên từ nhiều nguồn khác nhau trước khi tham gia các lớp học tại TTĐT.
- 2 CBQL tại Đơn vị và Giảng viên đóng vai trò là các nhân sự hướng dẫn trực tiếp, tương tác, giải đáp các vấn đề của học viên liên quan đến bài học.
- 3 Các nhóm học viên/cộng đồng học viên trên các nền tảng ứng dụng mạng xã hội, mạng Intranet, hệ thống cộng đồng học tập trực tuyến Sharepoint có thể trao đổi tương tác, đưa các ý kiến đa chiều, bình luận, phản biện các nội dung đào tạo... nhằm hiểu thêm về các vấn đề/khía cạnh của bài giảng.



ĐIỂM NHẤN VĂN HÓA SACOMBANK



Để một doanh nghiệp có thể trưởng thành và lớn mạnh, văn hóa là một chất liệu không thể thiếu. Tại Sacombank, văn hóa sẽ chia - nâng cao hạnh phúc, thái độ tuân thủ quy định - chú trọng chất lượng phục vụ khách hàng và việc gắn trách nhiệm doanh nghiệp đại chúng với cộng đồng, xã hội, chính là những yếu tố tạo nên một Sacombank chuẩn mực, vững vàng như hôm nay.

SẼ CHIA  
nâng cao hạnh phúc

Mỗi quản lý và nhân viên thường sẽ có cách suy nghĩ, nhìn nhận vấn đề khác nhau. Vì vậy, Sacombank đã xây dựng chuẩn mực riêng dựa trên nền tảng văn hóa chung để các cấp quản lý và nhân viên cùng thực hiện. Trong văn hóa Sacombank, cấp trên chia sẻ đến cấp dưới lộ trình phát triển cụ thể nhất, lãnh đạo chia sẻ với nhân viên các định hướng và chương trình đào tạo hiệu quả nhất để có thể hợp sức cùng nhau phát triển.

Trong một cuộc khảo sát gần đây, 76% CBNV Sacombank cho biết thấy rất hạnh phúc với môi trường làm việc tại Ngân hàng, trong đó nhiều chỉ số được đánh giá cao hơn hẳn so với mức trung bình ngành và thị trường (ở mức trung bình 65%).

Năng lực CBNV Sacombank cũng luôn được cải thiện rõ rệt qua các năm, tỷ lệ đạt chuẩn năng lực chuyên môn chức danh qua các năm 2017, 2018, 2020 lần lượt là 96%, 98% và 99%. Đến năm 2021, Sacombank ghi nhận tỷ lệ này chạm mốc 100%.



76% CBNV Sacombank cho biết thấy rất hạnh phúc với môi trường làm việc tại Ngân hàng

Với Sacombank, những trải nghiệm trong 30 năm qua cùng với chiến lược quản trị nguồn nhân lực tiên tiến theo từng thời kỳ đã giúp Ngân hàng phát triển đội ngũ nhân sự theo phương hướng đầy hiệu quả. Cho đến nay, lợi nhuận toàn hàng đã trở lại con số nghìn tỷ đồng, trong đó năng suất lợi nhuận trên CBNV cũng tăng gần 42 lần so với năm 2016 (năm đầu tiên sau sáp nhập). Mới đây, giải thưởng “Môi trường làm việc tốt nhất châu Á 2021” từ Tạp chí HR Asia cũng chính là minh chứng sống động cho những nỗ lực bền bỉ của Sacombank trên mặt trận con người.

ĐIỂM NHẤN VĂN HÓA SACOMBANK (Tiếp theo)

TUÂN THỦ quy định chú trọng chất lượng

Thừa hưởng những giá trị đạo đức tốt đẹp từ các thế hệ đi trước, Sacombank luôn luôn là tập thể sống và làm việc có kỷ cương. Với tâm sáng, người Sacombank luôn tận tâm trong công việc; chủ động phối hợp với đồng nghiệp và cập nhật kiến thức không ngừng nhằm nâng cao năng lực bản thân, hướng đến phục vụ khách hàng với các giá trị tốt nhất.

Năm vừa qua, đối mặt với những ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, người Sacombank luôn giữ vững niềm tin, tinh thần tích cực, sự kiên trì, nỗ lực

vượt qua những khó khăn để hỗ trợ và đồng hành cùng khách hàng, cũng như phấn đấu hoàn thành các kế hoạch đề ra.

Qua đó, giá trị của thương hiệu Sacombank không chỉ đến từ kết quả kinh doanh, tính tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực quốc tế, năng lực tài chính, uy tín truyền thông, mà còn là mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cũng như sự sáng tạo của hệ SPDV... Với sự định hướng xây dựng văn hóa thương hiệu ngay từ đầu đã giúp Sacombank đi đúng hướng cho đến ngày nay. Trong lòng công chúng, có lẽ Sacombank luôn được nhớ đến như một thương hiệu luôn giữ vững hình ảnh thân thiện và luôn nỗ lực tạo ra nhiều giá trị tốt đẹp cho khách hàng, chính những nỗ lực không ngừng tiên phong và đổi mới đã giúp Sacombank đem đến trải nghiệm ngày một thăng hoa cho khách hàng.

Luôn ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM DOANH NGHIỆP ĐẠI CHÚNG

Trong một lần phát biểu với báo chí, bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Tổng giám đốc Sacombank đã chia sẻ

*Tính “đại chúng” ở Sacombank không chỉ là chuyện minh bạch trong hoạt động với khách hàng và nhà đầu tư, mà còn là chất lượng thương hiệu xây dựng thành công trong lòng mọi người. Nỗ lực xây dựng hình ảnh “ngân hàng đại chúng” ở đây cũng đồng nghĩa với sự cam kết và trách nhiệm của Ngân hàng với cộng đồng, xã hội.*

*Điều quan trọng là phải giữ uy tín trong mọi cam kết của mình, từ chất lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn hảo, từ cách tương tác thân thiện, gần gũi, từ thông tin chính xác về thương hiệu mà khách hàng nhận được mỗi ngày cho đến phương án kiểm soát rủi ro, những chiến lược phát triển nhạy bén trong tương lai... Phải lấy tâm mà đối đãi, tất cả đều phải luôn chìn chu hết mức có thể.*

Từ những chia sẻ đó, có thể thấy, Sacombank luôn là doanh nghiệp đại chúng bền bỉ trong việc chia sẻ những giá trị thiết thực và nhân văn, đặc biệt trong dịch bệnh Covid-19.

Những năm gần đây, với chương trình đi bộ/chạy bộ trực tuyến “Những bước chân vì cộng đồng” do Sacombank phối hợp với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức, riêng năm 2020, đã thu hút được hơn 75.000 vận động viên tham dự và gây quỹ được 3 tỷ đồng. Trong đó, Ngân hàng đã dành 1 tỷ đồng của quỹ và trao tặng thêm 30 triệu đồng để xây dựng, mua sắm trang thiết bị cho Nhà văn hóa cộng đồng cho dân tộc Lự tại xã Bản Hòn, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục hoàn thành các nhà văn hóa cộng đồng cho dân tộc Chứt tại Quảng Bình, dân tộc Lô Lô tại Cao Bằng và dân tộc Cờ Lao tại Hà Giang, cũng như triển khai thêm 5 chặng chương trình trong năm 2022.

Có thể thấy, tại Sacombank, sự nhất quán trong văn hóa đã giúp Ngân hàng luôn giữ hình ảnh đẹp trong mắt cộng đồng. Văn hóa sẻ chia của Sacombank không chỉ có tác dụng thúc đẩy toàn Ngân hàng thực hiện được phương châm “Khách hàng là trọng tâm, nhân sự là nòng cốt”, mà còn tăng cường năng lực phát triển sản phẩm và khả năng đoàn kết đồng tâm hiệp lực, tạo thêm giá trị cho tập thể và cho mỗi cá nhân.



Sacombank đồng hành cùng chương trình đi bộ/chạy bộ trực tuyến “Những bước chân vì cộng đồng”





30 NĂM SACOMBANK - 30 NĂM NGƯỜI SACOMBANK CÙNG LAN TỎA YÊU THƯƠNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI BẰNG NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ Ý NGHĨA, THIẾT THỰC.

## Những GIÁ TRỊ ĐƯỢC SẺ CHIA

*Đủ nắng, cây sẽ đơm hoa, kết trái và tỏa bóng cho đời. Chúng tôi trân trọng những trải nghiệm quý giá - nơi giá trị mỗi cá nhân hòa vào sức mạnh của một tập thể vững vàng và trách nhiệm.*

Tại Sacombank chúng tôi hiểu rằng, sự thành công của doanh nghiệp luôn song hành với lợi ích gia tăng của khách hàng, cộng đồng và xã hội. Vì thế, ngay từ những năm đầu hoạt động, Sacombank đã khởi động và duy trì thành công nhiều chương trình thường niên hướng đến cộng đồng như Quỹ học bổng "Sacombank - Ươm mầm cho những ước mơ", giải việt dã "Cùng Sacombank chạy vì sức khỏe cộng đồng", chương trình từ thiện "Ấm tình mùa Xuân". Những năm gần đây, Ngân hàng còn triển khai thêm các chương trình như Hiến máu nhân đạo "Chia sẻ từ trái tim", "Những bước chân vì cộng đồng" xây nhà cho đồng bào dân tộc ít người...

Rất nhiều chương trình trong số đó đã trở thành dấu ấn, bản sắc của Sacombank. Chúng tôi kỳ vọng thông qua những hoạt động ý nghĩa này, có thể góp phần tô đậm thêm truyền thống dân tộc, lan tỏa tinh thần tương thân tương ái, đem lại những giá trị thiết thực cho cộng đồng.

Sự sẻ chia sẽ khiến những điều tốt đẹp được nhân lên. Khi bàn tay nắm lấy bàn tay, hơi ấm sẽ được lan tỏa và nụ cười trở nên giòn tan. Những nỗ lực của Sacombank vẫn còn rất nhỏ bé so với những mất mát mà biết bao mảnh đời ngoài kia phải chịu đựng. Nhưng đội ngũ Ngân hàng hy vọng chút đóng góp ấy sẽ góp phần xoa dịu những tháng ngày đằng đẵng phía trước của những số phận kém may mắn.



### Chú thích ảnh

1. Lan tỏa yêu thương tại chương trình "Ấm tình mùa Xuân" trên cả nước.
2. Giải việt dã "Cùng Sacombank chạy vì sức khỏe cộng đồng".
3. Quỹ học bổng "Sacombank - Ươm mầm cho những ước mơ".
4. Chương trình hiến máu nhân đạo "Chia sẻ từ trái tim".
5. Tặng xe đạp cho các em học sinh trường tiểu học Bình Minh (Quảng Ngãi) bị ảnh hưởng bởi bão lũ.
6. Nhà văn hóa cộng đồng dân tộc Lạc.



Lan **HẠNH PHÚC**  
tỏa **YÊU THƯƠNG**

Dịch Covid-19 bùng phát từ cuối năm 2019 đến nay càng cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa phát triển bền vững với tăng trưởng kinh tế. Nhận thức rõ điều này, Sacombank đầu tư nhiều hơn và có chiều sâu hơn vào các hoạt động kiến tạo nên giá trị chung cho cộng đồng.

Bên cạnh việc dành chi phí hàng trăm tỷ đồng để chung tay cùng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các ban ngành, tổ chức trên cả nước phòng chống, khắc phục hậu quả dịch bệnh, Sacombank còn hưởng ứng chương trình “Sài Gòn thương nhau” thông qua việc cùng Sở Y tế TP.HCM phân phối hơn 20.000 “Túi chăm sóc sức khỏe F0 tại nhà” ở các quận, huyện. Đồng hành cùng chương trình “Nối vòng tay thương” được phát động bởi Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản TP.HCM, Sacombank bảo trợ cho 100 em nhỏ mồ côi do dịch Covid-19 trên toàn quốc mức kinh phí 500.000 đồng/tháng từ nay đến năm 18 tuổi.

Thực tế, mức độ tăng trưởng dài hạn của doanh nghiệp không đơn thuần nằm ở việc tăng quy mô hay giá trị tài sản mà còn được đo bằng phương thức sản xuất, trách nhiệm với người lao động, với cộng đồng, xã hội và môi trường. Đây chính là tiền đề giúp Sacombank lựa chọn các bước đi tương lai trên con đường hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng kỳ vọng của cán bộ nhân viên - khách hàng - nhà đầu tư - cổ đông - cộng đồng và xã hội.




**Hành trình**  
đưa túi **Chăm Sóc**  
**Sức Khỏe F0** tại nhà  
khu vực TP.HCM

**ĐẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ**

**ĐẾN CÁC F0 TRONG CỘNG ĐỒNG**



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2021



NĂM 2021, SACOMBANK ĐÃ DÀNH HƠN 375 TỶ ĐỒNG ỦNG HỘ CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DỊCH COVID-19 VÀ CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI THEO PHÁT ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÙNG NHƯ THIẾT THỰC ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC TỔ CHỨC NHƯ ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC, ỦY BAN NHÂN DÂN, BỘ/SỞ Y TẾ, BỘ/SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, HỘI DOANH NHÂN TRẺ VIỆT NAM, HỘI CHỮ THẬP ĐỎ, CÁC QUỸ... TRÊN CẢ NƯỚC.

331

TỶ ĐỒNG

Hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả dịch Covid-19





11

TỶ ĐỒNG

Quỹ vắc xin phòng Covid-19 của Chính phủ.

2

TỶ ĐỒNG

Dự án Mặt trời hy vọng góp phần hỗ trợ chi phí điều trị ung thư cho trẻ em Việt Nam có hoàn cảnh khó khăn.



7

TỶ ĐỒNG

Tổ chức chương trình “Ấm tình mùa Xuân lần thứ 19 - Nhâm Dần 2022 tại 52 tỉnh thành trên cả nước.



10

TỶ ĐỒNG

Chương trình “Sống và máy tính cho em” theo lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ.





HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NĂM 2021 (Tiếp theo)

2

TỶ ĐỒNG

Quỹ “Vì người nghèo” của TP.HCM để chăm lo Tết cho các hộ nghèo.

400

ĐƠN VỊ MÁU

Đồng hành cùng chương trình “ATM Hiến máu cứu người” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam phối hợp với Bệnh viện Truyền máu Huyết học TP.HCM tổ chức.

4

TỶ ĐỒNG

Chương trình “Nối vòng tay thương” bảo trợ cho 100 em nhỏ mồ côi do dịch Covid-19 đến năm 18 tuổi.

HƠN 20.000

TÚI

Chăm sóc sức khỏe F0 tại nhà ở các quận, huyện TP.HCM.





# Vững vàng **LAN TOẢ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 111/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 9 tháng 11 năm 2018 thay thế Giấy phép số 0006/NH-GP đã cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0301103908 cấp ngày 13 tháng 1 năm 1992 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 1991.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam đã chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản và nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam kể từ ngày sáp nhập.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán; tham gia thị trường tiền tệ; tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; đại lý bảo hiểm; môi giới tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ chín (109) chi nhánh, bốn trăm bốn mươi ba (443) phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Văn Phong	Phó Chủ tịch thường trực	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Minh Triết	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Lê Văn Tòng	Thành viên không chuyên trách	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	157-158
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	159
Báo cáo kiểm toán độc lập	160-161
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	162-164
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	165
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	166-167
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	168-251



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2007
Ông Đào Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2007
Bà Quách Thanh Ngọc Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2010
Ông Bùi Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Phan Đình Tuệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Hà Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Bá Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2012
Ông Hồ Doãn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Võ Anh Nhuệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Hà Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2012
Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Văn Ron	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2017
Ông Huỳnh Thanh Giang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2012

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số tham chiếu: 60857352/22721073-HN

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) và các công ty con, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 162 đến trang 251, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3.4 - “Chính sách kế toán đối với các khoản mục theo Đề án tái cơ cấu được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt”, Ngân hàng đã ghi nhận, đánh giá và trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo các kiến nghị tại Đề án tái cơ cấu, báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu của Ngân hàng và các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Tiến Dũng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1



	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	5	8.222.365	7.678.553
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	12.169.867	10.052.590
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		8.353.579	18.397.370
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	7.678.393	17.643.777
Cho vay các TCTD khác	7.2	675.186	753.593
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	-	19.677
Cho vay khách hàng		381.012.317	334.854.576
Cho vay khách hàng	9	387.929.596	340.268.127
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	[6.917.279]	[5.413.551]
Hoạt động mua nợ	10	188.770	301.515
Mua nợ		285.967	303.915
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		[97.197]	[2.400]
Chứng khoán đầu tư		69.666.929	75.156.127
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	34.048.080	52.227.759
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	41.650.354	27.322.052
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	[6.031.505]	[4.393.684]
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	88.968	124.593
Đầu tư dài hạn khác		97.014	257.764
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		[8.046]	[133.171]
Tài sản cố định		8.195.276	8.575.424
Tài sản cố định hữu hình	14.1	4.518.674	4.746.484
Nguyên giá tài sản cố định		7.867.653	7.786.883
Khấu hao tài sản cố định		[3.348.979]	[3.040.399]
Tài sản cố định vô hình	14.2	3.676.602	3.828.940
Nguyên giá tài sản cố định		5.156.973	5.097.754
Hao mòn tài sản cố định		[1.480.371]	[1.268.814]
Tài sản Có khác		33.219.052	37.355.604
Các khoản phải thu	15.1	24.874.964	21.277.371
Các khoản lãi, phí phải thu	15.2	9.951.216	17.499.865
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.2	405.006	450.454
Tài sản Có khác	15.3	1.064.288	1.211.021
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15.4	[3.076.422]	[3.083.107]
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>521.117.123</b>	<b>492.516.029</b>

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16	522.745	143.528
Tiền gửi và vay các TCTD khác		15.229.099	7.880.006
Tiền gửi của các TCTD khác	17.1	9.191.147	3.988.377
Vay các TCTD khác	17.2	6.037.952	3.891.629
Tiền gửi của khách hàng	18	427.386.772	427.971.850
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	108.003	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	278.940	229.445
Phát hành giấy tờ có giá	20	21.103.779	11.144.140
Các khoản nợ khác		22.226.449	16.190.818
Các khoản lãi, phí phải trả	21.1	5.883.564	6.923.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	22.2	28.418	25.543
Các khoản phải trả và công nợ khác	21.2	16.314.467	9.241.354
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>486.855.787</b>	<b>463.559.787</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn		20.601.582	18.166.632
Vốn điều lệ		18.852.157	18.852.157
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		1.121	1.121
Thặng dư vốn cổ phần		1.747.651	63.612
Cổ phiếu quỹ		-	[750.911]
Vốn khác		653	653
Các quỹ dự trữ		3.715.274	3.336.508
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		37.363	149.483
Lợi nhuận chưa phân phối		9.907.117	7.303.619
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	23.1	<b>34.261.336</b>	<b>28.956.242</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>521.117.123</b>	<b>492.516.029</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		41.500	42.188
Cam kết giao dịch hối đoái		87.020.333	56.106.551
- Cam kết mua ngoại tệ		865.668	956.901
- Cam kết bán ngoại tệ		1.212.732	1.114.721
- Cam kết giao dịch hoán đổi		84.941.933	54.034.929
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		7.355.235	8.915.398
Bảo lãnh khác		10.809.132	9.844.655
Cam kết khác		325	1.257
36		105.226.525	74.910.049

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Lưu Văn Hòa  
Kế toán

Ông Huỳnh Thanh Giang  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	29.690.736	33.587.667
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(17.726.249)	(22.061.113)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>11.964.487</b>	<b>11.526.554</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6.430.648	5.476.812
Chi phí hoạt động dịch vụ		(2.088.129)	(1.732.797)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>27</b>	<b>4.342.519</b>	<b>3.744.015</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>28</b>	<b>737.093</b>	<b>809.739</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>29</b>	<b>163.664</b>	<b>94.043</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		865.198	1.181.223
Chi phí hoạt động khác		(408.092)	(57.491)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>30</b>	<b>457.106</b>	<b>1.123.732</b>
<b>Thu nhập/(chi phí) từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>31</b>	<b>39.448</b>	<b>(27.214)</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>17.704.317</b>	<b>17.270.869</b>
Chi phí cho nhân viên		(6.025.532)	(5.767.650)
Chi phí khấu hao và hao mòn		(639.448)	(582.947)
Chi phí hoạt động khác		(3.084.936)	(4.544.018)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>32</b>	<b>(9.749.916)</b>	<b>(10.894.615)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>7.954.401</b>	<b>6.376.254</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11	(3.554.375)	(3.036.974)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>4.400.026</b>	<b>3.339.280</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	(941.026)	(938.560)
(Chi phí)/Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.2	(47.504)	281.261
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(988.530)</b>	<b>(657.299)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>3.411.496</b>	<b>2.681.981</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>24</b>	<b>1.630</b>	<b>1.248</b>

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Lưu Văn Hòa  
Kế toán

Ông Huỳnh Thanh Giang  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		37.812.215	36.155.359
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(18.762.478)	(21.881.608)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		4.399.573	4.031.231
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		963.500	788.974
(Chi phí)/thu nhập khác		(92.513)	1.027.851
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	246.373	119.533
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(9.021.951)	(8.141.721)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	22	(1.374.291)	(703.187)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>		<b>14.170.428</b>	<b>11.396.432</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		<b>(47.431.674)</b>	<b>(43.917.225)</b>
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		78.407	(319.484)
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		3.304.346	670.063
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	4.788
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(47.697.765)	(44.113.553)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, phải thu khác		(278.925)	(418.534)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(2.837.737)	259.495
<b>Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động</b>		<b>21.381.863</b>	<b>35.507.499</b>
Tăng/(giảm) các khoản nợ NHNN Việt Nam		379.217	(98.011)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		6.947.072	4.329.124
(Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng		(585.078)	27.127.470
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		127.680	-
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		49.495	145.839
Tăng phát hành giấy tờ có giá		7.624.351	1.654.092
Tăng khác về nợ phải trả hoạt động		6.867.393	2.365.790
Chi từ các quỹ của Ngân hàng		(28.267)	(16.805)
<b>Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.879.383)</b>	<b>2.986.706</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định		(606.832)	(981.278)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		345.743	309.001
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		176.019	7.940
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		2.129	6.942
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(82.941)</b>	<b>(657.395)</b>

B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		2.495.286	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(159.998)	-
Cổ tức trả cho cổ đông	23.2	(89)	(371)
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		2.434.950	-
<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>4.770.149</b>	<b>(371)</b>
<b>Tiền thuần trong năm</b>		<b>(7.192.175)</b>	<b>2.328.940</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>33</b>	<b>35.374.920</b>	<b>33.096.040</b>
<b>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>		<b>(112.120)</b>	<b>(50.060)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>33</b>	<b>28.070.625</b>	<b>35.374.920</b>

Người lập:



Ông Lưu Văn Hòa  
Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Huỳnh Thanh Giang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 111/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 9 tháng 11 năm 2018 thay thế Giấy phép số 0006/NH-GP đã cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0301103908 cấp ngày 13 tháng 1 năm 1992 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 1991.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam đã chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản và nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam kể từ ngày sáp nhập.

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán; tham gia thị trường tiền tệ; tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; đại lý bảo hiểm; môi giới tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18.852.157 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 18.852.157 triệu đồng). Ngân hàng đã phát hành 1.885.215.716 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu của Ngân hàng đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Mạng lưới

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một trăm lẻ chín (109) chi nhánh, bốn trăm bốn mươi ba (443) phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có sáu (6) công ty con như sau:

Công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4104000053	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	65a/GP-NHNN	Huy động vốn và hoạt động cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH MTV Kiểu hối Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	0304242674	Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, đại lý đối ngoại tệ	100%
Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	0305584790	Bán lẻ vàng, bạc và bán đá quý, đồ trang sức; giám định thương mại; mua bán vàng, gia công sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ	100%
Ngân hàng Cổ phần hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia	N.27	Hoạt động ngân hàng	100%
Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào	15/NHNN	Hoạt động ngân hàng	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18.659 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 18.646 người).



2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng").

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam, Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym ngày 22 tháng 5 năm 2017 và văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín như được trình bày tại Thuyết minh 3.4 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3.4 Chính sách kế toán đối với các khoản mục theo Đề án tái cơ cấu được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với thời gian thực hiện đến hết năm 2025 và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym. Trong quá trình thực hiện Đề án, Ngân hàng định kỳ thực hiện báo cáo tiến độ triển khai, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có), đồng thời đề xuất các kiến nghị bổ sung tới Ngân hàng Nhà nước. Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Công văn số 1010/NHNN-TTGSNH hướng dẫn thực hiện các kiến nghị bổ sung của Ngân hàng tại báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Chính sách kế toán đối với các khoản mục theo Đề án tái cơ cấu được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt (tiếp theo)

Nội dung của Đề án tái cơ cấu, các kiến nghị và các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym, Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym và Công văn số 1010/NHNN-TTGSNH] là cơ sở ghi nhận, đánh giá và trình bày các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Nội dung tóm tắt các kiến nghị được phê duyệt như sau:

- » Lãi dự thu: cho phép Ngân hàng khoanh số lãi dự thu đã ghi nhận của các khoản nợ xấu và tài sản tồn đọng trên báo cáo tài chính của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và phân bổ dần số lãi và phí dự thu này vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (Thuyết minh 15.2);
- » Dự phòng rủi ro tín dụng: cho phép Ngân hàng thực hiện giải pháp trích lập và phân bổ dự phòng rủi ro tín dụng theo năng lực tài chính theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh 9.1 và 11.1);
- » Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành: cho phép Ngân hàng thực hiện việc trích lập dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo năng lực tài chính trong thời hạn trái phiếu VAMC (Thuyết minh 12.2);
- » Các tài sản tồn đọng, tài sản nhận cầm giữ: yêu cầu Ngân hàng xây dựng các biện pháp và lộ trình xử lý cụ thể, đảm bảo sớm xử lý dứt điểm các tài sản đã nhận cầm giữ nhằm thu hồi vốn cho Ngân hàng. Cho phép Ngân hàng được bán nợ và các tài sản tồn đọng cho các tổ chức, cá nhân theo giá thị trường, trường hợp giá bán nợ thấp hơn dư nợ gốc thì phần chênh lệch giữa giá bán và dư nợ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa là 5 năm kể từ thời điểm bán (Thuyết minh 15.1 và 15.3). Đối với các tài sản nhận cầm giữ nợ được đề cập tại kết luận thanh tra số 04/KLTT-TTGSNH.m, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và trả lời bằng văn bản riêng (Thuyết minh 15.4);
- » Các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần vượt 11% vốn điều lệ công ty được góp vốn và sở hữu chéo: chấp thuận lộ trình xử lý các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (Thuyết minh 12.1).

3.5 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.6 Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục như tăng cường cho vay khách hàng mới, thu hồi các khoản nợ đến hạn và nợ xấu, duy trì tiền gửi của các khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới, triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng triển khai thực hiện các phương án xử lý nợ và tái cấu trúc Ngân hàng theo các nội dung của Đề án sáp nhập và Đề án tái cơ cấu đã được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng tin tưởng rằng với việc thực hiện các biện pháp nêu trên thì Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, trừ thay đổi sau:

Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”).

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 11 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 thay thế cho Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 với các thay đổi chính bao gồm:

- » Sửa đổi quy định về thời điểm, trình tự phân loại, trích lập dự phòng rủi ro, theo đó, TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ kết quả điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng do CIC cung cấp để điều chỉnh số tiền trích lập dự phòng rủi ro của tháng cuối cùng của quý;
- » Sửa đổi quy định về cách xác định giá trị tài sản bảo đảm để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro;
- » Bổ sung các khoản không phải trích lập dự phòng chung, bao gồm các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh NHNNg khác trong nước phát hành và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID – 19.

NHNN ban hành Thông tư 03 ngày 2 tháng 4 năm 2021 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông tư 14 ngày 7 tháng 9 năm 2021 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 với các thay đổi chính bao gồm:

- » Sửa đổi, bổ sung điều kiện của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ;
- » Bổ sung quy định về việc trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại thông tư.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, kim loại quý và đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”), các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11.

Theo đó, Ngân hàng và các công ty con trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại và cho vay các TCTD khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (tiếp theo)

Theo Thông tư 11, Ngân hàng và các công ty con không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác.

4.4 Hoạt động mua nợ

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng và các công ty con mua nợ.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.5 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác

Ngân hàng và các công ty con áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 11 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi tại và cho vay cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm các trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”).

Ngân hàng và các công ty con thực hiện trích lập dự phòng chung theo Điều 13 của Thông tư 11 với mức bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 ngoại trừ các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Dự phòng cụ thể tại thời điểm cuối năm được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc  (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc  (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc  (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc  (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc  (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:  » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc  » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc  » Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.  (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc  (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	20%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng và các công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng và các công ty con.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp, Ngân hàng và các công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng và các công ty con đã áp dụng Thông tư 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19 và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19 thì Ngân hàng và các công ty con được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này và vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con áp dụng Thông tư 03/2021/TT-NHNN được NHNN ban hành ngày 2 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng và các công ty con được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 31/12/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	
Từ 23/01/2020 đến trước 10/6/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con áp dụng Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng và các công ty con được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại nợ theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng và các công ty con cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Ngân hàng và các công ty con trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí theo quy định tại Thông tư 03 theo công thức sau:  $C = A - B$

Trong đó:

- C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;
- A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11;
- B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11.

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung C được Ngân hàng và các công ty con thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- + Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Ngân hàng và các Công ty con đồng thời áp dụng các quy định về cơ cấu nợ nhằm hỗ trợ khách hàng ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 tại các nước sở tại.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 11, Ngân hàng và các công ty con thành lập Hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào Nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

4.7.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và các công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

4.7.1 Phân loại và ghi nhận (tiếp theo)

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

4.7.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán đầu tư được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng và các công ty con tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.7.3 Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng và các công ty con đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu chứng khoán này.

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng và các công ty con. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng và các công ty con tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (tiếp theo)

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng và các công ty con phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{[m]} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- »  $X_{[m]}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- »  $X_{m-1}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- » Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- » n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- » m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- »  $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp  $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể  $(X_{[m]})$  được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Việc trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành thuộc Đề án tái cơ cấu được thực hiện theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh 3.4).

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh 4.7.

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại (tiếp theo)

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Việc trích lập dự phòng cho các hợp đồng mua và cam kết bán lại thuộc Đề án tái cơ cấu được thực hiện theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh 3.4).

4.10 Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính thì Ngân hàng và các công ty con xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư theo quy định giống như các trường hợp của các khoản đầu tư khác dưới đây.

Theo đó, dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng  
cho từng khoản  
đầu tư

=

Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ  
thực góp (%) của Ngân  
hàng và các công ty con  
tại tổ chức kinh tế nhận  
vốn góp tại thời điểm  
trích lập dự phòng

x

Vốn đầu tư thực tế của  
các chủ sở hữu ở tổ  
chức kinh tế nhận vốn  
góp tại thời điểm trích  
lập dự phòng

-

Vốn chủ sở hữu của tổ  
chức kinh tế nhận vốn  
góp tại thời điểm trích  
lập dự phòng

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.12 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12.1 Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12.2 Tài sản cho thuê

Ngân hàng và các công ty con ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản phải thu về cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản phải thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê. Ngân hàng và các công ty con phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê cố định trên số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính.

Ngân hàng và các công ty con ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 5 năm

Đối với quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian thuê, thời gian sử dụng.

4.14 Các khoản phải thu

4.14.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản phải thu này được Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.14.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.15 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.16 Tiễn gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành giấy tờ có giá được ghi giảm số dư gốc của giấy tờ có giá. Ngân hàng và công ty con thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào “Chi phí lãi và các chi phí tương tự” theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng không chịu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con có thực hiện các hoạt động ủy thác quản lý giữ hộ tài sản. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và các công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng chịu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để thực hiện cho vay lại đối với khách hàng. Ngân hàng và các công ty con ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại khách hàng được thực hiện theo quy định của NHNN Việt Nam và được trình bày tại Thuyết minh 4.5 và 4.6.

4.19 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 11, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 11 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.20 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ (tiếp theo)

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã thu được ghi nhận như một khoản chi phí chờ phân bổ hoặc doanh thu chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoặc thu nhập trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng quyền chọn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

4.21 Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ

Theo các quy định có liên quan và Công văn số 10186/NHNN-TCKKT ngày 24 tháng 12 năm 2009 của NHNN Việt Nam gửi cho Ngân hàng, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ được ghi nhận ngay vào chi phí quản lý chung khi Quỹ này được trích lập và ghi có vào một tài khoản riêng trong các khoản phải trả khác. Sau đó, Quỹ này sẽ được sử dụng cho các chi phí tài sản cố định hoặc chi phí hoạt động mà chi phí này được phép sử dụng Quỹ này để bù trừ.

4.22 Vốn

Vốn điều lệ

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 do Chính phủ ban hành về chế độ tài chính áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.22 Vốn (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ bắt buộc (tiếp theo)

Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào

Theo Luật Ngân hàng Thương mại Lào ban hành ngày 16 tháng 1 năm 2007, Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào phải sử dụng một phần lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ sau:

- » Quỹ dự trữ theo luật định.
- » Quỹ phát triển kinh doanh và quỹ khác.

Theo Quy định về An toàn Vốn số 1/BOL ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào và các hướng dẫn liên quan khác, các ngân hàng thương mại được yêu cầu phải trích quỹ dự trữ theo luật định ở mức từ 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm, sau khi trừ đi lỗ lũy kế, quỹ dự trữ này được trích lập cho đến khi đạt 10% vốn cấp 1. Dựa vào yêu cầu này, Ban Tổng Giám đốc sẽ quyết định tỷ lệ chính xác mỗi năm. Quỹ phát triển kinh doanh và các quỹ khác được trích lập dựa vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 do Bộ Tài chính ban hành, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với Ngân hàng mẹ.

Các quỹ dự trữ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11 và các khoản vay được cơ cấu theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ các khoản lãi dự thu đang được Ngân hàng và các công ty con thực hiện theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh 3.4). Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và các công ty con thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

*Doanh thu và chi phí mua bán nợ*

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- » Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
  - » Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong kỳ kế toán của Ngân hàng và các công ty con;
  - » Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con trong năm.
- » Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng và các công ty con.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

*Thu nhập khác*

Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng và công ty con hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

4.24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

4.24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức độ bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

4.24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

» Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

» Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.25 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh 46). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

Hoạt động ở nước ngoài

Đồng tiền được sử dụng trên báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài (bao gồm Ngân hàng Cổ phần hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia, Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào) là Đô la Mỹ và KIP Lào. Báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài được chuyển đổi theo nguyên tắc sau để hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng:

- (a) Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của các công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối năm;
- (b) Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của các công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán.

Chênh lệch hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” của Ngân hàng và các công ty con.

4.26 Bù trừ

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Lợi ích của nhân viên

4.27.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và các công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021, tỷ lệ này là 17%). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Các công ty con hoạt động ở nước ngoài thực hiện đóng bảo hiểm, trợ cấp theo quy định tại nước sở tại.

4.27.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ chỉ trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Các công ty con hoạt động ở nước ngoài thực hiện đóng bảo hiểm, trợ cấp theo quy định tại nước sở tại.

4.27.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, tỷ lệ này là 0%) và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Các công ty con hoạt động ở nước ngoài thực hiện đóng bảo hiểm, trợ cấp theo quy định tại nước sở tại.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC VÀ ĐÁ QUÝ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	5.843.036	5.475.725
Tiền mặt bằng ngoại tệ	2.105.758	1.930.749
Vàng tiền tệ	158.511	202.144
Vàng nữ trang	103.301	58.399
Kim loại quý, đá quý khác	11.759	11.536
	8.222.365	7.678.553

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (a)		
- Bằng VND	9.352.217	7.870.489
- Bằng ngoại tệ	762.021	690.452
Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương Lào (b)	871.353	339.928
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (c)	1.184.276	1.151.721
	12.169.867	10.052.590

(a) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
<i>Đối với tiền gửi của khách hàng</i>		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
<i>Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài</i>		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,05

(b) Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Lào KIP (“LAK”) và tiền tệ khác LAK liên quan đến hoạt động của công ty con của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Trung ương Lào.

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi bằng LAK có kỳ hạn dưới 12 tháng	4,00	4,00
Tiền gửi bằng LAK có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	0,00	0,00
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	0,00	0,00

(c) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riel (“KHR”) và tiền tệ khác KHR liên quan đến hoạt động của công ty con của Ngân hàng tại Vương quốc Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi bằng KHR	7,00	7,00
Tiền gửi bằng tiền tệ khác KHR	7,00	7,00

Khoản dự trữ 7,00% bằng KHR không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 7,00% bằng tiền tệ khác KHR được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.

7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	3.196.963	6.879.986
- Bằng VND	794.362	1.725.739
- Bằng ngoại tệ	2.402.601	5.154.247
Tiền gửi có kỳ hạn	4.481.430	10.763.791
- Bằng VND	4.470.000	10.650.000
- Bằng ngoại tệ	11.430	113.791
	7.678.393	17.643.777

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,90 - 2,80	0,17 - 3,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,00 - 4,75	2,00 - 6,50



7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC (tiếp theo)

7.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bằng VND	50.000	129.170
Bằng ngoại tệ	625.186	624.423
	675.186	753.593

7.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.156.616	11.517.384

8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày cuối năm)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.167.871	513	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	42.715.702	-	108.516
	45.883.573	513	108.516
Số thuần			108.003

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày cuối năm)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.597.955	8.385	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	26.184.684	11.292	-
	31.782.639	19.677	-
Số thuần		19.677	

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	378.905.822	331.421.683
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	5.665.984	6.126.430
Cho thuê tài chính	3.211.054	2.591.098
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	144.647	127.668
Cho vay khác	2.089	1.248
	387.929.596	340.268.127

9.1 Phân tích chất lượng dư nợ cho vay

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	380.621.807	333.700.505
Nợ cần chú ý	1.475.860	787.363
Nợ dưới tiêu chuẩn	551.582	277.382
Nợ nghi ngờ	752.821	958.159
Nợ có khả năng mất vốn	4.527.526	4.544.718
	387.929.596	340.268.127

Bao gồm trong số dư nợ có khả năng mất vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là một số khoản cho vay với tổng dư nợ là 1.689.919 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.297.117 triệu đồng) đang được trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên năng lực tài chính theo Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu và trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt như trình bày tại Thuyết minh 3.4.

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	235.947.599	191.202.601
Nợ trung hạn	49.192.874	53.433.772
Nợ dài hạn	102.789.123	95.631.754
	387.929.596	340.268.127

9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo tiền tệ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bằng VND	371.472.984	95,76	324.838.838	95,47
Bằng ngoại tệ	16.456.612	4,24	15.429.289	4,53
	387.929.596	100,00	340.268.127	100,00

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	160.386.011	41,34	131.688.894	38,71
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	83.497.088	21,52	69.946.343	20,56
Công ty cổ phần khác	64.075.772	16,52	49.990.074	14,69
Doanh nghiệp tư nhân	4.240.347	1,09	3.917.935	1,15
Công ty Nhà nước	3.800.943	0,98	3.650.702	1,07
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.881.015	0,48	1.454.830	0,43
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	507.120	0,13	432.051	0,13
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	354.154	0,09	413.143	0,12
Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc nhà nước giữ quyền chi phối	205.438	0,05	160.079	0,05
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	67.089	0,02	50.220	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	15.494	0,01	265.854	0,08
Công ty hợp danh	1.725	0,00	5.487	0,01
Khác	1.739.826	0,45	1.402.176	0,41
Cho vay cá nhân	227.543.585	58,66	208.579.233	61,29
	387.929.596	100,00	340.268.127	100,00

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

9.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	172.655.821	44,49	140.668.721	41,34
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	40.575.195	10,46	32.492.036	9,55
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	39.402.127	10,16	37.399.731	10,99
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	35.799.595	9,23	37.855.377	11,13
Xây dựng	20.365.450	5,25	15.415.085	4,53
Công nghiệp chế biến, chế tạo	20.361.197	5,25	16.974.414	4,99
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	10.970.828	2,83	15.411.815	4,53
Vận tải kho bãi	6.500.388	1,68	5.429.073	1,60
Giáo dục, đào tạo	5.584.278	1,44	5.503.669	1,62
Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	5.362.414	1,38	4.384.103	1,29
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	4.796.645	1,24	3.732.830	1,10
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.892.422	1,00	2.743.467	0,81
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	3.792.016	0,98	3.027.538	0,89
Khai khoáng	1.189.930	0,31	1.251.239	0,37
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	1.073.757	0,28	1.109.931	0,33
Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	252.050	0,06	273.548	0,08
Thông tin và truyền thông	189.481	0,05	160.935	0,05
Nghệ thuật vui chơi, giải trí	158.785	0,04	131.093	0,04
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	8.585	0,00	7.028	0,01
Hoạt động dịch vụ khác	14.998.632	3,87	16.296.494	4,75
	387.929.596	100,00	340.268.127	100,00



10. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua nợ bằng ngoại tệ	285.967	303.915
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(97.197)	(2.400)
	188.770	301.515

Giá trị nợ gốc của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ gốc đã mua	811.529	819.623

Kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng cần phải trích lập theo Thông tư 11, Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14 và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	285.967	(95.053)	(2.144)	(97.197)

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm hiện hành như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	2.400	2.400
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	95.053	(256)	94.797
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	95.053	2.144	97.197

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	-	3.316	3.316
Số hoàn nhập trong năm	-	(916)	(916)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	2.400	2.400

11. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	10	97.197	2.400
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	6.917.279	5.413.551
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	-	7.500
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.2	6.022.425	4.369.358
Dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng		1.157.539	1.157.539
		14.194.440	10.950.348

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số trích lập dự phòng tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		106.596	-
Số trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	10	94.797	(916)
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	1.707.415	1.731.453
Số (hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.3	(7.500)	7.500
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.3	1.653.067	470.857
Số trích lập dự phòng các tài sản có rủi ro tín dụng		-	828.080
		3.554.375	3.036.974

11.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Như được trình bày tại Thuyết minh 3.4, đối với các khoản nợ thuộc Đề án tái cơ cấu, Ngân hàng được phép trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu và trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu.

Xem Thuyết minh 9.1 cho các khoản nợ đang được Ngân hàng trích lập dự phòng theo năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu.

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm hiện hành như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	2.999.016	2.414.535	5.413.551
Số trích lập dự phòng trong năm	1.242.861	464.554	1.707.415
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(172.028)	(301)	(172.329)
Chênh lệch tỷ giá	(28.085)	(3.273)	(31.358)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.041.764	2.875.515	6.917.279

11. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

11.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.809.817	2.161.242	3.971.059
Số trích lập dự phòng trong năm	1.477.140	254.313	1.731.453
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(284.934)	-	(284.934)
Chênh lệch tỷ giá	(3.007)	(1.020)	(4.027)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.999.016	2.414.535	5.413.551

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>34.041.928</b>	<b>52.036.218</b>
Trái phiếu Chính phủ (a)	31.122.543	48.986.060
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	2.902.165	3.050.158
Trái phiếu nước ngoài	17.220	-
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>6.152</b>	<b>191.541</b>
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	163.690
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	5.580	27.273
Chứng khoán vốn nước ngoài	572	578
	<b>34.048.080</b>	<b>52.227.759</b>
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>(9.080)</b>	<b>(24.326)</b>
Dự phòng giảm giá	(9.080)	(16.826)
Dự phòng chung	-	(7.500)
	<b>34.039.000</b>	<b>52.203.433</b>

- (a) Đây là trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm và lãi suất từ 0,80%/năm đến 11,10%/năm, tiền lãi trả hàng năm. Trong đó, Ngân hàng đang sử dụng một số trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 7.407.236 triệu đồng đang lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch NHNN (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.641.232 triệu đồng) để đảm bảo cho việc cấp hạn mức vay tại các TCTD khác và NHNN Việt Nam (Thuyết minh 35.2). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng dư nợ vay cầm cố, thế chấp tại NHNN Việt Nam là 449.244 triệu đồng (Thuyết minh 16).
- (b) Đây là trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 6 tháng đến 15 năm và lãi suất từ 4,30%/năm đến 9,00%/năm, tiền lãi trả hàng năm.

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>34.041.928</b>	<b>52.036.218</b>
Đã niêm yết	31.122.543	49.036.218
Chưa niêm yết	2.919.385	3.000.000
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>6.152</b>	<b>191.541</b>
Chưa niêm yết	6.152	191.541
	<b>34.048.080</b>	<b>52.227.759</b>

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Trái phiếu chính phủ	17.922.385	-
<b>Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành</b>		
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	23.727.969	27.322.052
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(6.022.425)	(4.369.358)
	<b>35.627.929</b>	<b>22.952.694</b>

Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng và các công ty con. Trái phiếu có thời hạn từ 5 năm đến 10 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của cho vay khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

Thay đổi của trái phiếu do VAMC phát hành trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	27.322.052	33.647.189
Tất toán trong năm	(3.594.083)	(6.325.137)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.727.969</b>	<b>27.322.052</b>

Bao gồm trong số dư trái phiếu do VAMC phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là các trái phiếu với tổng giá trị là 17.000.584 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 20.237.261 triệu đồng) phát sinh từ việc bán các khoản nợ cho VAMC với dư nợ gốc là 17.022.780 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 20.457.904 triệu đồng) đang được trích lập dự phòng rủi ro dựa trên năng lực tài chính theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như trình bày tại Thuyết minh 3.4.



12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	24.326	103.388
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	4.369.358	3.936.323
	4.393.684	4.039.711
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(15.246)	(79.062)
Trong đó:		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ đã niêm yết và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác	(7.746)	(86.562)
- Dự phòng chung chứng khoán nợ chưa niêm yết	(7.500)	7.500
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	1.653.067	470.857
	1.637.821	391.795
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	-	(37.822)
Số cuối năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.080	24.326
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	6.022.425	4.369.358
	6.031.505	4.393.684

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Đầu tư vào các TCTD khác		
Chưa niêm yết	-	1.634
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế		
Chưa niêm yết	97.014	256.130
Tổng giá trị đầu tư dài hạn khác	97.014	257.764
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(8.046)	(133.171)
	88.968	124.593

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	133.171	195.117
Số hoàn nhập trong năm	(103.075)	(61.946)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(22.050)	-
Số cuối năm	8.046	133.171

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận chuyển Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.173.507	2.500.099	732.858	380.419	7.786.883
Tăng do mua mới và nâng cấp	2.975	68.791	45.796	11.958	129.520
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định	15.567	103.971	10.103	6.651	136.292
Thanh lý và nhượng bán	(39.984)	(33.954)	(36.052)	(6.932)	(116.922)
Giảm khác	-	(40)	-	-	(40)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(54.340)	(608)	(1.709)	(11.423)	(68.080)
Số cuối năm	4.097.725	2.638.259	750.996	380.673	7.867.653
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	1.004.627	1.477.847	382.623	175.302	3.040.399
Khấu hao trong năm	114.324	213.210	69.656	37.376	434.566
Thanh lý và nhượng bán	(15.679)	(33.105)	(35.214)	(6.011)	(90.009)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(24.910)	(441)	(1.578)	(9.048)	(35.977)
Số cuối năm	1.078.362	1.657.511	415.487	197.619	3.348.979
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.168.880	1.022.252	350.235	205.117	4.746.484
Số cuối năm	3.019.363	980.748	335.509	183.054	4.518.674

Bao gồm trong máy móc thiết bị là tài sản được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ có nguyên giá là 53.012 triệu đồng. Chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con áp dụng cho các tài sản này khác với các tài sản tương tự không được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ. Theo đó, chi phí khấu hao trên các tài sản này được trừ vào Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

14.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các thông tin khác về tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	129.128	177.275
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.042.768	972.606

14.2 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	TSCĐ vô hình khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.485.837	1.611.305	612	5.097.754
Tăng do nâng cấp và mua mới	28.909	9.690	178	38.777
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định	-	172.121	-	172.121
Thanh lý, nhượng bán	(141.923)	-	-	(141.923)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	(6.702)	(3.054)	-	(9.756)
Số cuối năm	3.366.121	1.790.062	790	5.156.973
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	252.910	1.015.375	529	1.268.814
Hao mòn trong năm	29.097	185.370	50	214.517
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	(2.960)	-	(2.960)
Số cuối năm	282.007	1.197.785	579	1.480.371
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.232.927	595.930	83	3.828.940
Số cuối năm	3.084.114	592.277	211	3.676.602

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	743.090	797.738
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	825.346	772.102

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC

15.1 Các khoản phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định (a)	487.281	392.997
Các khoản phải thu khác (b)	24.387.683	20.884.374
	24.874.964	21.277.371

(a) Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang các trụ sở chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng và các công ty con và các khoản tạm ứng để mua sắm tài sản cố định. Biến động tăng/(giảm) chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	392.997	640.961
Tăng trong năm	438.581	741.534
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(136.292)	(448.780)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(172.121)	(409.253)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ và chi phí hoạt động	(35.665)	(105.465)
Giảm khác	(219)	(26.000)
Số cuối năm	487.281	392.997

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự án hợp nhất hạ tầng máy chủ CSDL	128.684	-
Trụ sở văn phòng tại Thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	71.062	71.062
Chi phí công trình xây dựng trụ sở chi nhánh	63.169	46.317
Dự án Basel II	62.383	59.256
Trụ sở văn phòng tại Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	37.609	37.609
Chi phí sửa chữa tài sản cố định tại chi nhánh	15.368	39.490
Nâng cấp bổ sung hạ tầng phần cứng CRM	-	23.218
Dự án ví điện tử Sacombank	-	19.135
Nâng cấp hệ thống và tái đánh giá SOC	-	18.831
Các khoản xây dựng cơ bản khác	109.006	78.079
	487.281	392.997

Các tài sản trên đã được Ngân hàng và các công ty con ký hợp đồng mua, thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con vẫn đang trong quá trình xây dựng và tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.



15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Phải thu nội bộ</b>	<b>2.418.618</b>	<b>1.804.998</b>
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	2.192.240	1.576.769
Tạm ứng mua tòa nhà FICO (i)	216.693	216.693
Khác	9.685	11.536
<b>Phải thu bên ngoài</b>	<b>21.969.065</b>	<b>19.079.376</b>
Phải thu liên quan dịch vụ trung gian và hỗ trợ thanh toán điện tử	9.538.737	5.019.880
Tài sản nhận cầm trừ nợ (ii)	3.961.719	4.009.552
Phải thu thư tín dụng bồi hoàn	2.336.642	1.934.621
Phải thu từ bán tài sản nhận cầm trừ nợ (v)	2.125.800	3.765.800
Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (iii)	1.106.039	1.106.039
Phải thu liên minh thẻ	640.383	624.482
Phải thu Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam (iv)	503.639	503.639
Tạm ứng thuế	228.262	4.153
Phải thu đặt cọc thuê văn phòng	162.122	156.905
Phải thu từ bán một phần tòa nhà FICO (vii)	158.204	158.204
Ký quỹ cho giao dịch tương lai hàng hóa	112.026	242.379
Phải thu từ hoạt động dịch vụ đại lý bảo hiểm	100.000	148.000
Phải thu liên quan đến hoạt động chi trả kiểu hối	87.126	88.792
Ký quỹ, thế chấp và cầm cố	52.639	168.338
Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi của CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	41.000	41.000
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	27.535	27.535
Phải thu từ bán chứng khoán trả chậm (vi)	-	381.151
Khác (viii)	787.192	698.906
	<b>24.387.683</b>	<b>20.884.374</b>

Các khoản phải thu nội bộ:

- (i) Đây là khoản tạm ứng để mua một phần tòa nhà FICO tại số 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam. Ngân hàng đã tìm đối tác chuyển nhượng tài sản này và đã nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng. Đến ngày phát hành báo cáo này, Ngân hàng đang tiến hành thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sở hữu cho đối tác.

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu khác bao gồm (tiếp theo):

Các khoản phải thu bên ngoài thuộc Đề án tái cơ cấu:

Bao gồm trong số dư các khoản phải thu là các khoản phải thu bên ngoài (ii), (iii) và (iv) đang được Ngân hàng xử lý và thu hồi theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu và trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4.

- (ii) Các tài sản nhận cầm trừ nợ này đang trong giai đoạn hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu hoặc đang trong kế hoạch xử lý để thu hồi nợ, trong đó bao gồm 3.753.777 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.753.777 triệu đồng) là các tài sản cầm trừ nợ tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam.

- (iii) Các khoản phải thu này liên quan đến các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam, được đảm bảo bằng cổ phiếu được Ngân hàng đề xuất bán cho VAMC theo Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục bán khoản phải thu cho VAMC chưa được hoàn tất và Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản phải thu này.

- (iv) Khoản phải thu này liên quan đến hoạt động mua bán vàng giữa Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam và Ngân hàng TMCP Phương Nam phát sinh trước khi sáp nhập được đảm bảo bằng cổ phiếu. Khoản phải thu này được Ngân hàng đề xuất bán cho VAMC theo Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục bán khoản phải thu cho VAMC chưa được hoàn tất và Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng cho khoản phải thu này.

Các khoản phải thu bên ngoài khác:

- (v) Các khoản phải thu này liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo tại Khu công nghiệp Đức Hòa III, tỉnh Long An đã được Ngân hàng thực hiện đấu giá thành công và ký hợp đồng với các đối tác vào ngày 29 tháng 12 năm 2017. Tổng giá trị hợp đồng là 9.200.000 triệu đồng, trong đó 90% giá trị hợp đồng được thanh toán trả chậm trong vòng 7 năm kể từ ngày ký hợp đồng, ân hạn 2 năm đầu, phí trả chậm 7,50%/năm.

- (vi) Các khoản phải thu này liên quan đến việc Ngân hàng bán trả chậm các chứng khoán đã được các khách hàng đặt cọc và thanh toán một phần, khoản thanh toán còn lại sẽ đến hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2021. Khoản phải thu này đã được thanh toán hết toàn bộ trong năm 2021.

- (vii) Khoản phải thu này liên quan đến việc Ngân hàng TMCP Phương Nam bán một phần tòa nhà FICO tại số 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cho một đối tác làm trụ sở chính. Tại ngày phát hành báo cáo này, Ngân hàng đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho đối tác theo quy định của pháp luật.

- (viii) Bao gồm trong các khoản phải thu bên ngoài khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản phải thu liên quan đến việc cơ quan thi hành án đang tiến hành xử lý tài sản nhận cầm trừ nợ với giá trị ghi sổ là 505.292 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 505.292 triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng theo phán quyết của tòa án. Đến ngày phát hành báo cáo này, Ngân hàng đang tiếp tục phối hợp với cơ quan thi hành án để xử lý tài sản thu hồi khoản phải thu này.

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi từ cho vay khách hàng (i)	8.522.981	14.570.645
Lãi từ hoạt động đầu tư (ii)	1.367.416	1.925.589
Lãi từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (iii)	-	912.556
Lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư (iv)	-	51.612
Lãi phải thu từ giao dịch phái sinh tiền tệ	42.960	21.403
Lãi từ tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.047	12.646
Lãi phải thu từ cho thuê tài chính	5.812	4.110
Lãi từ hoạt động mua nợ	-	1.304
	9.951.216	17.499.865

- (i) Bao gồm trong khoản lãi dự thu cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số lãi dự thu với số tiền 5.677.852 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11.702.482 triệu đồng) được khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4.
- (ii) Bao gồm trong khoản lãi từ hoạt động đầu tư đầu năm là 224.537 triệu đồng lãi dự thu trái phiếu được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam. Khoản lãi dự thu này được khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4. Trong năm, Ngân hàng đã phân bổ toàn bộ khoản lãi phải thu trái phiếu này.
- (iii) Đây là lãi dự thu liên quan đến các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (Thuyết minh 15.1 (iii)) được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam. Các khoản lãi dự thu này được khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4. Trong năm, Ngân hàng đã phân bổ toàn bộ khoản lãi phải thu này.
- (iv) Đây là lãi dự thu liên quan đến khoản ủy thác đầu tư vào một công ty (Thuyết minh 15.3 (iii)) được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam. Khoản lãi dự thu này được khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4. Trong năm, Ngân hàng đã phân bổ toàn bộ khoản lãi phải thu này.

15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.3 Tài sản Có khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tài sản nhận cầm trừ nợ (i)	41.034	68.833
Trong đó:		
- Bất động sản	-	27.799
- Cổ phiếu	41.034	41.034
Chi phí chờ phân bổ (ii)	866.947	1.021.853
Phải thu từ hoạt động ủy thác đầu tư (iii)	51.500	51.500
Đầu tư vào các thiết bị cho thuê tài chính	64.283	10.039
Tài sản Có khác	40.524	58.796
	1.064.288	1.211.021

- (i) Đây là các tài sản thế chấp của khách hàng vay được gán nợ cho Ngân hàng để cầm trừ các khoản nợ khó đòi bao gồm nợ tiền vay và các khoản phải thu khác. Ngân hàng đã hoàn tất các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu các tài sản trên cho Ngân hàng và đang tiếp tục thực hiện xử lý các tài sản này theo quy định của NHNN Việt Nam.
- (ii) Chi phí chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí thuê tài sản, chi phí bảo trì và sửa chữa tài sản và lãi trả trước chờ phân bổ trong thời hạn từ 1 năm đến 50 năm.
- (iii) Khoản phải thu này liên quan đến hoạt động ủy thác đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Nam vào một công ty phát sinh trước khi sáp nhập với Ngân hàng. Khoản phải thu này được Ngân hàng đề xuất bán cho VAMC theo Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, các thủ tục bán khoản phải thu này cho VAMC chưa được hoàn tất và Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng cho khoản phải thu này.



15. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

15.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Chi tiết dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số dư tài sản có Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng	Số dư tài sản có Triệu đồng	Dự phòng Triệu đồng
Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	1.106.039	1.106.039	1.106.039	1.106.039
Tài sản nhận cầm trả nợ	1.480.380	1.006.515	1.508.178	1.016.832
Phải thu CTCP Thương mại Vàng bạc đá quý Phương Nam	503.639	503.639	503.639	503.639
Tài sản Có khác	469.351	460.229	457.303	456.597
	<b>3.559.409</b>	<b>3.076.422</b>	<b>3.575.159</b>	<b>3.083.107</b>
Trong đó: Các khoản được xử lý theo Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập	3.100.524	2.648.114	3.128.322	2.650.724
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (*)	1.106.039	1.106.039	1.106.039	1.106.039
- Tài sản nhận cầm trả nợ (**)	1.439.346	986.936	1.467.144	989.546
- Phải thu CTCP Thương mại Vàng bạc đá quý Phương Nam (*)	503.639	503.639	503.639	503.639
- Phải thu từ hoạt động ủy thác đầu tư (*)	51.500	51.500	51.500	51.500

(\*) Đây là các tài sản đang được Ngân hàng xử lý theo các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của NHNN Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh 3.4.

(\*\*) Ngày 18 tháng 12 năm 2020, NHNN Việt Nam đã ban hành Công văn số 1010/NHNN-TTGSNH hướng dẫn thực hiện các đề xuất, kiến nghị bổ sung của Ngân hàng tại báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập. Theo đó, các kiến nghị của Ngân hàng liên quan tới tài sản nhận cầm trả nợ được đề cập tại kết luận thanh tra số 04/KLTT-TTGSNH.m sẽ được NHNN Việt Nam xem xét và trả lời bằng văn bản riêng. Trong thời gian chờ hướng dẫn từ NHNN Việt Nam, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng theo kết luận thanh tra.

Thay đổi dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	3.083.107	865.911
Số (hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro tài sản Có khác trong năm	(6.685)	2.312.974
Số dự phòng rủi ro tài sản Có khác được sử dụng trong năm	-	(95.778)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.076.422</b>	<b>3.083.107</b>

16. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay theo hồ sơ tín dụng	73.499	143.513
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	449.244	-
Khác	2	15
	<b>522.745</b>	<b>143.528</b>

17. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

17.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>2.045.127</b>	<b>1.092.626</b>
Bằng VND	2.040.310	1.086.708
Bằng ngoại tệ	4.817	5.918
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>7.146.020</b>	<b>2.895.751</b>
Bằng VND	4.700.000	960.000
Bằng ngoại tệ	2.446.020	1.935.751
	<b>9.191.147</b>	<b>3.988.377</b>

Mức lãi suất năm các khoản tiền gửi của các TCTD khác như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00 - 2,00	0,50 - 0,60
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,20 - 5,10	0,20 - 6,71

17.2 Vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay các TCTD trong nước bằng VND	1.503.018	1.098.638
Vay các TCTD trong nước và ngoài nước bằng ngoại tệ	4.534.934	2.792.991
	<b>6.037.952</b>	<b>3.891.629</b>

Mức lãi suất năm các khoản vay các TCTD khác như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Bằng VND	1,50 - 4,74	4,83 - 4,99
Bằng ngoại tệ	0,75 - 12,60	0,75 - 4,13

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

18.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>95.975.596</b>	<b>80.033.109</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	89.706.058	74.680.995
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.990.199	5.054.861
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	85.965	92.738
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	193.374	204.515
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>329.870.273</b>	<b>346.477.663</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	65.819.819	52.051.232
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.765.618	6.062.505
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	254.436.652	284.269.953
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.848.184	4.093.973
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>749.951</b>	<b>592.339</b>
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	685.197	473.369
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	64.754	118.970
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>444.599</b>	<b>316.929</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	95.722	86.142
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	348.877	230.787
<b>Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác</b>	<b>346.353</b>	<b>551.810</b>
Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác bằng VND	345.585	551.809
Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác bằng ngoại tệ	768	1
	<b>427.386.772</b>	<b>427.971.850</b>

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,20	0,00 - 0,20
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,30	0,10 - 0,30
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 3,00	0,00 - 1,89
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,01 - 9,00	0,05 - 9,00
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	0,00 - 12,00	0,10 - 12,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 7,77	0,00 - 9,63
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 1,50	0,00 - 1,50

Đối với tiền gửi có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

18. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

18.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>84.052.407</b>	<b>74.464.795</b>
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	30.092.143	22.254.031
Công ty cổ phần khác	24.171.187	23.088.229
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.394.651	14.324.443
Công ty Nhà nước	4.980.325	4.804.970
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	4.173.125	4.072.579
Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.388.775	2.045.325
Doanh nghiệp tư nhân	637.442	521.729
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	248.047	166.446
Hộ kinh doanh, cá nhân	189.472	181.371
Công ty hợp danh	91.918	177.947
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	66.354	46.557
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	16.879	21.280
Khác	3.602.089	2.759.888
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>343.334.365</b>	<b>353.507.055</b>
	<b>427.386.772</b>	<b>427.971.850</b>

19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	278.940	229.445

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>		
Dưới 12 tháng	1.822.241	88.615
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	5.903.855	13.130
Từ 5 năm trở lên	13.377.683	11.042.395
	<b>21.103.779</b>	<b>11.144.140</b>



20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (tiếp theo)

Mức lãi suất năm của giấy tờ có giá như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Dưới 12 tháng	2,80 - 5,50	3,30 - 5,40
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	2,90 - 6,30	5,70 - 6,00
Từ 5 năm trở lên	6,72 - 8,88	7,00 - 9,03

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

21.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	4.115.218	5.548.116
Lãi phải trả tiền gửi của khách hàng bằng VND	877.406	692.984
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá bằng VND	637.022	514.818
Lãi phải trả tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	125.306	127.871
Lãi phải trả từ giao dịch phái sinh tiền tệ	112.189	20.709
Lãi phải trả tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	6.521	10.869
Lãi phải trả tiền gửi của các TCTD khác bằng ngoại tệ	5.181	4.391
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	2.410	2.562
Lãi phải trả tiền vay các TCTD khác bằng VND	1.819	977
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	492	624
	5.883.564	6.923.921

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Phải trả nội bộ</b>	<b>2.624.887</b>	<b>2.054.657</b>
Các khoản phải trả nhân viên	1.376.983	1.238.005
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.161.864	759.414
Các khoản phải trả khác	86.040	57.238
<b>Phải trả bên ngoài</b>	<b>13.689.580</b>	<b>7.186.697</b>
Phải trả liên quan dịch vụ trung gian và hỗ trợ thanh toán điện tử	8.636.682	3.861.913
Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán thẻ	1.101.806	845.133
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	334.773	540.819
Lãi phải trả tiền gửi đến hạn thanh toán	582.587	450.122
Thu chi hộ giữa các tổ chức tín dụng	921.272	373.925
Phải trả công ty kiều hối nước ngoài	630.040	354.108
Các khoản phải trả trong nghiệp vụ xử lý nợ	299.745	161.291
Các khoản phải trả khách hàng	134.884	130.073
Khoản đặt cọc mua tài sản	591.600	124.696
Doanh thu chờ phân bổ	82.633	78.391
Chuyển tiền phải trả	84.735	31.451
Phải trả cổ tức	8.751	8.840
Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (ii)	4.039	4.039
Khác	276.033	221.896
	16.314.467	9.241.354

(i) Biến động tăng/(giảm) của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	759.414	362.458
Trích lập Quỹ trong năm	430.717	418.761
Sử dụng Quỹ trong năm	(28.267)	(21.805)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.161.864</b>	<b>759.414</b>

(ii) Biến động tăng/(giảm) của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	4.039	4.049
Sử dụng Quỹ trong năm	-	(10)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.039</b>	<b>4.039</b>

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm				Số cuối năm Triệu đồng
	Số đầu năm Triệu đồng	Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	Điều chỉnh khác Triệu đồng	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	454.490	941.026	(1.374.291)	(1.078)	20.147
Thuế giá trị gia tăng	36.228	643.838	(641.895)	-	38.171
Các loại thuế khác	45.948	455.305	(453.060)	-	48.193
	536.666	2.040.169	(2.469.246)	(1.078)	106.511
Trong đó:					
Tạm ứng thuế	(4.153)				(228.262)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	540.819				334.773

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Ngân hàng và các công ty con ở Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm hiện hành (2020: 20%). Ngân hàng Cổ phần hữu hạn Sài Gòn Thương Tín Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là giá trị cao hơn của 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế và 1% trên doanh thu tính thuế tại Campuchia. Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Lào (2020: 24%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.400.026	3.339.280
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán do hợp nhất báo cáo tài chính	364.753	4.065
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước điều chỉnh do hợp nhất báo cáo tài chính	4.764.779	3.343.345
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con	952.956	668.669
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Dự phòng tài sản Có khác và các khoản đầu tư dài hạn	1.458	301.975
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	25.864	14.822
- Điều chỉnh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm trước	11.018	-
- Điều chỉnh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện năm nay	7.134	-
- Lỗ chưa sử dụng Công ty con chuyển sang năm sau	2.778	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(318)	(1.210)
- Điều chỉnh lãi đánh giá chênh lệch tỷ giá năm nay	-	(10.975)
- Hoàn nhập dự phòng tài sản Có khác và các khoản đầu tư dài hạn	(46.877)	(25.991)
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	(34.284)	(25.790)
- Chênh lệch thuế suất	(27.438)	-
- Giảm khác	-	(1.544)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	892.291	919.956
Thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất	34.284	25.848
Thuế TNDN được giảm	-	(7.244)
Nộp bổ sung thuế các năm trước	14.451	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	941.026	938.560



22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng tài sản Có khác và các khoản đầu tư dài hạn	346.169	359.697	(13.528)	274.396
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	36.279	74.678	(38.399)	8.146
Chênh lệch tính thuế tạm thời của Công ty con	8.661	9.130	(469)	1.150
Chi phí khấu hao	13.897	6.949	6.948	6.949
	405.006	450.454	(45.448)	290.641
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch chi phí khấu hao của công ty con	(672)	(678)	6	3
Chênh lệch tạm thời liên quan dự phòng lỗ công ty con	(27.746)	(24.865)	(2.881)	(84)
	(28.418)	(25.543)	(2.875)	(81)
Điều chỉnh năm trước			-	9.562
Ảnh hưởng quy đổi tỷ giá			(819)	(263)
(Chi phí)/Lợi ích thuế TNDN hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(47.504)	281.261

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Vốn khác		Các quỹ dự trữ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Số đầu năm	18.852.157	1.121	63.612	1.121	(750.911)	653	3.336.508	149.483	7.303.619	28.956.242						
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.411.496						
Trích lập các quỹ cho năm trước	-	-	-	-	-	-	378.766	-	-	(378.766)						
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(430.717)						
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	1.684.039	-	750.911	-	-	-	-	-					2.434.950	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	(112.120)	-	-					(112.120)	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.485					1.485	
Số cuối năm	18.852.157	1.121	1.747.651	-	-	653	3.715.274	37.363	9.907.117	34.261.336						

Trong năm, Ngân hàng và các công ty con đã trích lập các Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021. Ngoài ra, trong năm Ngân hàng đã bán toàn bộ cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 54/2021/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2021.

Tình hình thay đổi các quỹ dự trữ của Ngân hàng và các công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Số đầu năm	118.539	2.031.691	1.175.173	11.105	3.336.508	
Trích lập các quỹ cho năm trước	-	248.743	130.023	-	378.766	
Số cuối năm	118.539	2.280.434	1.305.196	11.105	3.715.274	

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.885.215.716	1.885.215.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	1.885.215.716	1.885.215.716
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	(81.562.287)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.885.215.716	1.803.653.429

23.2 Cổ tức

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức phải trả đầu năm	8.840	9.211
Cổ tức đã trả trong năm	(89)	(371)
Cổ tức phải trả cuối năm	8.751	8.840

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia số lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Thông tin sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	3.411.496	2.681.981
Số phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng) (*)	(408.310)	(430.717)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (triệu đồng)	3.003.186	2.251.264
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.842.130.519	1.803.653.429
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.630	1.248

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh khoản thực trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021. Khoản trích lập vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 sẽ được thực hiện vào năm 2022 sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Từ cho vay khách hàng và các TCTD khác	26.677.776	30.074.713
Từ chứng khoán đầu tư	1.734.037	2.204.157
Từ nghiệp vụ bảo lãnh	281.308	220.399
Từ cho thuê tài chính	258.295	195.043
Từ tiền gửi tại các TCTD khác	149.922	220.151
Từ hoạt động mua nợ	12.895	30.483
Từ hoạt động tín dụng khác	576.503	642.721
	29.690.736	33.587.667

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cho lãi tiền gửi của khách hàng và các TCTD khác	16.499.277	20.999.656
Cho lãi phát hành giấy tờ có giá	1.036.736	824.757
Cho lãi tiền vay NHNN và các TCTD khác	107.621	117.982
Cho hoạt động tín dụng khác	82.615	118.718
	17.726.249	22.061.113

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.430.648	5.476.812
Dịch vụ hoa hồng hợp tác bảo hiểm	2.025.608	1.288.505
Dịch vụ thanh toán	1.407.652	1.333.412
Dịch vụ ủy thác và đại lý	865.216	697.776
Dịch vụ ngân quỹ	304.476	412.347
Dịch vụ thuê kho	196.950	196.975
Dịch vụ chi trả kiều hối	47.096	40.831
Dịch vụ khác	1.583.650	1.506.966
Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.088.129)	(1.732.797)
Dịch vụ thanh toán	(1.406.644)	(1.177.159)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(485.260)	(401.362)
Hoa hồng môi giới	(43.824)	(44.872)
Dịch vụ ngân quỹ	(30.714)	(32.305)
Dịch vụ tư vấn	(61.430)	(25.638)
Dịch vụ khác	(60.257)	(51.461)
	4.342.519	3.744.015



28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.109.261	985.806
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	877.942	565.855
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	166.614	188.670
Thu từ kinh doanh vàng	64.705	184.458
Lãi đánh giá lại ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính	-	46.823
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(372.168)	(176.067)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(293.817)	(51.190)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(37.873)	(13.066)
Chi về kinh doanh vàng	(5.702)	(111.811)
Lỗ đánh giá lại ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính	(34.776)	-
	737.093	809.739

29. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	203.326	56.780
Lỗ về mua bán chứng khoán đầu tư	(47.408)	(49.299)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	7.746	86.562
	163.664	94.043

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	865.198	1.181.223
Phí trả chậm hợp đồng chuyển nhượng tài sản	131.058	510.800
Thu bán chứng khoán trả chậm	27.051	193.971
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro trước đây	246.373	119.533
Thu thanh lý tài sản cố định	176.907	107.811
Thu phí hợp đồng tương lai	69.014	75.799
Thu tài trợ trong hoạt động thẻ	126.348	33.838
Thu nhập khác	88.447	139.471
Chi phí hoạt động khác	(408.092)	(57.491)
Chi công tác xã hội	(368.577)	(29.609)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(20.192)	(19.738)
Chi phí khác	(19.323)	(8.144)
	457.106	1.123.732

31. THU NHẬP/(CHI PHÍ) TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	2.129	6.053
- Từ chứng khoán vốn đầu tư	538	3.073
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	1.591	2.980
Lãi/(lỗ) thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	37.319	(33.267)
	39.448	(27.214)

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	197.471	172.625
Chi phí cho nhân viên	6.025.532	5.767.650
- Chi lương và phụ cấp	5.408.656	5.180.595
- Các khoản chi đóng góp theo lương	360.594	364.084
- Chi trợ cấp	201.388	165.059
- Chi trang phục	54.894	57.912
Chi về tài sản	1.895.015	1.771.305
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	639.448	582.947
- Chi phí thuê tài sản	634.570	554.134
- Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	528.348	515.119
- Mua sắm công cụ lao động	81.128	107.346
- Chi bảo hiểm tài sản	11.521	11.759
Chi phí hoạt động khác	1.200.322	1.229.635
- Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	451.722	415.542
- Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	190.734	178.982
- Chi vật liệu, giấy tờ in	189.081	204.006
- Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	86.754	96.263
- Chi bưu phí và điện thoại	27.272	43.501
- Công tác phí	12.234	22.499
- Chi phí đào tạo, huấn luyện	2.299	7.872
- Các khoản chi phí khác	240.226	260.970
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	541.336	530.452
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(109.758)	1.422.948
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(103.075)	(61.946)
- Dự phòng rủi ro tài sản Có khác	(6.683)	1.484.894
	9.749.916	10.894.615

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	8.222.365	7.678.553
Tiền gửi tại NHNN	12.169.867	10.052.590
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	3.196.963	6.879.986
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.481.430	10.763.791
	28.070.625	35.374.920

34. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	18.337	18.866
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương và tạm ứng tiền lương	4.038.556	3.943.816
2. Tiền thưởng	1.296.189	542.236
3. Tổng thu nhập (1+2)	5.334.746	4.486.052
4. Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	18,35	17,42
5. Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	24,24	19,82

35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP

35.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bất động sản	648.518.335	569.784.613
Chứng từ có giá	38.484.912	29.302.326
Phương tiện vận chuyển	23.840.074	24.367.895
Hàng hóa lưu kho	5.186.404	3.029.284
Máy móc thiết bị	5.063.054	6.899.125
Tài sản khác	36.539.340	43.297.710
	757.632.119	676.680.953

35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP (tiếp theo)

35.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thể chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính đang lưu ký của Ngân hàng và các công ty con được sử dụng để đảm bảo cho việc cấp hạn mức vay và thanh toán bù trừ điện tử tại các TCTD khác và NHNN Việt Nam tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ (thuyết minh 12.1)	7.407.326	3.641.232
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	50.158
	7.407.326	3.691.390

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng dư nợ vay cầm cố, thế chấp tại NHNN Việt Nam là 449.244 triệu đồng.

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và các công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và các công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường bên yêu cầu mở thư tín dụng là người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và các công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng, các loại bảo lãnh khác nhưng mức độ rủi ro thấp hơn.



36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, với điều kiện Ngân hàng và các công ty con có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng và các công ty con thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/các cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng và các công ty con thì Ngân hàng và các công ty con có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và các công ty con và khách hàng.

Ngân hàng và các công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	87.020.333	56.106.551
- Cam kết mua ngoại tệ	865.668	956.901
- Cam kết bán ngoại tệ	1.212.732	1.114.721
- Cam kết giao dịch hoán đổi	84.941.933	54.034.929
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	7.829.512	9.210.680
Bảo lãnh vay vốn	41.546	45.185
Bảo lãnh khác	10.955.319	9.992.466
Cam kết khác	325	1.257
	105.847.035	75.356.139
Trừ: Tiền ký quỹ	(620.510)	(446.090)
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</b>	<b>105.226.525</b>	<b>74.910.049</b>

36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Tình hình phân loại cam kết ngoại bảng theo Thông tư 11 và theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	18.826.377	19.248.331
Trong đó:		
- Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	7.829.512	9.210.680
- Bảo lãnh vay vốn	41.546	45.185
- Bảo lãnh khác	10.955.319	9.992.466

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:
- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
    - » kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
    - » có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
    - » có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng.
  - (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
  - (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng và các công ty con;
  - (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
  - (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

37. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi cho vay	2.217	2.669
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(5.500)	(8.372)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	60	58
	Chi phí hoạt động khác	-	(779)
	Thù lao sau thuế của thành viên Hội đồng Quản trị	(36.340)	(30.271)
	Thù lao sau thuế của thành viên Ban Kiểm soát	(14.295)	(12.352)
	Thu nhập sau thuế của thành viên Ban Tổng Giám đốc	(84.733)	(75.172)
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi tiền gửi/cho vay	3.306	1.861
	Chi phí trả lãi tiền vay/tiền gửi	(8.308)	(6.136)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	144	190
	Thu nhập khác	-	254
	Chi phí khác	(3.622)	-

Chi tiết các khoản phải thu/(phải trả) các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	68.720	71.224
	Nhận tiền gửi	(200.127)	(160.801)
	Chứng chỉ tiền gửi	(460)	(460)
	Phải thu khác	53	293
	Phải trả khác	(1.442)	(2.417)
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	71.678	38.684
	Nhận tiền gửi	(185.665)	(227.123)
	Chứng chỉ tiền gửi	(19.650)	(11.070)
	Phải thu khác	1.167	247
	Phải trả khác	(2.844)	(3.273)

38. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	5.553.693	2.799.886	8.353.579
Cho vay khách hàng - gộp	382.263.612	5.665.984	387.929.596
Hoạt động mua nợ - gộp	285.967	-	285.967
Chứng khoán đầu tư - gộp	75.680.642	17.792	75.698.434
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	97.014	-	97.014
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	522.745	-	522.745
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.576.469	2.652.630	15.229.099
Tiền gửi của khách hàng	419.137.375	8.249.397	427.386.772
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	45.883.573	-	45.883.573
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	278.940	278.940
Phát hành giấy tờ có giá	21.103.779	-	21.103.779
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	105.542.605	304.430	105.847.035



39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

39.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	Miền Trung Triệu đồng	Miền Nam Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.462.381	6.508.166	26.809.186
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(4.314.877)	(3.626.777)	(20.070.977)
Thu nhập lãi thuần	2.147.504	2.881.389	6.738.209
Các khoản thu nhập ngoài lãi	255.948	232.972	5.020.760
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>2.403.452</b>	<b>3.114.361</b>	<b>11.758.969</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(980.530)</b>	<b>(832.388)</b>	<b>(7.673.080)</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.422.922	2.281.973	4.085.889
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-	-	(3.585.038)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>1.422.922</b>	<b>2.281.973</b>	<b>500.851</b>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(978.789)
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>1.422.922</b>	<b>2.281.973</b>	<b>(477.938)</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	958.061	1.034.554	5.994.926
Tiền gửi tại NHNN	215.276	543.249	9.355.714
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8.981	2.355	7.563.003
Cho vay khách hàng	54.488.718	72.328.512	249.114.477
Hoạt động mua nợ	-	-	188.770
Đầu tư	-	-	69.738.105
Tài sản khác	2.452.686	1.111.433	38.042.073
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>58.123.722</b>	<b>75.020.103</b>	<b>379.997.068</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	522.745
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.614.781	4.283	13.513.796
Tiền gửi của khách hàng	79.488.821	50.357.668	290.782.127
Nợ phải trả khác	7.069.969	3.816.696	32.912.547
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>88.173.571</b>	<b>54.178.647</b>	<b>337.731.215</b>

	Lào Triệu đồng	Campuchia Triệu đồng	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng	Loại trừ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
	238.498	280.292	40.298.523	(10.607.787)	29.690.736
	(162.593)	(158.812)	(28.334.036)	10.607.787	(17.726.249)
	75.905	121.480	11.964.487	-	11.964.487
	59.016	171.134	5.739.830	-	5.739.830
	<b>134.921</b>	<b>292.614</b>	<b>17.704.317</b>	<b>-</b>	<b>17.704.317</b>
	<b>(102.048)</b>	<b>(161.870)</b>	<b>(9.749.916)</b>	<b>-</b>	<b>(9.749.916)</b>
	32.873	130.744	7.954.401	-	7.954.401
	(17.724)	48.387	(3.554.375)	-	(3.554.375)
	<b>15.149</b>	<b>179.131</b>	<b>4.400.026</b>	<b>-</b>	<b>4.400.026</b>
	(4.280)	(5.461)	(988.530)	-	(988.530)
	<b>10.869</b>	<b>173.670</b>	<b>3.411.496</b>	<b>-</b>	<b>3.411.496</b>
	54.186	180.638	8.222.365	-	8.222.365
	871.353	1.184.275	12.169.867	-	12.169.867
	170.816	608.424	8.353.579	-	8.353.579
	1.832.165	3.248.445	381.012.317	-	381.012.317
	-	-	188.770	-	188.770
	17.220	572	69.755.897	-	69.755.897
	199.934	170.120	41.976.246	(561.918)	41.414.328
	<b>3.145.674</b>	<b>5.392.474</b>	<b>521.679.041</b>	<b>(561.918)</b>	<b>521.117.123</b>
	-	-	522.745	-	522.745
	96.093	146	15.229.099	-	15.229.099
	2.635.066	4.123.090	427.386.772	-	427.386.772
	371.274	108.603	44.279.089	(561.918)	43.717.171
	<b>3.102.433</b>	<b>4.231.839</b>	<b>487.417.705</b>	<b>(561.918)</b>	<b>486.855.787</b>

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

39.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau:

Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp:

- Các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp bao gồm:
  - tín gửi khách hàng;
  - tín dụng;
  - dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền.

Đầu tư:

Đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác.

Các hoạt động nhận tiền gửi, đi vay, cho vay và các hoạt động liên ngân hàng khác.

Thông tin về các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp		Đầu tư	Hoạt động liên ngân hàng		Hoạt động không phân bổ		Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>								
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	-	-	-	8.222.365	-	8.222.365
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	12.169.867	-	-	-	12.169.867
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	8.353.579	-	-	-	8.353.579
Cho vay khách hàng	381.012.317	-	-	-	-	-	-	381.012.317
Hoạt động mua nợ	188.770	-	-	-	-	-	-	188.770
Chứng khoán đầu tư	-	-	69.666.929	-	-	-	-	69.666.929
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	88.968	-	-	-	-	88.968
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	8.195.276	-	8.195.276
Tài sản Có khác	26.671.396	1.104.524	-	55.006	-	5.388.126	-	33.219.052
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>407.872.483</b>	<b>70.860.421</b>	<b>-</b>	<b>20.578.452</b>	<b>-</b>	<b>21.805.767</b>	<b>-</b>	<b>521.117.123</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>								
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	522.745	-	-	-	522.745
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	15.229.099	-	-	-	15.229.099
Tiền gửi của khách hàng	427.386.772	-	-	-	-	-	-	427.386.772
Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	-	-	-	108.003	-	-	-	108.003
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	278.940	-	-	-	278.940
Phát hành giấy tờ có giá	16.103.779	-	-	5.000.000	-	-	-	21.103.779
Các khoản nợ khác	18.114.789	-	-	1.041.801	-	3.069.859	-	22.226.449
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>461.605.340</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.180.588</b>	<b>-</b>	<b>3.069.859</b>	<b>-</b>	<b>486.855.787</b>

Thông tin bộ phận về thu nhập và chi phí của Ngân hàng và các công ty con không được trình bày bởi vì Ngân hàng và các công ty con chưa thiết lập hệ thống thông tin quản lý để thu thập các thông tin này.

40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro trong quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

(i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

(iii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

(iv) Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.



40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

(vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

41. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tín cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

41.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng</b>		
Tiền gửi tại NHNN	12.169.867	10.052.590
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8.353.579	18.397.370
Các công cụ tài chính phái sinh	-	19.677
Cho vay khách hàng - gộp	387.929.596	340.268.127
- Cho vay khách hàng cá nhân	227.543.585	208.579.233
- Cho vay khách hàng tổ chức	160.386.011	131.688.894
Hoạt động mua nợ - gộp	285.967	303.915
Chứng khoán đầu tư - gộp	75.692.282	79.358.270
- Chứng khoán nợ - sẵn sàng để bán	34.041.928	52.036.218
- Chứng khoán nợ - giữ đến ngày đáo hạn	41.650.354	27.322.052
Tài sản tài chính khác	27.765.519	32.431.074
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng - gộp</b>		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	10.996.865	10.037.651
Các cam kết trong thư tín dụng	7.829.512	9.210.680

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

41. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

41.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1, theo quy định của Thông tư 11 (bao gồm các khoản nợ nhóm 1 Ngân hàng và các công ty con tự phân loại (loại trừ các khoản cơ cấu Covid – 19 có trích dự phòng bổ sung theo Thông tư 01 và 03 và 14) và các khoản nợ cơ cấu Covid được phân loại nhóm 1 sau khi kéo theo CIC), các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Ngân hàng và các công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và các công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

41.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Cho vay khách hàng	279.983	124.661	110.092	339.138	853.874

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và các công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

42.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và các công ty con:

- » Tiền mặt, vàng bạc và đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn, các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, công cụ tài chính phái sinh và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại là những khoản mục không chịu lãi;
- » Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD, tiền gửi của khách hàng và vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên kỳ hạn của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:



42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Thời hạn định lại lãi suất						Tổng cộng Triệu đồng
			Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	8.222.365	-	-	-	-	-	-	8.222.365
Tiền gửi tại NHNN	-	871.354	11.298.513	-	-	-	-	-	12.169.867
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	7.739.824	290.186	232.129	91.440	-	-	8.353.579
Cho vay khách hàng - gộp	7.327.528	-	135.434.025	233.337.672	869.769	996.007	3.985.588	5.979.007	387.929.596
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	-	285.967	-	-	-	-	285.967
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	23.734.121	3.261.138	1.701.091	1.510.598	2.169.230	24.209.956	19.112.300	75.698.434
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	97.014	-	-	-	-	-	-	97.014
Tài sản cố định	-	8.195.276	-	-	-	-	-	-	8.195.276
Tài sản Có khác - gộp	2.092.556	34.202.918	-	-	-	-	-	-	36.295.474
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.420.084</b>	<b>75.323.048</b>	<b>157.733.500</b>	<b>235.614.916</b>	<b>2.612.496</b>	<b>3.256.677</b>	<b>28.195.544</b>	<b>25.091.307</b>	<b>537.247.572</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	452.850	69.895	-	-	-	-	522.745
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.983.598	5.541.616	2.663.657	40.228	-	-	15.229.099
Tiền gửi của khách hàng	-	913.000	186.999.137	77.242.914	77.424.057	71.177.864	13.607.689	22.111	427.386.772
Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	-	108.003	-	-	-	-	-	-	108.003
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	50.669	228.271	278.940
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	648.772	3.758.873	6.422.182	7.260.352	3.013.600	-	21.103.779
Các khoản nợ khác	-	22.226.449	-	-	-	-	-	-	22.226.449
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>23.247.452</b>	<b>195.084.357</b>	<b>86.613.298</b>	<b>86.509.896</b>	<b>78.478.444</b>	<b>16.671.958</b>	<b>250.382</b>	<b>486.855.787</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>9.420.084</b>	<b>52.075.596</b>	<b>(37.350.857)</b>	<b>149.001.618</b>	<b>(83.897.400)</b>	<b>(75.221.767)</b>	<b>11.523.586</b>	<b>24.840.925</b>	<b>50.391.785</b>

Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa có đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND, một phần là vàng, Đô la Mỹ, EUR và các ngoại tệ khác. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền.

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng
<b>Tài sản</b>		
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	195.892	1.515.135
Tiền gửi tại NHNN	1.632	2.062.302
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	59.263	2.414.367
Cho vay khách hàng - gộp	4.445	13.950.791
Hoạt động mua nợ	-	285.967
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	572
Tài sản cố định	-	38.424
Tài sản Có khác - gộp	6.785	2.359.900
<b>Tổng tài sản</b>	<b>268.017</b>	<b>22.627.458</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>		
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.689	6.871.063
Tiền gửi của khách hàng	245.194	13.966.182
4 Công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	1.387	1.149.028
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	5
Các khoản nợ khác	10.517	456.366
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>260.787</b>	<b>22.442.644</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>7.230</b>	<b>184.814</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>(6.461)</b>	<b>(143.079)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>769</b>	<b>41.735</b>

Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 46.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
158.512	509.790	2.379.329
-	753.717	2.817.651
-	565.587	3.039.217
600.576	1.900.800	16.456.612
-	-	285.967
-	17.220	17.792
-	150.011	188.435
12	92.008	2.458.705
<b>759.100</b>	<b>3.989.133</b>	<b>27.643.708</b>
-	111.019	6.985.771
-	2.000.398	16.211.774
-	247.343	1.397.758
-	278.940	278.940
-	-	5
-	119.716	586.599
<b>-</b>	<b>2.757.416</b>	<b>25.460.847</b>
<b>759.100</b>	<b>1.231.717</b>	<b>2.182.861</b>
<b>(118.372)</b>	<b>(79.152)</b>	<b>(347.064)</b>
<b>640.728</b>	<b>1.152.565</b>	<b>1.835.797</b>



42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng và các công ty con là không đáng kể.

		Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận sau thuế hợp nhất Triệu đồng
Thay đổi tỷ giá		
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
EUR	+2,00%	116
EUR	-2,00%	(116)
USD	+2,00%	2.957
USD	-2,00%	(2.957)
SJC	+5,00%	30.364
SJC	-5,00%	(30.364)

42.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các công ty con, đồng thời Ngân hàng và các công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và các công ty con:

- » Tiền gửi tại NHNN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn được xác định khả năng thanh khoản trong vòng từ một (1) đến ba (3) tháng; chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ chưa niêm yết và chứng khoán do VAMC phát hành được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- » Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN Việt Nam; nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

- » Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- » Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- » Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thời gian đáo hạn thực tế có thể khác do các khoản mục này có thể được thanh toán sớm, gia hạn hoặc tái tục.

42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	8.222.365	-	-	-	-	8.222.365
Tiền gửi tại NHNN	-	-	12.169.867	-	-	-	-	12.169.867
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	7.739.824	290.186	323.569	-	-	8.353.579
Cho vay khách hàng - gộp	5.721.140	1.606.388	22.081.079	55.970.270	152.751.757	60.548.498	89.250.464	387.929.596
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	-	-	-	-	285.967	285.967
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	31.172.550	5.580	1.250.007	26.650.159	16.620.138	75.698.434
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	97.014	97.014
Tài sản cố định	-	-	31	1.095	24.361	1.003.340	7.166.449	8.195.276
Tài sản Có khác - gộp	2.085.422	7.134	16.608.249	1.490.872	3.351.336	7.000.590	5.751.871	36.295.474
Tổng tài sản	7.806.562	1.613.522	97.993.965	57.758.003	157.701.030	95.202.587	119.171.903	537.247.572
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	452.851	11.298	33.891	24.682	23	522.745
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	6.188.400	4.105.272	2.867.818	2.065.559	2.050	15.229.099
Tiền gửi của khách hàng	-	-	187.849.275	77.241.879	148.558.656	13.710.685	26.277	427.386.772
Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	-	-	108.003	-	-	-	-	108.003
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	50.669	228.271	278.940
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	80.036	518.379	4.552.891	11.968.020	3.984.453	21.103.779
Các khoản nợ khác	-	-	15.011.167	2.200.169	4.730.242	271.784	13.087	22.226.449
Tổng nợ phải trả	-	-	209.689.732	84.076.997	160.743.498	28.091.399	4.254.161	486.855.787
Mức chênh thanh khoản ròng	7.806.562	1.613.522	(111.695.767)	(26.318.994)	(3.042.468)	67.111.188	114.917.742	50.391.785



42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

42.4 Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

42.5 Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Trong quá trình quản lý tài sản và các khoản nợ, Ngân hàng và các công ty con có sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro để giảm thiểu rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro được thực hiện cho các công cụ tài chính cụ thể, tổng thể danh mục các công cụ tài chính có lãi suất cố định cũng như tổng thể trạng thái tài chính.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý để giảm rủi ro phát sinh từ sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính do các biến động trong lãi suất và tỷ giá. Các công cụ tài chính được phòng ngừa rủi ro lãi suất bao gồm các khoản cho vay, chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và giấy tờ có giá phát hành. Cho mục đích phòng ngừa rủi ro tiền tệ, Ngân hàng và các công ty con sử dụng các hợp đồng hoán đổi tiền tệ.

43. CAM KẾT VỐN, THUÊ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI SẢN GIỮ HỘ

43.1 Cam kết vốn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	166.338	206.575

43.2 Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động	2.932.322	3.363.268
Trong đó:		
- Đến hạn trong 1 năm	431.451	734.459
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	1.417.784	1.420.418
- Đến hạn sau 5 năm	1.083.087	1.208.391

43.3 Tài sản giữ hộ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vàng giữ hộ	131.626	165.972

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt, hướng dẫn thực hiện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc và đá quý, các khoản tiền gửi tại NHNN và các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng và các TCTD khác, các khoản chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- » Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc

» Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

» Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

*Các khoản cho vay khách hàng và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- b) Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- c) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ NHNN Việt Nam, tiền gửi tại và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210 nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

*Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - » Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
  - » Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - » Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

44. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Giá trị ghi sổ					
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	-	-	8.222.365	8.222.365
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	12.169.867	12.169.867
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	675.186	-	7.678.393	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	381.012.317	-	-	(*)
Hoạt động mua nợ	-	-	188.770	-	-	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	34.039.000	-	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	35.627.929	-	-	-	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	88.968	-	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	25.952.737	(*)
	-	35.627.929	381.876.273	34.127.968	54.023.362	505.655.532
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	522.745	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	15.229.099	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	427.386.772	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	-	-	-	-	108.003	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	278.940	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	21.103.779	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	19.156.590	(*)
	-	-	-	-	483.785.928	483.785.928

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của NHNN Việt Nam có liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

45. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

46. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Đồng
Vàng SJC	5.860.000	5.560.000
Vàng SBJ	5.750.000	5.510.000
USD	22.860	23.088
EUR	25.842	28.386
GBP	30.750	31.447
CHF	24.972	26.139
JPY	199,11	224,00
SGD	16.862	17.438
CAD	17.881	18.083
AUD	16.674	17.688
LAK	1,88	2,34
THB	698	775
NZD	15.458	16.618

Người lập:

Ông Lưu Văn Hòa  
Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người kiểm soát:

Ông Huỳnh Thanh Giang  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm  
Tổng Giám đốc



